



Lexmark™

# Hướng dẫn về Giấy và Giấy chuyên dụng

---

Máy in laser

Tháng 6 năm 2024

**Đoạn sau đây không áp dụng cho bất kỳ quốc gia nào có các điều khoản không phù hợp với luật pháp địa phương:** LEXMARK INTERNATIONAL, INC., CUNG CẤP ẢN PHẨM NÀY "NGUYỄN TRẠNG" VÀ KHÔNG BẢO ĐẢM DƯỚI MỌI HÌNH THỨC, DÙ LÀ RÕ RÀNG HOẶC NGỤ Ý, BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI CÁC BẢO ĐẢM NGỤ Ý VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. Một số bang không cho phép tuyên bố từ chối bảo đảm rõ ràng hoặc ngụ ý trong một số giao dịch nhất định; do đó, tuyên bố này có thể không áp dụng cho bạn.

Ấn phẩm này có thể có nhiều sai sót về kỹ thuật hoặc lỗi in. Các thay đổi được thực hiện định kỳ đối với thông tin trong tài liệu này sẽ được đưa vào các phiên bản sau. Mọi cải tiến hoặc thay đổi đối với sản phẩm hoặc chương trình được mô tả có thể được thực hiện vào bất kỳ lúc nào.

Mọi tham chiếu trong ấn phẩm này đến các sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ không ngụ ý rằng nhà sản xuất dự định cung cấp chúng ở tất cả quốc gia mà nhà sản xuất hoạt động. Mọi tham chiếu đến sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ không nhằm nêu rõ hoặc ngụ ý rằng chỉ có thể sử dụng sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ đó. Thay vào đó, mọi sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ tương đương về chức năng không vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ hiện hữu nào cũng có thể được sử dụng. Người dùng chịu trách nhiệm đánh giá và xác minh hoạt động cùng với các sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ khác, ngoại trừ những sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ được chỉ định rõ ràng bởi nhà sản xuất.

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật của Lexmark, hãy truy cập trang <http://support.lexmark.com>.

Để biết thông tin về chính sách bảo mật của Lexmark chi phối việc sử dụng sản phẩm này, hãy truy cập trang [www.lexmark.com/privacy](http://www.lexmark.com/privacy).

Để biết thông tin về vật tư và các bản tải xuống, hãy truy cập trang [www.lexmark.com](http://www.lexmark.com).

© 2016 Lexmark International, Inc.

Tất cả các quyền được bảo lưu.

## NGƯỜI DÙNG CUỐI THUỘC CHÍNH PHỦ

Chương trình phần mềm và bất kỳ tài liệu liên quan nào đều là "Hạng mục thương mại", theo như định nghĩa của thuật ngữ này trong 48 C.F.R. 2.101, "Phần mềm máy tính" và "Tài liệu về phần mềm máy tính thương mại", theo như định nghĩa của các thuật ngữ này trong 48 C.F.R. 12.212 hoặc 48 C.F.R. 227.7202, nếu có. Tuân thủ 48 C.F.R. 12.212 hoặc 48 C.F.R. 227.7202-1 đến 227.7207-4, nếu có, Phần mềm máy tính thương mại và Tài liệu về phần mềm thương mại được cấp phép cho người dùng cuối thuộc chính phủ Hoa Kỳ (a) chỉ dưới hình thức Hạng mục thương mại và (b) chỉ với các quyền như được cấp cho tất cả người dùng cuối khác theo các điều khoản và điều kiện trong tài liệu này.

## Thương hiệu

Lexmark và logo Lexmark là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Lexmark International, Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Tất cả thương hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

# Nội dung

<b>Giới thiệu.....</b>	<b>5</b>
<b>Cần nhắc thiết kế để mua giấy.....</b>	<b>7</b>
Tổng quan ngành công nghiệp giấy.....	7
Yếu tố thiết kế giấy.....	7
<b>Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng giấy.....</b>	<b>12</b>
Giấy.....	12
Giấy tái chế.....	14
Giấy bì.....	15
Phong bì.....	17
Nhãn.....	18
Khắc phục sự cố.....	27
Giấy trong suốt.....	28
Giấy không được hỗ trợ.....	28
Sử dụng giấy tái chế.....	28
Bảo quản giấy.....	29
<b>Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in.....</b>	<b>30</b>
Máy in Lexmark CS963, CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655 và các MFP.....	30
Máy in và MFP Lexmark C2335, CS531, CS632, CS639, CX532, CX635, XC2335.....	69
Máy in và MFP Lexmark M3350, MS531, MS631, MS632, MS639, MX532, MX632, XM3350.....	76
Máy in và MFP Lexmark C4342, C4352, CS730, CS735, CS737, CX730, CX735, CX737, XC4342, XC4352.....	80
Máy in và MFP Lexmark B3340, B3442, M1342, MB3442, MS331, MS431, MS439, MX331, MX431, MX432, XM1342, XM3142.....	87
MFP Lexmark MX931, CX930, CX931, XC9325, XC9335.....	90
Máy in và MFP Lexmark CS943, CX942, CX943, CX944, XC9445, XC9455, XC9465.....	102
Máy in và MFP Lexmark C2326, CS431, C3426, CS439, CX431, MC3426, XC2326.....	129
Máy in và MFP Lexmark CS331, CX331, C3224, C3326, MC3224, MC3326.....	132
Máy in Lexmark B2236 Printer và MFP MB2236.....	135
Máy in và MFP Lexmark C2240, C2325, C2425, C2535, CS421, CS521, CS622, CX421, CX522, CX622, CX625, MC2325, MC2425, MC2535, MC2640, XC2235, XC4240.....	137

Máy in Lexmark MS725 Printer và MFP MX725.....	142
Máy in Lexmark B2865, M5255, M5270, MS821, MS822, MS823, MS825, MS826.....	149
MFP Lexmark MB2770, MX721, MX722, XM5365, XM5370.....	157
MFP Lexmark MX822, MX826, XM7355, XM7370.....	162
Máy in Lexmark B2338, B2442, B2546, B2650, M1242, M1246, M3250, MS321, MS421, MS521, MS621, MS622.....	170
MFP Lexmark MB2338, MB2442, MX321, MX421, XM1242.....	174
MFP Lexmark MB2546, MB2650, MX521, MX522, MX622, XM1242, XM1246, XM3250.....	178
Máy in và MFP Lexmark C9235, CS921, CS923, CS927, CX921, CX922, CX923, CX924, CX927, XC9225, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265.....	182
Máy in và MFP Lexmark C6160, CS820, CS827, CX820, CX825, CX827, CX860, XC6152, XC6153, XC8155, XC8160, XC8163.....	191
Máy in và MFP Lexmark C4150, CS720, CS725, CS727, CS728, CX725, CX727, XC4140, XC4143, XC4150, XC4153.....	198
<b>Bảng thuật ngữ.....</b>	<b>204</b>



## Giới thiệu

Tài liệu này cung cấp các hướng dẫn để giúp bạn chọn vật liệu in thích hợp cho các máy in laser sau.

Series	Model máy in
B Series	B2236, B2338, B2442, B2546, B2650, B2865, B3340, B3442
C Series	C2240, C2325, C2335, C2326, C2425, C2535, C3224, C3326, C3426, C4150, C4342, C4352, C6160, C9235, CS331, CS421, CS431, CS439, CS521, CS531, CS622, CS632, CS639, CS720, CS725, CS727, CS728, CS730, CS735, CS737, CS820, CS827, CS921, CS923, CS927, CS943, CS963, CX331, CX421, CX431, CX522, CX532, CX622, CX625, CX635, CX725, CX727, CX730, CX735, CX737, CX820, CX825, CX827, CX833, CX860, CX921, CX922, CX923, CX924, CX927, CX930, CX931, CX942, CX943, CX944, CX961, CX962, CX963
M Series	M1242, M1246, M1342, M3250, M3350, M5255, M5270, MB2236, MB2338, MB2442, MB2546, MB2650, MB2770, MB3442, MC2325, MC2425, MC2535, MC2640, MC3224, MC3326, MC3426, MS321, MS331, MS421, MS431, MS439, MS521, MS531, MS621, MS622, MS631, MS632, MS639, MS725, MS821, MS822, MS823, MS825, MS826, MX321, MX331, MX421, MX431, MX432, MX521, MX522, MX532, MX622, MX632, MX721, MX722, MX725, MX822, MX826, MX931
X Series	XC2235, XC2240, XC2326, XC2335, XC4140, XC4143, XC4150, XC4153, XC4240, XC4342, XC4352, XC6152, XC6153, XC8155, XC8160, XC8163, XC8355, XC9225, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265, XC9325, XC9335, XC9445, XC9455, XC9465, XC9635, XC9645, XC9655, XM1242, XM1246, XM1342, XM3142, XM3250, XM3350, XM5365, XM5370, XM7355, XM7370

Thông tin được cung cấp ở đây thay thế các thông tin khác liên quan đến giấy, giấy bìa, nhãn và giấy chuyên dụng đi kèm với máy in của bạn.

Ngoài các khuyến nghị về giấy dành riêng cho máy in, tài liệu này cũng giải thích các yếu tố thiết kế cần xem xét khi mua tất cả các loại vật liệu in. Để biết định nghĩa về thuật ngữ ngành, vui lòng xem [“Bảng thuật ngữ” trên trang 204](#). Nếu bạn có câu hỏi cụ thể về giấy bìa hoặc thiết kế, hãy liên hệ với nhà cung cấp vật liệu in của bạn. Để biết số liên hệ hỗ trợ kỹ thuật, vui lòng xem thẻ đăng ký máy in hoặc vào [danh mục liên hệ hỗ trợ quốc tế](#).

**Lưu ý:** Luôn kiểm tra kỹ vật liệu in trước khi mua số lượng lớn. Làm như vậy sẽ giúp bạn tránh được các sự cố in không mong muốn.

### Lịch sử thay đổi tài liệu

Ngày	Nội dung thay đổi
Tháng 6 năm 2024	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: CS963, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655.
Tháng 4 năm 2023	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: C2335, CS531, CS632, CS639, CS737, CX532, CX635, CX737, M3350, MS531, MS631, MS632, MS639, MX532, MX632, XC2335, XM3350.
Tháng 10 năm 2022	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: MX432, XM3142.
Tháng 5 năm 2022	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: CS943, CX930, CX931, CX942, CX943, CX944, MX931, XC9325, XC9335, XC9445, XC9455, XC9465.
Tháng 2 năm 2022	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: C4342, C4352, CS730, CS735, CX730, CX735, XC4342, XC4352.
Tháng 1 năm 2021	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: C2326 M1342 XM1342 XC2326.
Tháng 5 năm 2020	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: CS439, MS439, XC4143, XC4153, XC6153, XC8163.

Ngày	Nội dung thay đổi
Tháng 3 năm 2020	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: B3340, B3442, C3426, CS431, CX431, MB3442, MC3426, MS331, MS431, MX331, MX431.
Tháng 7 năm 2019	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: CS331, CX331, C3224, C3326, MC3224, MC3326.
Tháng 2 năm 2019	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: B2236 và MB2236.
Tháng 6 năm 2018	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: B2865, C2240, C2325, C2425, C2535, CS421, CS521, CS622, CX421, CX522, CX622, CX625, MC2325, MC2425, MC2535, MC2640, M5255, M5270, MB2770, MS725, MS821, MS822, MS823, MS825, MS826, MX721, MX722, MX725, MX822, MX826, XC2235, XC2240, XC4240, XM5365, XM5370, XM7355, XM7370.
Tháng 4 năm 2018	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: B2338, B2442, B2546, B2650, M1242, M1246, M3250, MB2338, MB2442, MB2546, MB2650, MS321, MS421, MS521, MS621, MS622, MX321, MX421, MX521, MX522, MX622, XM1242, XM1246, XM3250.
Tháng 8 năm 2017	Đã thêm thông tin hỗ trợ cho các sản phẩm sau: C9235, CS921, CS923, CS927, CX921, CX922, CX923, CX924, CX927, XC9225, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265.
Tháng 9 năm 2016	Phát hành tài liệu ban đầu cho các sản phẩm sau: C4150, C6160, CS720, CS725, CS727, CS728, CS820, CS827, CX725, CX727, CX820, CX825, CX827, CX860, XC4140, XC4150, XC6152, XC8155, XC8160.

# Cân nhắc thiết kế để mua giấy

## Tổng quan ngành công nghiệp giấy

Ngành công nghiệp giấy và nhân bao gồm các nhà sản xuất, bên chuyển đổi và nhà phân phối.

- *Nhà sản xuất* sản xuất vật liệu cơ bản. Nếu lớp giấy cơ bản dành cho nhân, thì các nhà sản xuất có thể vận chuyển sản phẩm ở dạng cuộn lớn hoặc cắt sẵn.
- *Bên chuyển đổi* lấy vật liệu cơ bản và chuyển đổi thành sản phẩm cắt sẵn. Bên chuyển đổi có thể gia công từ các cuộn có hoặc không có chất kết dính. Họ cũng có thể lấy vật liệu cơ bản và chuyển đổi để đáp ứng các thông số kỹ thuật của khách hàng.

Quá trình chuyển đổi bao gồm, nhưng không giới hạn, cắt vật liệu cơ bản theo kích thước, đục lỗ, cắt khuôn, bôi mực và sơn phủ. Bên chuyển đổi làm việc cùng khách hàng để chuyển đổi vật liệu cơ bản thành sản phẩm cắt sẵn được thiết kế để sử dụng trong máy in laser.

- *Nhà phân phối* thường liên kết trực tiếp với khách hàng.

Khi nhu cầu và giá thay đổi, các nhà phân phối có thể làm việc với các bên chuyển đổi khác nhau và ngược lại. Hầu hết các doanh nghiệp tuân theo các quy ước của ngành được chấp nhận, nhưng thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, công thức và quy trình có thể thay đổi theo thời gian hoặc với các công ty khác nhau.

Do đó, nhân hoặc giấy có hiệu quả tốt trong quá khứ có thể đột nhiên phát sinh sự cố in do thay đổi vật liệu hoặc quy trình.

Một số doanh nghiệp lớn thực hiện cả ba chức năng, từ sản xuất đến phân phối. Các công ty này có thể cung cấp chuyên môn cao hơn và tính nhất quán của sản phẩm so với các công ty chỉ tập trung vào một khía cạnh của quy trình.

Một số nhà sản xuất giấy có trang web để bạn có thể lấy thêm thông tin chi tiết về loại giấy mà bạn muốn sử dụng.

## Yếu tố thiết kế giấy

Vật liệu in có các đặc điểm có thể đo lường được mà bạn cần cân nhắc khi lựa chọn hoặc thiết kế biểu mẫu cho ứng dụng cụ thể của mình.

### Trọng lượng cơ bản

*Trọng lượng cơ bản* là thuật ngữ được dùng để mô tả trọng lượng tính bằng pound của 500 tờ giấy (một ram). Tuy nhiên, khổ giấy tiêu chuẩn quyết định trọng lượng, có thể không phải là khổ đã mua. Do đó, không phải lúc nào cũng có thể so sánh được trọng lượng cơ bản. Ví dụ: kích thước tiêu chuẩn của giấy thô 20 lb là 17 x 22 inch và một ram nặng 20 pound. Nếu giấy được cắt, tạo ra bốn ram giấy 8,5 x 11 inch, thì mỗi ram sẽ được dán nhãn giấy thô 20 lb nhưng sẽ chỉ nặng 5 pound.

Giấy tương tự nặng 24 pound sẽ được gọi là giấy thô 24 lb. Giấy thô 24 lb dày hơn, nặng hơn và đặc hơn giấy thô 20 lb. Giấy dày hơn có nghĩa là có thể đặt ít giấy hơn vào khay. Giấy nặng hơn và đặc hơn có thể gây kẹt giấy hoặc các vấn đề về độ tin cậy khi nạp giấy ở một số máy in. Để xác minh trọng lượng giấy cơ bản đang được sử dụng là chấp nhận được, hãy xem bảng trọng lượng giấy được hỗ trợ ở [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

Không phải tất cả các trọng lượng cơ bản đều liên quan đến cùng một kích thước trang tiêu chuẩn. Ví dụ: vật liệu 70 lb có thể mỏng hơn vật liệu 40 lb nếu dựa trên giấy có khổ lớn hơn. Đơn vị đo gam trên mét vuông ( $g/m^2$ ) là cách thức phù hợp để so sánh trọng lượng và đã được Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) chuẩn hóa.

Máy in của bạn có thể chấp nhận các trọng lượng vật liệu khác nhau, nhưng vật liệu quá mỏng hoặc quá dày đều có thể gây ra sự cố in. Vật liệu dày và dày hơn có thể không nóng đủ nhanh trong bộ sấy, dẫn đến chất lượng bản in kém. Độ tin cậy khi nạp giấy có thể giảm hoặc giấy bị lệch do trọng lượng hoặc độ cứng. Ngược lại, vật liệu mỏng hơn có thể bị nhăn và kẹt trong máy in do độ bền uốn thấp (độ cứng).

Sử dụng bảng sau để so sánh trọng lượng của các loại giấy khác nhau.

Hệ mét tương đương ( $g/m^2$ )	Trọng lượng cơ bản (lb/ream)					
	Giấy thô 431,8 x 558,8 mm (17 x 22 inch)	Offset 635 x 965,2 mm (25 x 38 inch)	Giấy in cover 508 x 660,4 mm (20 x 26 inch)	Giấy Bristol in 571,5 x 889 mm (22,5 x 35 inch)	Giấy Bristol chỉ mục 647,7 x 774,7 mm (25,5 x 30,5 inch)	Giấy in thẻ 609,6 x 914,4 mm (24 x 36 inch)
60	16	40	18	23	33	37
75	20	51	28	34	42	46
80	21	51	30	36	44	49
90	24	61	33	41	50	55
100	27	68	37	46	55	62
110	29	74	41	50	61	68
120	32	81	44	55	66	74
145	39	98	54	66	80	89
160	43	108	59	73	88	98
175	47	118	65	80	97	108
200	53	135	74	91	111	123
215	57	145	80	98	119	132
255	68	172	94	116	141	157
260	69	176	96	119	144	160
300	80	203	111	137	166	184

Trọng lượng giấy bia có thể thay đổi  $\pm 5\%$ .

Tùy thuộc vào hướng của vật liệu khi nạp qua máy in, bạn có thể cần yêu cầu các vật liệu nặng hơn được cắt theo thớ ngắn hoặc thớ dài để tạo sự linh hoạt trong các lượt của đường dẫn giấy.

Để biết thêm thông tin về trọng lượng mà máy in của bạn hỗ trợ, vui lòng xem thông số kỹ thuật của từng máy in trong tài liệu này.

## Kích thước

Tất cả các máy in đều có giới hạn về kích thước vật liệu in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu máy in của bạn. Đôi khi, bạn có thể thiết kế lại bản in của mình để khắc phục những hạn chế này. Ví dụ: nếu tài liệu của bạn ngắn hơn độ dài tối thiểu mà máy in hỗ trợ thì bạn có thể đặt hai tài liệu trên một tờ giấy.

## Môi trường

Máy in Lexmark đáp ứng hoặc đáp ứng vượt mức tất cả các quy định và tiêu chuẩn về khí thải của ngành. Việc in liên tục trên một số loại giấy hoặc vật liệu khác có thể tạo ra khói mà không phải là sự cố khi in không thường xuyên. Đảm bảo máy in của bạn được đặt ở khu vực thông gió tốt.

Nhiệt độ và độ ẩm có thể có tác động lớn đến quá trình in ấn. Ngay cả những thay đổi nhỏ (chẳng hạn như từ ngày sang đêm) cũng có thể ảnh hưởng lớn đến độ tin cậy khi nạp giấy khi vật liệu in nằm trong phạm vi có thể chấp nhận được.

Chúng tôi khuyên bạn nên bảo quản vật liệu trong bao bì ban đầu. Bảo quản vật liệu trong cùng môi trường với máy in từ 24 đến 48 giờ trước khi in để giấy ổn định ở điều kiện mới. Bạn có thể cần kéo dài thời gian này thêm vài ngày khi môi trường bảo quản hoặc vận chuyển rất khác với môi trường máy in. Vật liệu dày cũng đòi hỏi thời gian bảo quản lâu hơn do vật liệu có khối lượng lớn.

Nếu bạn lấy vật liệu ra khỏi bao bì trước khi sẵn sàng nạp vào máy in, thì vật liệu sẽ có độ ẩm không đồng đều dẫn đến hiện tượng quăn. Trước khi nạp, chúng tôi khuyến nghị độ quăn không được vượt quá 3 mm (0,125 inch). Các vật liệu mỏng hơn, chẳng hạn như nhãn giấy và một số biểu mẫu kết hợp, có nhiều khả năng gặp sự cố in nếu bị quăn.

Hầu hết các nhà sản xuất nhãn đều khuyến nghị nên in ở nhiệt độ từ 18 – 24°C (65 – 75°F) với độ ẩm tương đối 40 – 60 phần trăm. Máy in Lexmark được thiết kế để hoạt động trong khoảng nhiệt độ từ 15,5 – 32°C (60 đến 90°F) với độ ẩm tương đối từ 8 đến 80 phần trăm. In trong môi trường nằm ngoài các khuyến nghị này có thể gây kẹt giấy, các sự cố khi nạp giấy, giảm chất lượng in và nhãn phân phối trước (bong tróc).

## Mực in sẵn

Vật liệu in sẵn cho biết các thành phần bán lỏng và dễ bay hơi với nhiệt độ và áp suất cao được sử dụng trong quy trình in laser. Mực và màu in sẵn chịu được nhiệt độ bộ sấy lên đến 225°C (437°F) và áp suất lên đến 25 psi mà không làm bẩn máy in hoặc tạo khói độc hại.

Chúng tôi không khuyến nghị dùng mực in nhiệt. Mực in nhiệt có cảm giác như sáp và hình ảnh in có vẻ nổi lên trên bề mặt vật liệu in. Những loại mực này có thể tan chảy và làm hỏng cụm bộ sấy.

Mực in sẵn phải có khả năng chống mài mòn để giảm bụi mực và làm bẩn mực trong máy in. Nếu bạn đang in trên một khu vực đã in sẵn, mực phải hấp thụ bột mực để đảm bảo thẩm đều.

Tất cả các loại mực in sẵn phải được làm khô hoàn toàn trước khi sử dụng các tài liệu in. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị không nên sử dụng bột in offset hoặc các vật liệu khác để làm khô nhanh. Để xác định xem mực có tương thích với máy in làm nóng mực đến 225°C (437°F) hay không, hãy tham khảo bên chuyển đổi mực, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp của bạn.

## Lỗ và cắt theo khuôn

Nếu có lỗ, thì đường đục lỗ phải dừng cách mỗi cạnh của biểu mẫu 1,6 mm (0,06 inch). Làm như vậy để tránh phải tách biểu mẫu trong đường dẫn máy in, dẫn đến kẹt giấy. Vị trí của lỗ ảnh hưởng đến cường độ gấp ban đầu. Các lỗ gần cạnh hơn có thể làm tăng số lần kẹt giấy. Đối với các vật liệu nhạy cảm với áp suất như nhãn, hãy giảm thiểu số lượng lỗ xuyên qua vật liệu lót hoặc lớp lót.

Các lỗ nên được là úi để vật liệu in nằm phẳng, giảm tình trạng các biểu mẫu lồng vào nhau. Các cạnh phải nhẵn và sạch, không bị quăn. *Lỗ laser* (còn được gọi là *lỗ siêu nhỏ* hoặc *lỗ dữ liệu*) mang lại độ ổn định cao hơn hoặc được ưa chuộng hơn. Những lỗ nhỏ hơn này thường không lồng vào nhau hoặc tạo ra quá nhiều bụi và vụn giấy. Đảm bảo loại bỏ bụi và vụn giấy sinh ra từ quá trình chuyển đổi trước khi đóng gói.

Nếu các lỗ *gấp lại* hoặc nếp gấp ở đường lỗ, các lỗ có thể bị rách, gây kẹt giấy. Nếp gấp có thể làm tăng độ nghiêng, gây ra hiện tượng nạp hai tờ hoặc làm mực in bị nhòe trên vật liệu in trước khi thấm, dẫn đến chất lượng bản in kém. Để giảm tình trạng nếp gấp, hãy sử dụng các lỗ siêu nhỏ. Nếu vật liệu in bị rách nhẹ khi di chuyển qua máy in, các lỗ sẽ giữ nguyên mà không bị rách.

*Cắt theo khuôn* được dùng để tạo hình dạng trên nhãn hoặc thiết kế giấy bì. Khi thiết kế nhãn, hãy bo tròn tất cả các góc để tránh tách nhãn và tránh cắt qua lớp lót (vết cắt xuyên). Bạn cũng không nên chia tách lớp lót và lỗ khí.

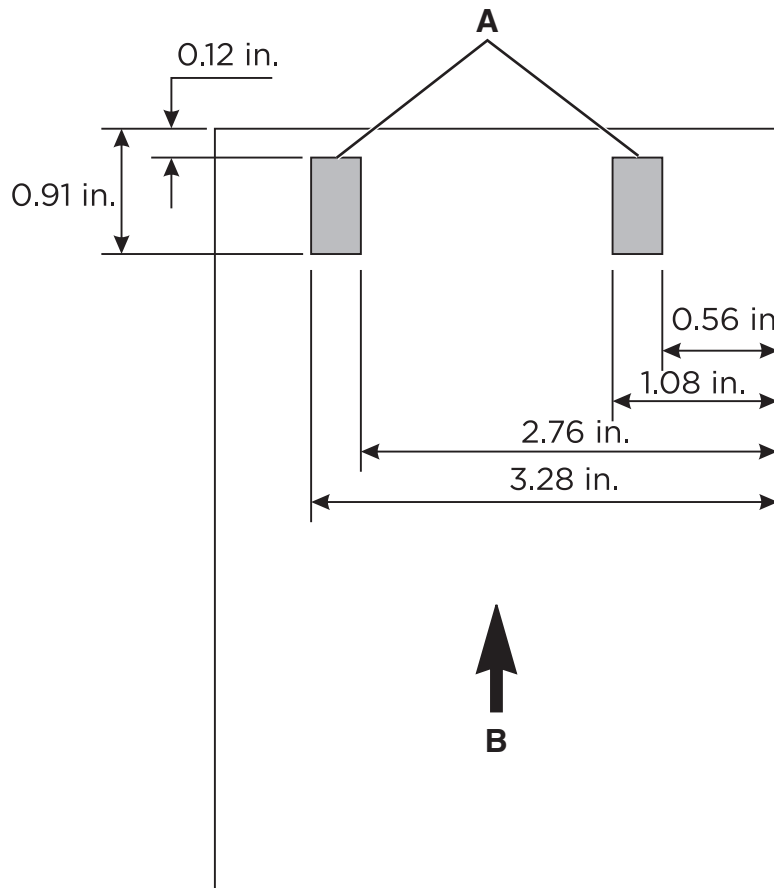
Nếu các lỗ hoặc vết cắt theo khuôn là một phần của thiết kế vật liệu in, thì bạn nên sử dụng dây buộc. Những vùng không cắt nhỏ này (khoảng 1,6 mm hoặc 0,06 inch) giúp ổn định biểu mẫu và tránh bị rách ở các lỗ và vết cắt khuôn trong khi in.

Đối với những khu vực có vết cắt theo khuôn hoặc lỗ giao nhau hoặc tạo ra sản phẩm cuối cùng nhỏ, các dây buộc ở góc của thiết kế làm tăng sự ổn định. Có thể đặt dây buộc ở bất kỳ đâu dọc theo các lỗ hoặc vết cắt theo khuôn. Đối với các sản phẩm nhạy cảm với áp suất, dây buộc giúp nhãn không bị bong khỏi lớp lót khi ở trong máy in. Dây buộc không được dùng để bù đắp cho độ bền bóc tách không phù hợp của keo dính trong các thiết kế nhãn.

## Công nghệ trực nạp giấy

Một số máy in có cụm trực nạp giấy giúp nạp giấy đáng tin cậy hơn hệ thống chắn góc được dùng trong các model máy in trước đó. Cụm có hai trục tiếp xúc với giấy. Tránh đục lỗ sâu ở những khu vực này vì giấy có thể lồng vào nhau, gây ra tình trạng nạp nhiều tờ. Các lỗ có thể gây ra hiện tượng lồng vào nhau và nếp gấp nên nằm ngoài khu vực trực nạp giấy trên cạnh trước của giấy. Khoảng cách này khác với khoảng trống 0,5 inch mà chúng tôi khuyến nghị để ở đầu biểu mẫu dành cho máy in có hệ thống chắn góc. Sử dụng lỗ siêu nhỏ để tránh hiện tượng lồng vào nhau.

Đảm bảo các lỗ nằm ngoài khu vực 0,12 – 0,91 inch trên cạnh trước của giấy.



<b>A</b>	Vị trí trực nạp giấy
<b>B</b>	Hướng nạp

## Dập chìm và dập nổi

Tránh các vật liệu dập chìm và dập nổi. Việc sử dụng các vật liệu này có thể dẫn đến hiện tượng lồng vào nhau và nạp giấy hai tờ, đồng thời quá trình thấm mực làm giảm đáng kể chiều cao của hình ảnh được nâng lên. Việc in quá gần các hình dập nổi dẫn đến chất lượng bản in kém và độ thấm mực kém.

## Kim loại

Chúng tôi khuyến nghị không nên sử dụng kim loại trong biểu mẫu, cho dù ở dạng mực hay các vật liệu khác, do tính dẫn điện và khả năng truyền điện tích của kim loại. Thuộc tính này có thể cản trở quá trình chuyển mực và gây ra chất lượng bản in kém.

## Thiết kế biểu mẫu cơ bản

Khi thiết kế biểu mẫu, hãy bố trí vùng không in là 8,38 mm (0,33 inch) ở phía trên cùng và dưới cùng của biểu mẫu và 6,35 mm (0,25 inch) ở hai bên biểu mẫu.

Nói chung, hướng dọc là bố cục ưa thích, đặc biệt nếu bạn đang in mã vạch. Chọn hướng ngang có thể gây ra các thay đổi về tốc độ đường dẫn giấy, tạo ra các thay đổi về khoảng cách khi in mã vạch.

# Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng giấy

Xem xét các yếu tố sau khi chọn giấy và giấy chuyên dụng:

- Các đặc tính vật lý của vật liệu cơ bản và quy trình sản xuất phụ thuộc vào nhà cung cấp và có thể thay đổi theo thời gian.
- Chất lượng của vật liệu in cũng có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy và thời gian ngừng hoạt động của máy in.
- Kiểm tra vật liệu in trước khi đặt hàng với số lượng lớn để tránh những sai lầm tốn kém.
- Việc in nhiều tờ giấy bìa, nhãn hoặc phong bì trong một thời gian ngắn có thể gây ra sự cố in ấn. Ví dụ: in liên tục trên nhãn có thể dẫn đến các cuộc gọi dịch vụ thường xuyên hơn. Các trục trong máy in có thể ép keo trên nhãn ra ngoài, keo này có thể làm bẩn các bộ phận khác của máy in.
- Hầu hết các nhãn và giấy bìa đều có vết cắt hoặc lỗ có thể bị mài mòn nếu không được ủi hoặc làm phẳng.
- Nhìn chung, giấy chuyên dụng có thể có lớp phủ thô và có thể dày hơn giấy.

Các phần sau đây cung cấp hướng dẫn cụ thể về giấy. Để biết thông tin về ngành công nghiệp in ấn và thiết kế giấy, vui lòng xem [“Cần nhắc thiết kế để mua giấy” trên trang 7](#).

## Giấy

**Lưu ý:** Đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy được nạp vào các khay.

## Hướng dẫn về giấy

Sử dụng giấy thích hợp để tránh kẹt giấy và giúp đảm bảo in không gặp sự cố.

- Luôn sử dụng giấy mới, không bị hư hỏng.
- Trước khi nạp giấy, hãy tìm hiểu mặt có thể in của giấy được khuyến nghị. Thông tin này thường được hiển thị trên bao bì giấy.
- Không dùng giấy đã bị cắt hoặc tĩa bằng tay.
- Không trộn lẫn nhiều khổ, loại hoặc trọng lượng giấy trong cùng một khay; trộn lẫn như vậy sẽ gây ra kẹt giấy.
- Không sử dụng giấy tráng trừ khi chúng được thiết kế đặc biệt để in ảnh điện.

## Đặc điểm giấy

Các đặc điểm giấy sau đây ảnh hưởng đến chất lượng bản in và độ tin cậy. Hãy xem xét các yếu tố này trước khi in.

## Trọng lượng

Các khay có thể nạp giấy có trọng lượng khác nhau. Giấy nhẹ hơn 60 g/m<sup>2</sup> (16 lb) có thể không đủ cứng để nạp đúng cách, và có thể gây kẹt giấy. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem chủ đề “Trọng lượng giấy được hỗ trợ” dành cho model máy in của bạn.



## Quăn

Quăn là xu hướng giấy bị quăn ở các cạnh. Quăn nhiều có thể gây ra sự cố nạp giấy. Tình trạng quăn có thể xảy ra sau khi giấy đi qua máy in, tại đó giấy tiếp xúc với nhiệt độ cao. Bảo quản giấy chưa được gói trong điều kiện nóng, ẩm, lạnh hoặc khô có thể góp phần làm quăn giấy trước khi in và có thể gây ra sự cố nạp giấy.

## Độ mịn

Độ mịn của giấy ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bản in. Nếu giấy quá thô, mực không thể chảy ra phù hợp. Nếu giấy quá mịn thì có thể gây ra vấn đề nạp giấy hoặc chất lượng bản in. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng giấy có 50 điểm Sheffield cho máy in laser màu. Đối với máy in laser trắng đen, hãy sử dụng giấy có 150 – 250 điểm Sheffield.

## Độ ẩm

Lượng hơi ẩm trong giấy ảnh hưởng đến cả chất lượng bản in và khả năng máy in nạp giấy chính xác. Để giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng. Giấy bị thay đổi độ ẩm có thể làm giảm hiệu suất của giấy.

Trước khi in, hãy bảo quản giấy trong bao bì ban đầu từ 24 đến 48 giờ. Môi trường bảo quản giấy phải giống với môi trường của máy in. Kéo dài thời gian vài ngày nếu môi trường bảo quản hoặc vận chuyển khác với môi trường máy in. Giấy dày cũng có thể cần thời gian điều hòa dài hơn.

## Hướng thớ giấy

Thớ giấy chỉ các hàng thẳng của các sợi giấy trong một tờ giấy. Thớ giấy có thể là *thớ dài* chạy theo chiều dài của giấy, hoặc *thớ ngắn* chạy theo chiều rộng của giấy. Để biết hướng thớ giấy được đề xuất, vui lòng xem chủ đề “Trọng lượng giấy được hỗ trợ”.

## Hàm lượng sợi

Hầu hết giấy in mực tĩnh điện chất lượng cao được làm từ 100% bột gỗ đã qua xử lý hóa học. Hàm lượng này giúp cho giấy có độ ổn định cao, ít phát sinh sự cố nạp giấy hơn và chất lượng bản in tốt hơn. Giấy có chứa sợi như bông có thể ảnh hưởng không tốt đến việc xử lý giấy.

## Chọn mẫu in sẵn và giấy tiêu đề

- Sử dụng giấy thớ dài.
- Chỉ sử dụng các mẫu và giấy tiêu đề được in bằng quy trình in thạch bản offset hoặc in khắc.
- Tránh dùng giấy có bề mặt thô hoặc ráp.
- Sử dụng loại mực không bị ảnh hưởng bởi nhựa trong bột mực. Các loại mực có tính ôxi hóa hoặc gốc dầu thường đáp ứng những yêu cầu này; mực cao su không thể đáp ứng được.
- In mẫu trên các mẫu in sẵn và giấy tiêu đề được cân nhắc sử dụng trước khi mua số lượng lớn. Thao tác này xác định xem mực in trong mẫu in sẵn hoặc giấy tiêu đề có ảnh hưởng đến chất lượng bản in hay không.
- Khi không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà cung cấp giấy.
- Khi in trên giấy tiêu đề, hãy nạp giấy theo đúng hướng máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Giấy tái chế

Là một công ty quan tâm đến vấn đề môi trường, chúng tôi ủng hộ việc sử dụng giấy tái chế được sản xuất đặc biệt để sử dụng trong máy in laser (chụp ảnh điện tử).

Mặc dù không thể đưa ra tuyên bố chung chung rằng tất cả các loại giấy tái chế đều nạp tốt, nhưng chúng tôi luôn kiểm tra các loại giấy đại diện cho giấy dùng trong máy photocopy cắt theo khổ được tái chế có sẵn trên thị trường toàn cầu. Kiểm tra khoa học này được tiến hành nghiêm ngặt và có kỷ luật.

## Hướng dẫn về giấy tái chế

Các hướng dẫn lựa chọn giấy sau đây giúp giảm bớt tác động môi trường của việc in ấn:

- Giảm thiểu tiêu thụ giấy.
- Chọn lọc nguồn gốc của sợi gỗ. Mua từ các nhà cung cấp có chứng nhận như Hội đồng Quản lý Lâm nghiệp (FSC) hoặc Chương trình Chứng thực Rừng (PEFC). Các chứng nhận này đảm bảo nhà sản xuất giấy sử dụng bột gỗ từ các nhà khai thác lâm nghiệp áp dụng các biện pháp phục hồi và quản lý rừng có trách nhiệm với môi trường và xã hội.
- Chọn loại giấy thích hợp nhất cho nhu cầu in: giấy chứng nhận thông thường 75 hoặc 80 g/m<sup>2</sup>, giấy có trọng lượng thấp hơn hoặc giấy tái chế.

## Đặc điểm giấy tái chế

- Lượng chất thải sau tiêu dùng (được kiểm tra tới 100 phần trăm hàm lượng chất thải sau tiêu dùng).
- Điều kiện nhiệt độ và độ ẩm. (Các phòng thử nghiệm mô phỏng khí hậu từ khắp nơi trên thế giới.)
- Độ ẩm. (Giấy tờ kinh doanh nên có độ ẩm thấp: 4 – 5 phần trăm.)
- Khả năng chống uốn và độ cứng thích hợp có nghĩa là nạp giấy tối ưu qua máy in.
- Độ dày (ảnh hưởng đến lượng giấy có thể được nạp vào khay).
- Độ nhám bề mặt (đo bằng đơn vị Sheffield; ảnh hưởng đến độ rõ nét của bản in và mức độ mực thấm vào giấy).
- Ma sát bề mặt (xác định mức độ tách giấy dễ dàng).
- Hạt và hình dạng (tác động đến độ ồn, điều này cũng ảnh hưởng đến cơ chế hoạt động của giấy khi di chuyển qua máy in).
- Độ sáng và kết cấu (quan sát và cảm nhận).

## Tác động môi trường

Giấy tái chế tốt hơn bao giờ hết; tuy nhiên, hàm lượng tái chế trong giấy ảnh hưởng đến mức độ kiểm soát tạp chất. Và mặc dù giấy tái chế là cách tốt để in một cách có trách nhiệm với môi trường, nhưng loại giấy này không hoàn hảo. Năng lượng cần thiết để khử mực và xử lý các chất phụ gia như chất tạo màu và keo dán thường sinh ra nhiều khí thải carbon hơn quá trình sản xuất giấy thông thường. Tuy nhiên, sử dụng giấy tái chế cho phép quản lý tài nguyên tổng thể tốt hơn.

Chúng tôi quan tâm đến việc sử dụng giấy có trách nhiệm nói chung, dựa trên các đánh giá về vòng đời sản phẩm của chúng tôi. Để hiểu rõ hơn về tác động của máy in đối với môi trường, chúng tôi đã thực hiện một vài đánh giá vòng đời. Chúng tôi nhận thấy giấy được xác định là tác nhân chính (lên đến 80 phần trăm) lượng khí thải carbon gây ra trong suốt vòng đời của thiết bị (từ khi thiết kế đến khi hết hạn sử dụng). Khí thải sinh ra từ các quy trình sản xuất sử dụng nhiều năng lượng cần thiết để làm ra giấy.

Vì vậy, chúng tôi tìm cách hướng dẫn khách hàng và đối tác về giảm thiểu tác động của giấy. Sử dụng giấy tái chế là một cách. Loại bỏ tiêu thụ giấy quá nhiều và không cần thiết là một cách khác. Chúng tôi được trang bị tốt để giúp khách hàng giảm thiểu lãng phí khi in ấn và sao chép. Ngoài ra, chúng tôi khuyến khích mua giấy từ các nhà cung cấp thể hiện cam kết của họ đối với các hoạt động lâm nghiệp bền vững.

## Giấy bìa

*Giấy bìa* là vật liệu cứng, chắc thay đổi tùy theo cách thức sản xuất. Hướng của sợi giấy (hướng thớ giấy), độ ẩm, độ dày, kết cấu và các đặc tính khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến quá trình in. In sẵn, đục lỗ, tạo nếp gấp và các tính năng phổ biến khác của biểu mẫu cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình in. Ví dụ: in sẵn cho biết các thành phần bán lỏng, dễ bay hơi phải chịu được nhiệt độ cao dùng trong in laser. Đục lỗ và tạo nếp gấp có thể gây ra tình trạng lồng vào nhau, có thể gây kẹt giấy và nạp hai tờ.

Nói chung, chúng tôi khuyến nghị sử dụng kết cấu một lớp bằng 100% gỗ bột hóa học với lớp hoàn thiện vellum. Trước khi mua số lượng lớn giấy bìa, hãy đảm bảo bạn đã kiểm tra các mẫu vật liệu in trong máy in của mình.

## Hướng dẫn về giấy bìa

- Đặt khổ, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy bìa được nạp vào khay.
- In mẫu trên giấy bìa được cân nhắc sử dụng trước khi mua số lượng lớn.
- In sẵn, đục lỗ và nhàu có thể ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng bản in và gây kẹt giấy hoặc các sự cố nạp giấy khác.
- Không sử dụng giấy bìa in sẵn được sản xuất bằng hóa chất có thể làm bẩn máy in.
- Sử dụng giấy bìa thớ ngắn khi có thể.
- Gập, xòe và căn chỉnh giấy bìa trước khi nạp.
- Không sử dụng giấy bìa bị nhàu. Có thể gây kẹt giấy.
- Độ mịn 50 điểm Sheffield là tối ưu cho máy in laser màu.
- Độ mịn 150 – 250 điểm Sheffield là tối ưu cho máy in laser đen trắng.
- Không sử dụng giấy bìa có bột in offset trên bề mặt.

## Đặc điểm của giấy bìa

### Trọng lượng

Trọng lượng của giấy bìa ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng bản in và độ tin cậy khi nạp giấy. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Trọng lượng cơ bản” trên trang 7](#).

Không phải tất cả các máy in đều có thể in trên giấy bìa. Giấy bìa thường dày hơn và không thể xoay trong đường dẫn giấy của máy in, dẫn đến kẹt giấy và nạp sai. Ngoài ra, khi sử dụng máy in laser, mực được kéo lên giấy thông qua điện tích. Nếu giấy quá dày, có thể không có đủ điện áp để kéo mực lên giấy đúng cách, dẫn đến chất lượng bản in kém.

Tùy thuộc vào model máy in của bạn, vật liệu dày hơn 0,30 mm (0,012 inch) có thể gây ra các vấn đề về độ tin cậy khi nạp giấy và vật liệu dày hơn 0,17 mm (0,007 inch) có thể làm giảm chất lượng bản in. Liên hệ với nhà cung cấp để xác định trọng lượng của giấy bìa bạn hiện đang sử dụng.

Để biết thêm thông tin về trọng lượng giấy bìa mà máy in của bạn hỗ trợ, vui lòng xem thông số kỹ thuật của từng máy in trong tài liệu này.

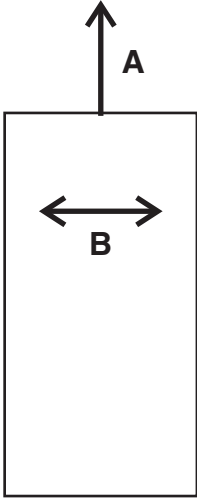
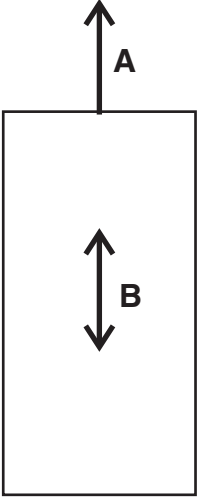
### Hướng thớ giấy

*Thớ giấy* chỉ các hàng thẳng của các sợi giấy trong một tờ giấy. Thớ giấy có thể là thớ ngắn, chạy theo chiều rộng của giấy, hoặc thớ dài, chạy theo chiều dài của giấy.

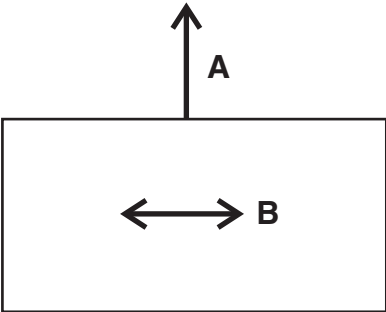
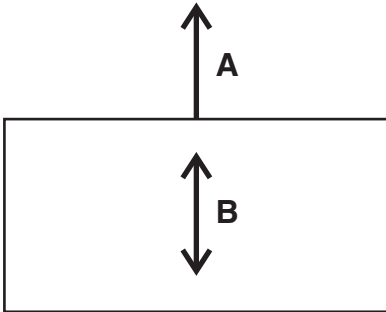
Hướng thớ giấy góp phần vào độ cứng của giấy bìa và ảnh hưởng đến độ tin cậy khi nạp giấy. Hướng thớ giấy được khuyến nghị tùy thuộc vào trọng lượng của giấy bìa và việc máy in nạp giấy cạnh ngắn trước hay cạnh dài trước. Đối với giấy bìa mỏng hơn, chúng tôi khuyến nghị sử dụng thớ dài để tránh xảy ra quần giấy. Quần giấy có thể làm giảm khả năng di chuyển đáng tin cậy của biểu mẫu qua máy in.

Hầu hết các máy in đều nạp giấy cạnh ngắn trước. Nếu máy in của bạn hỗ trợ khổ giấy lớn hơn, chẳng hạn như 11 x 17 inch hoặc A3, có thể nạp một số khổ giấy cạnh dài trước. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đi kèm với máy in của bạn.

#### Đối với vật liệu được nạp cạnh ngắn trước

Khuyến nghị thớ ngắn dành cho vật liệu nặng hơn 135 g/m <sup>2</sup> .	Khuyến nghị thớ dài dành cho vật liệu mỏng hơn 135 g/m <sup>2</sup> .
	
<p>A Hướng nạp B Hướng thớ giấy</p>	

#### Đối với vật liệu được nạp cạnh dài trước

Khuyến nghị thớ dài dành cho vật liệu nặng hơn 135 g/m <sup>2</sup> .	Khuyến nghị thớ ngắn dành cho vật liệu mỏng hơn 135 g/m <sup>2</sup> .
	
<p>A Hướng nạp B Hướng thớ giấy</p>	

Để biết thêm thông tin về hướng thờ giấy được khuyến nghị cho giấy bì, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Lớp phủ

Kết cấu bề mặt và lớp phủ trên giấy bì ảnh hưởng đáng kể đến độ bám mực (độ thấm mực), chất lượng bản in và độ tin cậy khi nạp giấy. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng lớp hoàn thiện vellum để có hiệu suất in tốt nhất. Chúng tôi không khuyến nghị dùng lớp phủ bóng và bề mặt bóng hoặc bề mặt bắt chước lớp hoàn thiện hần (giấy bóng, không phải giấy bì bóng, được chấp nhận đối với một số máy in). Độ mịn của giấy cũng ảnh hưởng đến chất lượng bản in. Nếu giấy quá thô, mực không thấm vào giấy đúng cách. Nếu giấy quá mịn, có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy khi nạp giấy. Chúng tôi khuyến nghị độ mịn từ 50 đến 300 điểm Sheffield (50 điểm Sheffield là tối ưu) cho máy in laser màu. Đối với máy in laser trắng đen, chúng tôi khuyến nghị giấy có 150 – 250 điểm Sheffield. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

Để biết thêm thông tin về các khuyến nghị Sheffield về máy in riêng, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Bột in offset

Chúng tôi khuyến nghị *không nên* sử dụng bột in offset hoặc các vật liệu khác để làm khô nhanh. Bột in offset được các cửa hàng in sử dụng để ngăn các trang in dính vào nhau. Bột thường được phun trên trang in ngay trước khi trang in đến ngăn xếp trên máy in offset. Bột này tạo ra một lớp trung gian giữa hai tờ giấy, ngăn không cho mực thấm từ tờ này sang tờ khác.

## Phong bì

### Hướng dẫn in phong bì

- Đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với phong bì được nạp vào khay.
- In mẫu trên phong bì được cân nhắc sử dụng trước khi mua số lượng lớn.
- Sử dụng phong bì được thiết kế riêng cho máy in laser.
- Để đạt hiệu suất tốt nhất, hãy sử dụng phong bì làm từ giấy 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb) hoặc 25% cotton.
- Chỉ sử dụng phong bì mới từ các gói nguyên vẹn.
- Điều chỉnh các thanh dẫn cho vừa với chiều rộng của phong bì.
- Gập, xòe và căn chỉnh các tờ giấy trước khi nạp.

**Lưu ý:** Sự kết hợp của độ ẩm cao (trên 60 phần trăm) và nhiệt độ in cao có thể làm phong bì bị nhăn hoặc kín.

### Tối ưu hóa hiệu suất in phong bì

Để giảm kẹt giấy, không sử dụng phong bì:

- Xoăn hoặc xoắn quá mức
- Bị dính lại với nhau hoặc bị hỏng theo bất kỳ cách nào
- Có vết rách, lỗ, đục lỗ, vết cắt hoặc dập nổi
- Có kẹp kim loại, dây buộc hoặc thanh gấp

- Có thiết kế lồng vào nhau
- Có dán tem bưu chính
- Có keo dính lộ ra khi dán hoặc gấp mép
- Có góc cong
- Có lớp hoàn thiện ráp, nhăn, hoặc hằn

Để biết thêm thông tin về hỗ trợ phong bì cho máy in của bạn, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Nhãn

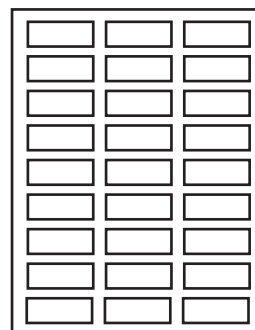
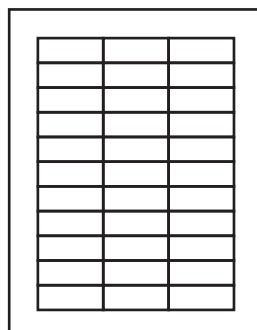
*Nhãn* hoặc vật liệu nhạy cảm với áp suất là vật liệu nhiều lớp có sự kết hợp của các tấm mặt (vật liệu có thể in được), keo dính và lớp lót bảo vệ có thể tháo rời (lớp lót). Các lớp này có thể tạo ra vật liệu dày khó xử lý.

Nhãn là một trong những vật liệu in khó nhất đối với bất kỳ máy in nào để nạp và in một cách đáng tin cậy. Các yếu tố, chẳng hạn như nhiệt độ, áp suất và đường dẫn giấy, có thể khiến việc in trên nhãn trở nên khá khó khăn. Ví dụ: nhiệt độ gần 225°C (437°F) và áp suất tới 25 psi có thể cần thiết cho quá trình thấm mực. Nhiệt độ thay đổi giữa các máy in. Kiểm tra phần dành cho máy in cụ thể của bạn. Vật liệu in nhãn dày có thể hấp thụ nhiệt, ảnh hưởng đến độ bám dính của mực và chất lượng bản in, gây ra hiện tượng tách lớp.

**Lưu ý:** Đảm bảo bạn sử dụng nhãn được thiết kế riêng cho máy in laser để tránh nhãn bị bong ra hoặc tách lớp.

## Label guidelines

- Set the paper size, type, texture, and weight in the Paper menu to match the labels loaded in the tray.
- Print samples on labels before buying large quantities.
- Use labels designed specifically for laser printers.
- Do not use labels with slick backing material.
- Do not use labels with exposed adhesive.
- Use full label sheets. Partial sheets may cause labels to peel off during printing, resulting in a jam. Partial sheets also contaminate the printer and the cartridge with adhesive, and could void the printer and toner cartridge warranties.
- Flex, fan, and align the label edges before loading.
- Use only label sheets that have no gaps between the labels.



- Do not print a large number of labels continuously.
- Do not use labels that have coating or sizing applied to make the labels liquid-resistant.
- Run labels only once through the printer as this may contaminate the printer.
- Load label sheets with the label end first.
- Use grain long paper instead of grain short paper, which tends to curl easily.

Review label designs with a converter or a vendor who has extensive knowledge about labels and laser printers to ensure that you are using the proper type of labels.

For more information about label support for your printer, see [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Label components

Labels are composed of three basic parts: the liner, the adhesive, and the face sheet. Labels may also have topcoats that affect printing. To prevent labels from peeling off, follow the recommended label design guidelines. Peeled off labels could cause jams. The label or adhesive could also melt when the sheet is jammed in the fuser. Choosing appropriate materials for each of these label components helps ensure reliable printing.

### Liners

The *liner*, also known as the carrier or backing, is the material onto which the label is attached. The liner carries the label through the printer and directly affects feed reliability. Liner weights and construction vary based on the printable face stock used. For more information, see [“Face sheet \(printable stock\)” trên trang 20](#).

Tissue-backed, plain bond, or bond-like, porous, lay-flat liners are preferred. Liners constructed for use with high-speed laser printers (50 pages per minute or more) may not produce acceptable results.

A liner should bend easily and go back to its original flat state when released. Forms that remain bent may cause paper jams or damage to the edge of the sheet. This bent affects earlier printer models using a corner buckler rather than a pick roller assembly to separate the sheets.

Some liner materials used in pressure-sensitive constructions are called *label papers*. Label papers are either machine finish (MF) or English finish (EF) papers that are calendered, supercalendered, or coated on one side. An MF has varying degrees of surface smoothness. The number of times the paper passes through the rollers (wet or dry) during manufacturing determines the surface smoothness. An EF is uncoated and low gloss in appearance. Label papers may also be used as the face sheet for pressure-sensitive paper products, such as the materials used in dual web forms construction.

*Supercalendering* produces high gloss surfaces that may be slick. Some supercalendered liners are difficult for printers to pick and feed reliably. We do not recommend using supercalendered liners designed for high-speed laser printers (50 or more pages per minute).

Some pressure-sensitive constructions use kraft liners or bleached ones. Kraft liners are made from sulfate pulp and are MF or machine glazed (MG). Most MG papers have a high gloss appearance. High gloss, glazed surfaces may increase skew and are more difficult for the printer feed mechanism to handle reliably. Some kraft liners may produce acceptable results; however, we strongly recommend extensive testing of pressure-sensitive constructions using kraft liners.

Tissue-backed or plain bond liners reduce toner contamination inside the printer and improve feed performance. Slick, non-porous liners are harder to feed and increase toner buildup in the fuser and on the backup roll. Rough backings can increase paper path friction, which can cause skew and paper jams. The face material of the liner needs to have a melt temperature that can also withstand the fuser temperatures of nearly 225°C (437°F). A stripped area of a maximum of 3 mm (0.12 in.) can expose the face material to these temperatures and could cause melting or contamination in the fuser.

Excessive paper dust or chaff associated with the liner may affect print quality. If a liner produces excessive paper dust or chaff during conversion, then the debris may be packaged with the material and end up in the printer. These properties as they feed through the printer may also affect print quality. For more information about liners, see your label supplier.

## Adhesives

There are three basic types of label adhesives: removable, permanent, and semipermanent (cold temp). All types, with proper design, can be used with your printer. Acrylic-based adhesives are generally preferred for cut-sheet label printers.

The major adhesive-related printing problem is printer and cartridge contamination. The adhesives are semiliquid and may contain volatile components. If the sheet jams in the fuser, the adhesive can melt, contaminating parts of the printer or releasing fumes. To avoid exposing adhesive to the paper path guides, drive rollers, charge roller, photoconductor drum, transfer roller, and detack fingers, use full label sheets.

*Zone coating* means placing the adhesive only where needed. Paper labels and integrated forms typically use zone coating. In addition, a non-adhesive border of 1 mm (0.04 in.) around the outside edge of the label sheet generates good results. For more information about designing labels for your printer, see your adhesive manufacturer or label supplier.

A *stripped edge matrix* along the outer border of the stock, combined with adhesive that does not ooze, helps prevent adhesive contamination. This design requires a stiffer backing material to prevent damage when the sheet is aligned on the reference edge. Generally, vinyl and polyester labels are well-suited for this design. Paper and dual web designs may require testing to determine which backing produces good results.

Make sure that the release strength is adequate so labels stay attached to the liner and do not peel off in the printer. Adhesives should withstand pressures up to 25 psi and fuser temperatures of 225°C (437°F) without delaminating, creating hazardous fumes, or oozing around edges of labels, perforations, or die-cuts. Shear strength should be strong enough to prevent adhesive stringers. For more information, contact your label supplier.

## Face sheet (printable stock)

Paper, vinyl, and polyester are the most common materials used for printable stock. Printable stock must withstand temperature up to 225°C (437°F) and pressures up to 25 psi. For more information, see your label supplier.

Carefully test the printable stock to make sure that it functions satisfactorily with your printer.

## Topcoats

Topcoats for non-paper labels may be either water-based or solvent-based. Avoid topcoats containing chemicals that emit hazardous fumes when heated or exposed to pressure. Topcoats affect the print quality, feed reliability, and adhesion of toner to the face sheet. Topcoats should withstand temperatures up to 225°C (437°F) and pressures up to 25 psi for 100 milliseconds to prevent fuser damage.



Water-based topcoats tend to be more conductive than solvent-based topcoats and are more difficult to fuse. With some water-based topcoats and heavy liners, the fuse grade may fall below acceptable levels. Solvent-based topcoats tend to be lower in conductivity than water-based topcoats. With some solvent-based topcoats, fuse grade is within acceptable levels when heavier liners are used.

Print quality may degrade when using topcoats on labels with heavier liners. Using a lighter liner may reduce the appearance of splatter. Carefully test the labels to make sure the topcoat functions satisfactorily with your printer.

## Label characteristics

The materials used to construct labels have a wide range of properties that can affect printing. Volatile components are in the label materials and in the adhesive itself. We recommend that volatile emissions from the label, up to 160°C (320°F), should be a minimal amount. The volatile components, which have low boiling point, produce emissions when heated in the fuser and could emit vapors that can damage the printer.

Preprinted inks can also cause printer contamination, and may be present on one or both sides of the label sheet.

Before purchasing large quantities of labels, make sure that you extensively test the labels with your printer.

Labels with a stripped edge matrix do not have the area around the outer edge of the cut sheet. Labels with a total strip matrix do not have the die-cut stock around and between the labels. This property makes it easy to peel the labels from the backing.

Butt cut labels are cut flush to one another, with no extra area between them. Avoid using butt cut labels without a stripped edge matrix.

Die-cut labels are cut with a non-print area between each label. For best results, do not print within 2.3 mm (0.09 in.) of the edge of the label, of the perforations, or of the die-cuts of the label.

If you are using a butt cut or die-cut label, then make sure that adhesive contamination does not occur. Labels use varying levels and types of adhesive, and various liner materials and face stock papers. Adhesive can ooze from all label stocks. Make sure that die-cuts are free of adhesive stringers. To prevent adhesive contaminations, use zone coating or pattern adhesive with a non-adhesive border of about 1 mm (0.04 in.) or larger.

If zone coating is not used, then we recommend a stripped edge matrix. The stripped edge matrix varies with the type of face stock, liner, and adhesive materials. The following table shows the guidelines for stripped edge matrix.

**Lưu ý:** Measurements may vary  $\pm 0.5$  mm.

Face type	Total weight of label	Edge matrix removal	Location of strip
Paper* (cut sheet or dual web)	140–180 g/m <sup>2</sup>	1.6 mm (0.0625 in.)	215.9 mm (8.5 in.) at leading edge 279.4 mm (11 in.) at driver edge (left margin side)
Vinyl	265–300 g/m <sup>2</sup>		
Polyester and other face materials	Varies		
* Use a non-oozing adhesive.			

Using cut sheet labels with adhesive applied to the edge of the sheet contaminates and voids your printer and cartridge warranties.

When using pressure-sensitive materials without zone coating, choose butt cut labels without any stringers and with a stripped edge matrix. If a total strip matrix is in the design for the final product, then print before removing the matrix. If the matrix must be removed before printing, then round all corners, making sure that adhesive is not exposed.

### **Cut sheet paper labels**

Generally, cut sheet paper labels work well with your printer.

Coating or sizing to make the paper liquid-resistant decreases toner adhesion and increases the risk of toner contaminating the fuser. At a minimum, paper labels should be equivalent in weight and rigidity to a 20-lb xerographic bond paper.

### **Dual web forms**

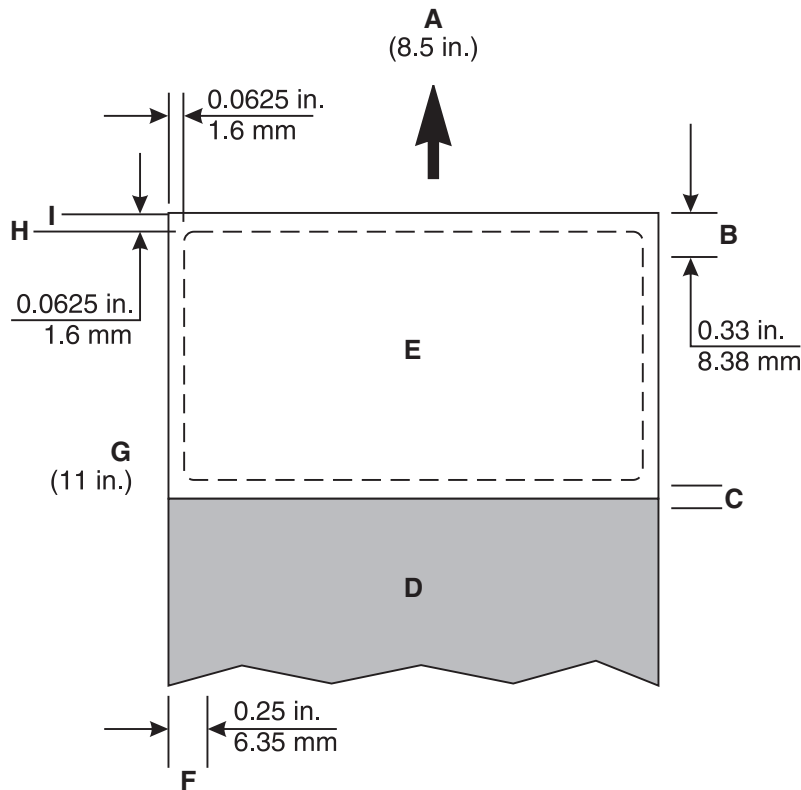
Constructing dual web forms involves joining rolls of two different materials (usually pressure-sensitive paper and bond paper) and then converting to a cut sheet product. This construction requires a stripped edge matrix. The liner must be rigid enough to withstand the pick force of the printer. The two materials must be thin enough for the sheet to lie flat in the paper tray. The differences in thickness may cause the materials to curl down toward the leading edge of the form which can negatively affect feeding.

We recommend that the leading label edge should be thicker than the dual web overlap to make sure that the sheet lies flat in the tray. The label should be placed with the label facedown in the tray. Orient the label in the tray so that the pressure-sensitive area feeds into the printer first. The label should have no adhesive exposed in the overlay area or anywhere along the front or back of the label.

We recommend designing a non-adhesive strip with a minimum width of 1 mm (0.04 in.) along the edges of the overlay. To help prevent material from slipping in the fuser, we recommend knurling, which roughens up the exposed silicon area at the glue joint.

The face sheet of a dual web form is usually a paper pressure-sensitive product; therefore, the guidelines for paper labels are applicable to dual web forms.

The following diagram shows the recommended dual web form design. The non-print area may vary depending on the printer model.



<b>A</b>	Leading edge
<b>B</b>	Non-print area
<b>C</b>	Overlay
<b>D</b>	Paper
<b>E</b>	Pressure-sensitive
<b>F</b>	Non-print area
<b>G</b>	Reference edge
<b>H</b>	Stripped edge
<b>I</b>	Liner edge

### Vinyl and polyester labels

Vinyl labels work well within specified design parameters. Vinyls are heat-sensitive, so the liners need to be thick enough to absorb excess heat and prevent melting. A total strip matrix may cause adhesive contamination. Thin liners or weak pull strength may lead to labels peeling off the label inside the printer, which requires printer servicing.

Materials, which have liner face melt temperatures lower than the fuser temperature, may require the leading and trailing edge stripped areas to be 1.6 mm maximum due to feeding problems. We recommend that the liner face is constructed with material that can withstand the fuser temperature, which eliminates changing the stripped areas from 3 mm to 1.6 mm.

When a 1.6-mm stripped area is used, it is very important that the 1.6-mm tolerance be held tightly. With a stripped area of less than 1.6 mm, it is highly possible that adhesive contamination will occur.

Vinyls are non-absorbing, which leads to toner buildup in the fuser that requires special maintenance. For more information about maintaining your printer, see the documentation that came with your printer. Vinyls may require a topcoat to ensure good toner adhesion. When you run vinyl labels, you may be required to install an oil fuser cleaner.

Polyester labels are less heat-sensitive but are also non-absorbing. Backings for polyester labels can be thinner, but requirements for coatings and cleaning are similar to vinyl labels.

## Integrated forms

To create integrated forms, the converter uses hot melt adhesives to apply the label adhesive and liner to a base material (generally paper).

Oil bleed, recognizable by a discolored face sheet, can be a problem with these forms. Oil may also migrate from the top to the back surface of the liner while it is on the roll, before the conversion process takes place. The forms may be slick, and the pick mechanism of your printer may be unable to move all the sheets from the tray into the printer. Jamming and misfeeds increase when oil is present on the back of the liner.

The adhesive on these forms is commonly patterned on two or four sides (a non-adhesive border on either two or four edges). We recommend designing a 1-mm (0.04-in.) non-adhesive border (zone coated) on all four edges.

When printing on integrated forms with a grain long base material, position the form in the tray so the paper portion of the form feeds into the printer first. Position the pressure-sensitive portion of the form toward the portrait left edge. For integrated forms with a grain short base material, position the form in the tray so the pressure-sensitive portion feeds into the printer first.

Due to the unique construction of integrated forms, you may experience stacking problems in the output bin. If you experience stacking problems with these forms, then contact your marketing representative.

**Lưu ý:** Test some forms before purchasing large quantities.

## In trên nhãn

Chỉ in trên các tờ nhãn đầy đủ. Các tờ bị thiếu nhãn có thể bong ra trong khi in và làm kẹt giấy. Một phần tờ giấy cũng có thể để lại vết dính trên máy in và hộp mực, điều này có thể làm mất hiệu lực bảo hành dịch vụ của máy in và hộp mực.

Không nạp nhãn qua máy in nhiều lần. Keo dính có thể làm bẩn hộp mực và các thành phần khác.

Tùy thuộc vào model máy in của bạn và số lượng nhãn được in, in nhãn có thể yêu cầu bảo trì máy in đặc biệt. Để biết thêm thông tin về cách in trên nhãn, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Quy trình bảo trì

**Lưu ý:** Quy trình này chỉ áp dụng cho máy in laser trắng đen.

Nếu chất lượng bản in bắt đầu giảm khi in trên nhãn vinyl, hãy làm như sau:

- 1 In trên năm tờ giấy.
- 2 Đợi khoảng năm giây.
- 3 In trên năm tờ giấy nữa.

Để duy trì độ tin cậy khi nạp giấy vào máy in, hãy lặp lại quy trình vệ sinh này mỗi khi bạn thay thế hộp mực in.

**Lưu ý:** Việc bạn không tuân theo quy trình bảo trì cho máy in có thể gây kẹt giấy, chất lượng bản in kém, các sự cố nạp giấy và bộ sấy.

## In nhãn hai mặt

Nhãn thường không được in hai mặt vì có cấu trúc đặc biệt. Tuy nhiên, có thể in trên cả hai mặt của tờ nhãn nếu tuân thủ một số nguyên tắc thiết kế, cấu tạo và sử dụng nhất định.

Khi phát triển nhãn giấy để in hai mặt, bên chuyển đổi phải đảm bảo nhãn được thiết kế để bảo vệ chống nhiễm bẩn hoặc tích tụ. Nhiễm bẩn dẫn đến các sự cố về nạp giấy và kẹt giấy.

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng các tờ nhãn có đường viền không dính xung quanh khu vực nhãn. Đảm bảo độ bền bóc tách đủ để chịu được nhiệt độ 225°C (437°F) và áp suất lên đến 25 psi.

Sử dụng dây buộc nhãn khi cần thiết. Những vùng không cắt nhỏ này (xấp xỉ 1,6 mm hoặc 0,06 inch) giúp ổn định tờ nhãn và tránh bị rách ở các lỗ đục và khuôn cắt trong quá trình in. Dây buộc nhãn cũng ngăn không cho nhãn phân phối trước trong máy in.

Các khe và vết cắt trên nhãn làm lộ keo dính cho máy in. Để có kết quả tốt nhất, hãy định vị tờ nhãn sao cho các khe và vết cắt không thẳng hàng với các đường gân trong khu vực in hai mặt hoặc in lại của máy in. Làm như vậy sẽ loại bỏ bất kỳ điểm tiếp xúc nào giữa keo dính nhãn và máy in, ngăn bẩn keo dính trong máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Hướng dẫn thiết kế mẫu đường gân chính để căn chỉnh cạnh tham chiếu” trên trang 25](#).

Nạp các tờ nhãn có đầu nhãn trước. Sử dụng giấy thô dài thay vì giấy thô ngắn, loại giấy này thường dễ bị quăn.

Nếu bên chuyển đổi phát triển tờ nhãn thô ngắn để in hai mặt, thì hãy kiểm tra tờ này trước để đảm bảo hoạt động bình thường.

**Lưu ý:** Chúng tôi khuyến nghị thử nghiệm bất kỳ tài liệu nào với ứng dụng và máy in của bạn trước khi mua số lượng lớn.

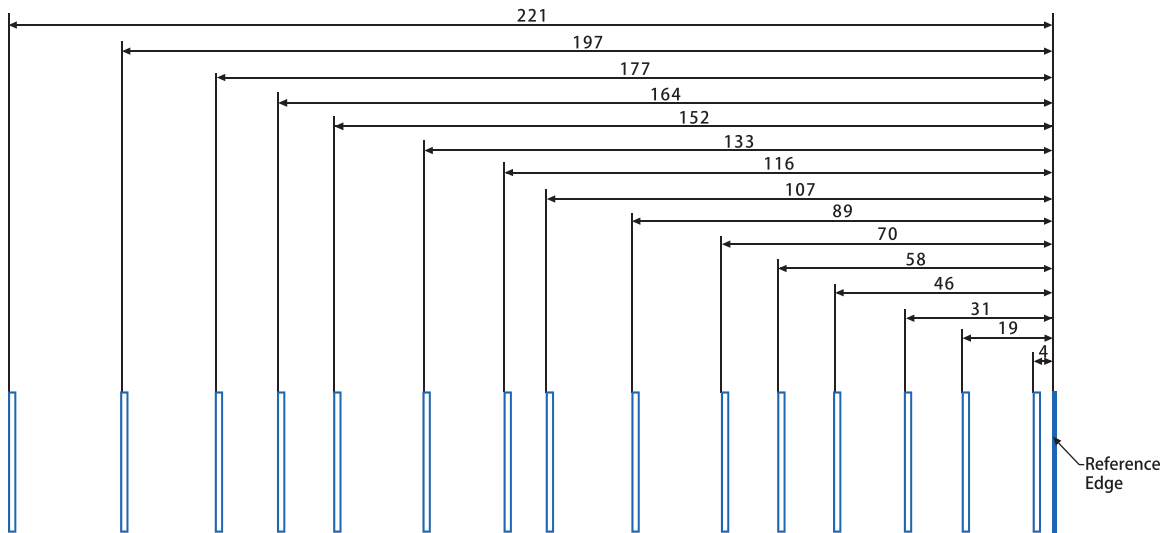
Để sử dụng ứng dụng nhãn in hai mặt, bạn có thể phải lắp cần gạt bộ sấy. Cần gạt cho phép máy in in trên cả hai mặt của nhãn giấy. Để xác định xem máy in của bạn có cần gạt hay không, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Hướng dẫn thiết kế mẫu đường gân chính để căn chỉnh cạnh tham chiếu

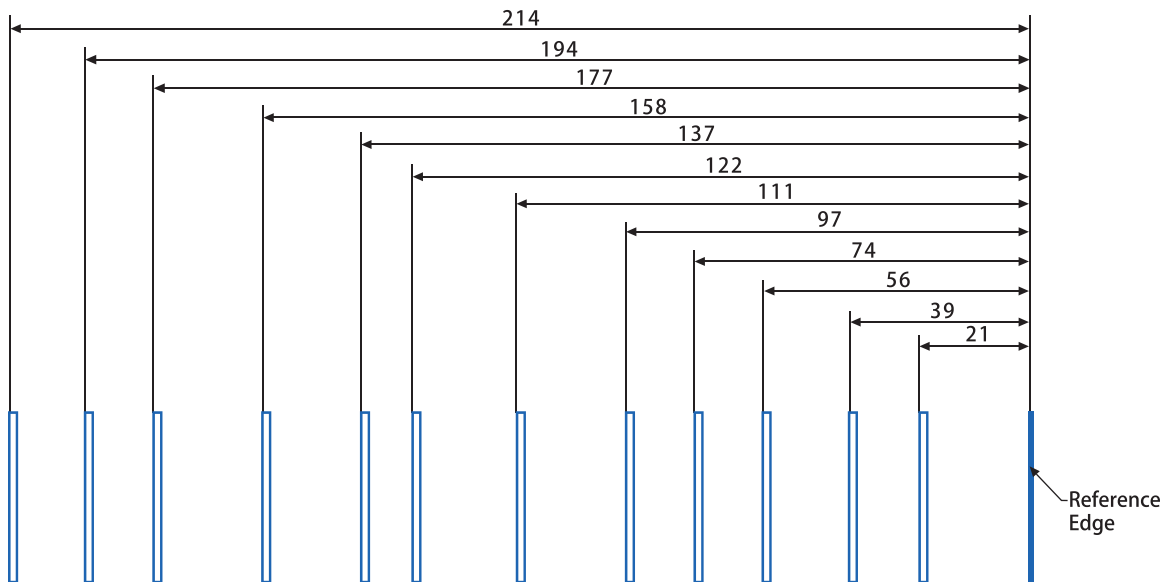
- Chức năng của mẫu đường gân chính là hỗ trợ tốt nhất cho giấy trong quá trình vận chuyển. Nếu giấy chạm vào bề mặt nhất định, thì bề mặt đó phải có mẫu đường gân chính.
- Đường nạp giấy phải hướng cạnh trước của giấy vào bề mặt dẫn hướng chính chứ không phải bề mặt phụ. Căn chỉnh này cung cấp vị trí xác định cho cạnh trước của giấy trên bề mặt dẫn hướng để hỗ trợ tốt nhất.
- Góc tới cạnh trước của giấy khi chạm vào bề mặt dẫn hướng chính không được lớn hơn 30°. Góc này giúp loại bỏ giấy bị kẹt trên thanh dẫn và giảm năng lượng đầu vào của thanh dẫn.
- Mẫu đường gân chính phải có giá đỡ đường gân kéo dài ra từ 3 đến 10 mm (0,12 và 0,40 inch) tính từ mép giấy. Đối với phong bì, giá đỡ đường gân phải kéo dài ra từ 2 đến 10 mm (0,08 và 0,40 inch) tính từ mép của phong bì. Giá đỡ đường gân này giữ cho các góc của giấy cứng để không bị gập lại và bắt các bề mặt khác trong máy in. Giá đỡ cũng ngăn các góc của giấy chạm vào bề mặt bên trong của đường gân giấy.

- Mẫu đường gân chính không được có bất kỳ đường gân nào gần mép ngoài của giấy và phong bì quá 3 mm (0,12 inch). Dung sai đường gân này giữ cho giấy không chạm vào đường gân quá gần mép giấy.
- Khoảng cách đường gân tối đa của mẫu đường gân chính không được lớn hơn 20 mm (0,79 inch). Khoảng cách giữ cho cạnh trước của giấy phẳng khi di chuyển qua hệ thống.

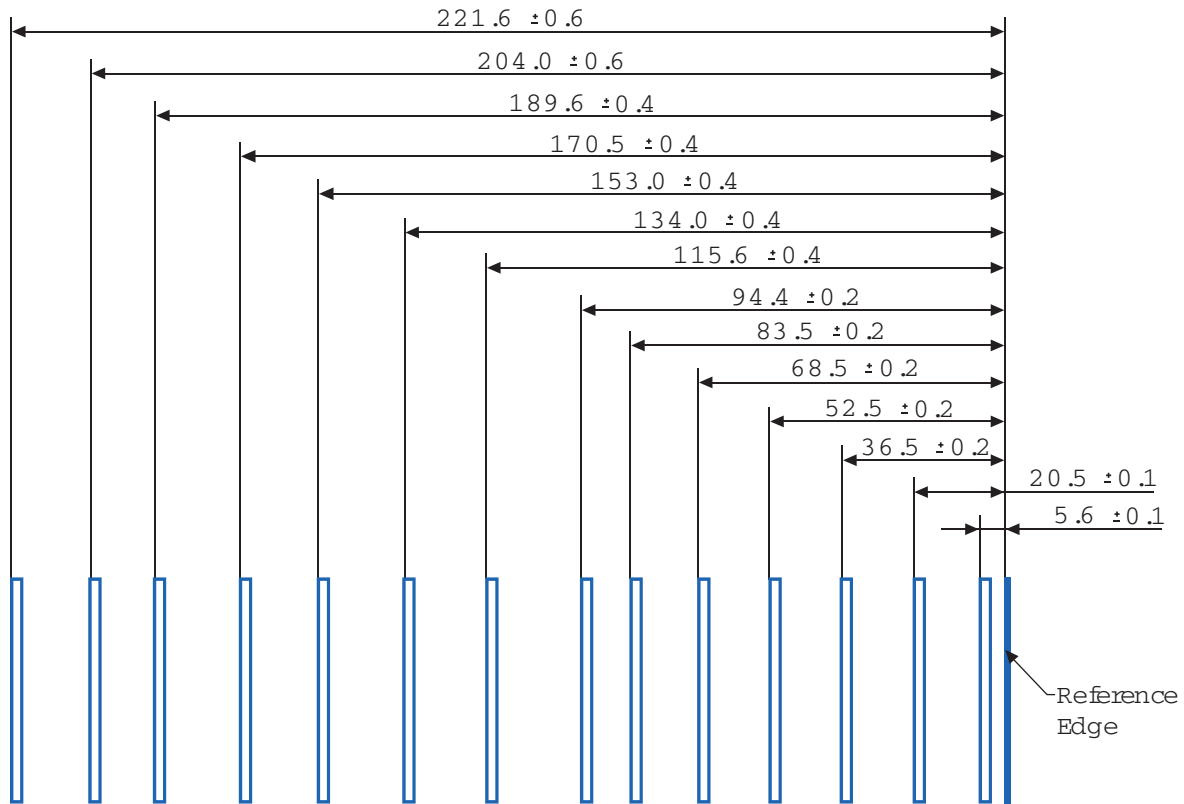
**Mẫu đường gân cho Lexmark C6160, CS820, CS827, CX820, CX825, CX827, CX860, XC6152, XC8155, XC8160**



**Mẫu đường gân cho Lexmark C4150, C4342, C4352, CS720, CS725, CS727, CS728, CS730, CS735, CX725, CX727, CX730, CX735, XC4140, XC4150, XC4342, XC4352**



Mẫu đường gân cho Lexmark B2865, M5255, M5265, M5270, MB2770, MS725, MS821, MS822, MS823, MS824, MS825, MS826, MX721, MX722, MX725, MX822, MX824, MX826, XM5365, XM5370, XM7355, XM7365, XM7370



## Khắc phục sự cố

Bảng sau đây cung cấp các giải pháp cho một số sự cố phổ biến về nhãn và giấy bia. Để biết thêm thông tin khắc phục sự cố, vui lòng xem tài liệu máy in của bạn.

Sự cố	Giải pháp
Bản in trên giấy bia dày bị mờ hoặc mất nét.	Đảm bảo cài đặt Loại giấy chính xác cho vật liệu in của bạn. <b>Lưu ý:</b> Khối lượng giấy bia vượt quá 203 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 54 lb) có thể không tạo ra kết quả in chấp nhận được.
	In trên năm tờ giấy, đợi khoảng năm giây rồi in thêm năm tờ giấy nữa để loại bỏ mực có thể tích tụ.
Mực bị bong ra khỏi trang.	Đảm bảo cài đặt Loại giấy chính xác cho vật liệu in của bạn.
	Sử dụng vật liệu mỏng hơn 300 g/m <sup>2</sup> . In trên năm tờ giấy, đợi khoảng năm giây rồi in thêm năm tờ giấy nữa để loại bỏ mực có thể tích tụ.
Bản in có khoảng trống.	Thay đổi Loại giấy thành Giấy thường.
	In trên năm tờ giấy, đợi khoảng năm giây rồi in thêm năm tờ giấy nữa để loại bỏ mực có thể tích tụ.

# Giấy trong suốt

## Hướng dẫn về giấy trong suốt

**Lưu ý:** Một số model máy in có thể không hỗ trợ giấy trong suốt.

- Đặt khổ, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy trong suốt được nạp vào khay.
- In một trang kiểm tra trên giấy trong suốt trước khi mua số lượng lớn.
- Sử dụng giấy trong suốt được thiết kế cho máy in laser.
- Không để dấu vân tay trên giấy trong suốt để tránh các sự cố chất lượng bản in.
- Gập, xòe và căn chỉnh các tờ giấy trước khi nạp. Làm như vậy sẽ ngăn giấy dính vào nhau.

## Tối ưu hóa hiệu suất in giấy trong suốt

- In theo lô lên tới 20 tờ giấy trong suốt với khoảng thời gian cách nhau ít nhất ba phút giữa các lô. Làm như vậy để ngăn các tờ giấy trong suốt dính vào nhau trong ngăn giấy. Bạn cũng có thể rút giấy trong suốt ra khỏi ngăn giấy theo lô 20 tờ.
- Thay đổi loại giấy thành Giấy trong suốt để giảm nhiệt độ bộ sấy. Nhiệt độ thấp hơn ngăn giấy trong suốt đổi màu hoặc tan chảy.

Để biết thêm thông tin về hỗ trợ giấy trong suốt cho máy in của bạn, vui lòng xem [“Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in” trên trang 30](#).

## Giấy không được hỗ trợ

Không nên sử dụng các loại giấy sau đây với máy in:

- Giấy được xử lý bằng hóa chất dùng để tạo bản sao mà không có giấy than. Loại giấy này còn được gọi là giấy không carbon, giấy in không carbon (CCP) hoặc giấy không cần carbon (NCR).
- Giấy in sẵn có hóa chất có thể làm bẩn máy in.
- Giấy in sẵn có thể bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ trong bộ sấy máy in.
- Giấy in sẵn yêu cầu vùng đăng ký (vị trí in chính xác trên trang) lớn hơn  $\pm 2,3$  mm ( $\pm 0,09$  in.). Ví dụ: các biểu mẫu nhận dạng ký tự quang học (OCR).  
Đôi khi, có thể điều chỉnh vùng đăng ký bằng ứng dụng phần mềm để in thành công trên các biểu mẫu này.
- Giấy tráng (giấy thô có thể xóa), giấy tổng hợp hoặc giấy in nhiệt
- Giấy không xén cạnh, bề mặt thô hoặc ráp, hoặc giấy bị quăn
- Giấy không đáp ứng tiêu chuẩn EN12281:2002 (Châu Âu)
- Giấy nặng dưới  $60$  g/m<sup>2</sup> (16 lb).
- Biểu mẫu hoặc tài liệu nhiều phần.

## Sử dụng giấy tái chế

Lexmark nỗ lực giảm bớt tác động của giấy đến môi trường bằng cách cung cấp cho khách hàng những lựa chọn in ấn. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đang thử nghiệm các sản phẩm để đảm bảo có thể sử dụng giấy tái chế - cụ thể là loại giấy được sản xuất với tỷ lệ hàm lượng được tái chế sau tiêu thụ là 30%, 50% và



100%. Chúng tôi kỳ vọng rằng giấy tái chế sẽ mang lại hiệu suất tương đương với giấy nguyên chất trong máy in của chúng tôi. Mặc dù không có tiêu chuẩn chính thức nào về sử dụng giấy cho thiết bị văn phòng, Lexmark sử dụng Tiêu chuẩn Châu Âu EN 12281 làm tiêu chuẩn tối thiểu cho đặc tính sản phẩm. Để đảm bảo phạm vi thử nghiệm rộng rãi, giấy thử nghiệm bao gồm 100% giấy tái chế từ Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á, đồng thời các thử nghiệm được thực hiện ở độ ẩm tương đối từ 8 - 80%. Thử nghiệm bao gồm in hai mặt. Các loại giấy văn phòng sử dụng thành phần có thể tái tạo, tái chế hoặc không chứa clo đều có thể được sử dụng.

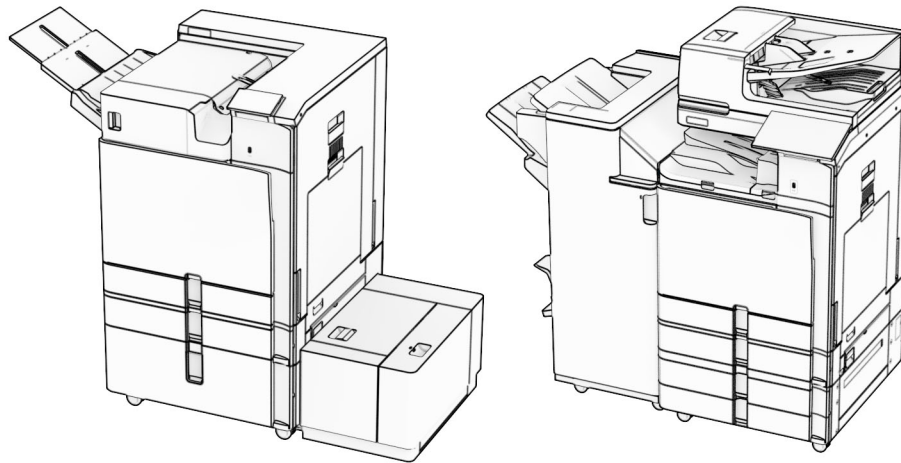
## Bảo quản giấy

Áp dụng các hướng dẫn bảo quản giấy này để tránh bị kẹt giấy và chất lượng in không đồng đều:

- Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu với cùng môi trường như máy in trong thời gian từ 24 đến 48 giờ trước khi in.
- Kéo dài thời gian vài ngày nếu môi trường bảo quản hoặc vận chuyển khác với môi trường máy in. Giấy dày cũng có thể cần thời gian điều hòa dài hơn.
- Để có kết quả tốt nhất, hãy bảo quản giấy ở nơi có nhiệt độ là 21°C (70°F) và độ ẩm tương đối là 40 phần trăm.
- Hầu hết các nhà sản xuất nhãn đều khuyến nghị nên in ở phạm vi nhiệt độ 18–24°C (65–75°F) với độ ẩm tương đối từ 40 đến 60 phần trăm.
- Bảo quản giấy trong thùng các tông, trên pa-lét hoặc kệ, thay vì trên sàn.
- Để các bao giấy riêng lẻ trên bề mặt phẳng.
- Không được để bất kỳ vật gì lên trên các bao giấy riêng lẻ.
- Chỉ lấy giấy ra khỏi thùng các tông hoặc bao bì khi chuẩn bị nạp giấy vào máy in. Thùng các tông và bao bì giúp giữ cho giấy sạch sẽ, khô ráo và không bị nhăn.

# Hỗ trợ giấy dành riêng cho máy in

Máy in Lexmark CS963, CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655 và các MFP



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được cấu hình cơ bản hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12,0 x 18,0 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓ <sup>1</sup>	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>3, 4</sup>	✓ <sup>5</sup>

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).  
<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.  
<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).  
<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

### Khổ giấy được khay tùy chọn hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X	X
<p><sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.</p> <p><sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).</p>					

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

### Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ

**Lưu ý:** Bộ phận vận chuyển giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách đã được lắp vào máy in.

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).



Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>2</sup>
<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch). <sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch). <sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).								

**Lưu ý:** Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách đã được lắp vào máy in.

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch). <sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch). <sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).								

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

## Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh dập ghim và dập lỗ

### Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ghim		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X



**Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X

**Khổ giấy được bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	X	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X

## Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh gấp

### Khổ giấy tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

**Khổ giấy được bộ phận vận chuyển giấy và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X



Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

**Khổ giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngắn, ngăn 2	Ngăn giấy ngắn, ngăn 2
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

**Khổ giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X

### Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh xếp chồng offset

### Khổ giấy được ngăn xếp offset hoặc bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
	Nạp cạnh dài	✓	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

**Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).



Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

**Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ (có tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy)**

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện đập ghim, đập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

## Loại giấy được hỗ trợ

### Loại giấy được cấu hình cơ bản hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	X
Tái chế	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	X
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	X
Nhãn	✓	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	X	X
Phong bì ráp	✓	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	X
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓

### Loại giấy được khay tùy chọn hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	X	X	X	X

Khổ giấy	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
Tái chế	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	X	X
Phong bì ráp	✓	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓

**Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Khổ giấy	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Phong bì	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X	X	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Khổ giấy	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

**Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ (có tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy)**

Khổ giấy	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X	X	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Khổ giấy	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

**Loại giấy được bộ phận vận chuyển giấy với tùy chọn gấp, ngăn xếp offset, bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ**

Khổ giấy	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Giấy thường	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	✓	✓	✓
Giấy thô	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓

**Loại giấy được bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Ngăn trên cùng của bộ hoàn thiện (Ngăn giấy chuẩn)				Ngăn giấy ghim của bộ hoàn thiện (Ngăn giấy 1)			
	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp
Giấy thường	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	X	X	X	X	✓	X	X	X

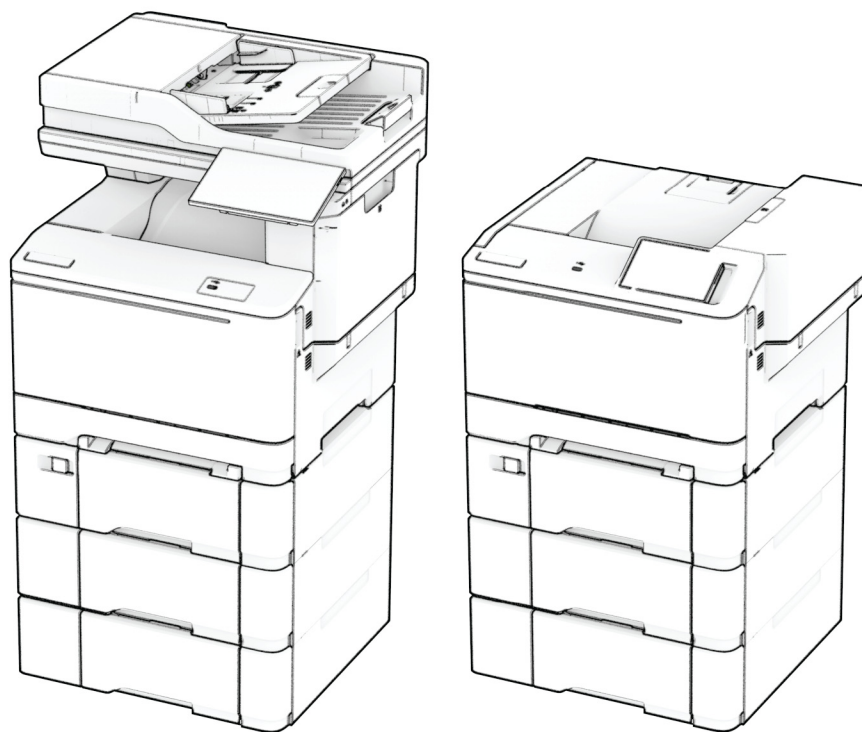


Khổ giấy	Ngăn trên cùng của bộ hoàn thiện (Ngăn giấy chuẩn)				Ngăn giấy ghim của bộ hoàn thiện (Ngăn giấy 1)			
	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp
Tái chế	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	X	X	X	X	✓	X	X	X
Nhãn	X	X	X	X	✓	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X	✓	X	X	X
Giấy thô	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	X	X	X	X	✓	X	X	X
Ráp/cotton	X	✓	X	X	✓	✓	X	X
Kiểu tùy chỉnh	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 550 tờ tiêu chuẩn hoặc tùy chọn, khay 2 x 550 tờ, khay 1500 tờ và khay song song 2000 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
60–300 g/m <sup>2</sup> (16 – 80-lb giấy thô)	60–300 g/m <sup>2</sup> (16 – 80-lb giấy thô)	60–220 g/m <sup>2</sup> (16 – 59-lb giấy thô)	50–150 g/m <sup>2</sup> (14 – 40-lb giấy thô)

**Máy in và MFP Lexmark C2335, CS531, CS632, CS639, CX532, CX635, XC2335**



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được khay, khay nạp giấy thủ công và in hai mặt hỗ trợ

Kích thước và khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ dọc A5 (SEF)<sup>1,2</sup></b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Khổ ngang A5 (LEF)<sup>1,2</sup></b> 210 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch)	✓	✓	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>1/3 A4</b> 95 x 210 mm (3,7 x 8,3 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Nạp khổ giấy này vào khay tiêu chuẩn và khay nạp giấy thủ công với cạnh dài đưa vào máy in trước.

<sup>2</sup> Nạp khổ giấy này vào khay tùy chọn và khay nạp giấy đa năng với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>5</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Kích thước và khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 98,4 x 148 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3,87 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 76,2 x 127 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	✓	X	✓	X	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 148 x 210 mm đến 215,9 x 355,6 mm (5,83 x 8,27 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 210 x 250 mm đến 215,9 x 355,6 mm (8,27 x 9,84 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Khổ Monarch</b> 98,425 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Nạp khổ giấy này vào khay tiêu chuẩn và khay nạp giấy thủ công với cạnh dài đưa vào máy in trước.

<sup>2</sup> Nạp khổ giấy này vào khay tùy chọn và khay nạp giấy đa năng với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>5</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Kích thước và khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>Phong bì khác<sup>5</sup></b> 98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,87 x 6,38 inch đến 6,93 x 9,84 inch)	✓	✓	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Nạp khổ giấy này vào khay tiêu chuẩn và khay nạp giấy thủ công với cạnh dài đưa vào máy in trước.  
<sup>2</sup> Nạp khổ giấy này vào khay tùy chọn và khay nạp giấy đa năng với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.  
<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.  
<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.  
<sup>5</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

**Khổ giấy được máy quét và khay nạp tài liệu tự động hỗ trợ**

Kích thước và khổ giấy	Máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓
<b>Khổ dọc A5 (SEF)</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓
<b>Khổ ngang A5 (LEF)</b> 210 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch)	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓
<b>1/3 A4</b> 95 x 210 mm (3,7 x 8,3 inch)	✓	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓

<sup>1</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.  
<sup>2</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.  
<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Kích thước và khổ giấy	Máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	X
<b>Thông dụng<sup>1,2</sup></b> 98,4 x 148 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3,87 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	X
<b>Thông dụng<sup>1,2</sup></b> 76,2 x 127 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	X
<b>Thông dụng<sup>1,2</sup></b> 148 x 210 mm đến 215,9 x 355,6 mm (5,83 x 8,27 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓
<b>Thông dụng<sup>1,2</sup></b> 210 x 250 mm đến 215,9 x 355,6 mm (8,27 x 9,84 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓	X
<b>Khổ Monarch</b> 98,425 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	X
<b>Phong bì khác<sup>3</sup></b> 98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,87 x 6,38 inch đến 6,93 x 9,84 inch)	✓	X

<sup>1</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>2</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

**Lưu ý:** Kiểu máy in của bạn có thể có khay kép 650 tờ, bao gồm một khay 550 tờ và một khay nạp giấy đa năng 100 tờ tích hợp. Khay 550 tờ trong khay kép 650 tờ hỗ trợ các khổ giấy tương tự như khay 550 tờ tùy chọn. Khay nạp giấy đa năng tích hợp hỗ trợ nhiều khổ, loại và trọng lượng giấy khác nhau.

## Loại giấy được hỗ trợ

Các loại giấy được hỗ trợ bởi khay, khay nạp giấy thủ công và in hai mặt

Loại giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
Thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓	✓	✓	X
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	X
Phong bì	✓	✓	X	✓	X	X

Các loại giấy được hỗ trợ bởi máy quét và ADF

Loại giấy	Máy quét	ADF
Thường	✓	✓
Giấy bì	✓	X
Nhãn	✓	X
Nhãn vinyl	✓	X
Phong bì	✓	X

**Lưu ý:**

- Kiểu máy in của bạn có thể có khay kép 650 tờ, bao gồm một khay 550 tờ và một khay nạp giấy đa năng 100 tờ tích hợp. Khay 550 tờ trong khay kép 650 tờ hỗ trợ các loại giấy tương tự như khay 550 tờ. Khay nạp giấy đa năng tích hợp hỗ trợ nhiều khổ, loại và trọng lượng giấy khác nhau.
- Nhãn, phong bì và giấy bì luôn được in với tốc độ được giảm.
- Nhãn vinyl chỉ được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên và phải được kiểm tra khả năng chấp nhận. Một số nhãn vinyl có thể nạp tốt hơn từ khay nạp giấy đa năng.

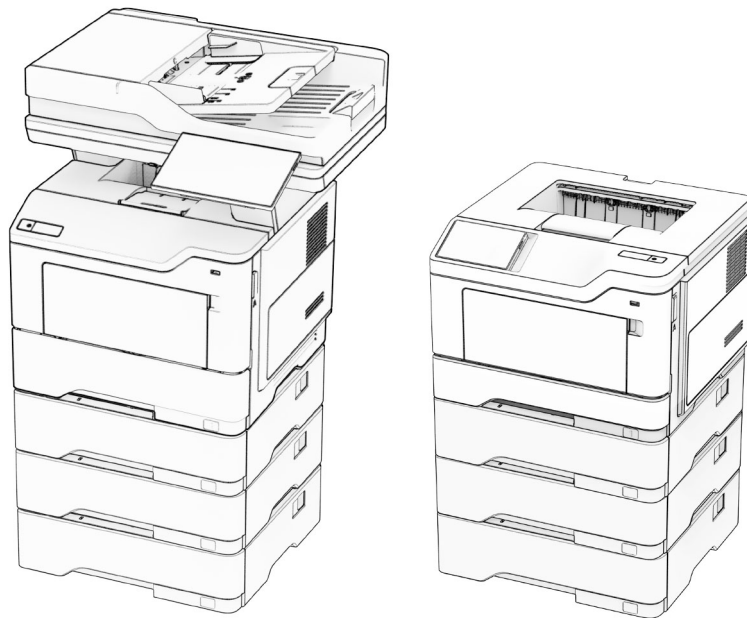
## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt	ADF
		Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng			
60–200 g/m <sup>2</sup> (16–53-lb bond)	60–200 g/m <sup>2</sup> (16–53-lb bond)	60-162 g/m <sup>2</sup> (16-43-lb bond)	60-162 g/m <sup>2</sup> (16-43-lb bond)	60-162 g/m <sup>2</sup> (16-43-lb bond)	60-105 g/m <sup>2</sup> (16-28-lb bond)	52-120 g/m <sup>2</sup> (14-32-lb bond)

### Lưu ý:

- Kiểu máy in của bạn có thể có khay kép 650 tờ, bao gồm một khay 550 tờ và một khay nạp giấy đa năng 100 tờ tích hợp. Khay 550 tờ trong khay kép 650 tờ hỗ trợ các loại giấy tương tự như khay 550 tờ. Khay nạp giấy đa năng tích hợp hỗ trợ nhiều khổ, loại và trọng lượng giấy khác nhau.
- Đối với giấy 60 đến 162 g/m<sup>2</sup> (16–43-lb bond), chúng tôi khuyến khích sử dụng thứ giấy dài.
- Giấy nhẹ hơn 75 g/m<sup>2</sup> (20-lb bond) phải được in cùng với Loại giấy được cài đặt là Giấy mỏng. Không cài đặt như vậy có thể khiến giấy bị cong quá mức, dẫn đến lỗi nạp giấy, đặc biệt trong môi trường ẩm hơn.

## Máy in và MFP Lexmark M3350, MS531, MS631, MS632, MS639, MX532, MX632, XM3350



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.



## Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Kính máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ dọc A5 (SEF)</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Khổ ngang A5 (LEF)<sup>1</sup></b> 210 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch)	✓	X	✓	X	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	X	✓	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,93 x 5,83 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng xác định thông số khác.

<sup>3</sup> Giấy phải có độ rộng ít nhất là 210 mm (8,27 inch) và độ dài ít nhất là 279,4 mm (11 inch) để in hai mặt.

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Kính máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng<sup>2</sup></b> 105 x 148 mm đến 215,9 x 359,92 mm (4,13 x 5,83 inch đến 8,5 x 14,17 inch)	✓	✓	X	✓ <sup>3</sup>	X	✓
<b>Thông dụng<sup>2</sup></b> 76,2 x 127 mm đến 215,9 x 359,92 mm (3 x 5,83 inch đến 8,5 x 14,17 inch)	X	X	✓	X	X	X
<b>Thông dụng<sup>2</sup></b> 25,4 x 25,4 mm đến 215,9 x 355,6 mm (1 x 1 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	X	X	X	✓	X
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	X	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	X	X	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng xác định thông số khác.

<sup>3</sup> Giấy phải có độ rộng ít nhất là 210 mm (8,27 inch) và độ dài ít nhất là 279,4 mm (11 inch) để in hai mặt.

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Kính máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Phong bì khác</b> 76,2 x 127 mm đến 215,9 x 359,92 mm (3 x 5,83 inch đến 8,5 x 14,17 inch)	X	X	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng xác định thông số khác.

<sup>3</sup> Giấy phải có độ rộng ít nhất là 210 mm (8,27 inch) và độ dài ít nhất là 279,4 mm (11 inch) để in hai mặt.

### Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	X	X	✓	X	X
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓
Nhãn giấy*	✓	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	✓	X	X
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X

\* Hỗ trợ nhãn giấy một mặt để sử dụng không thường xuyên dưới 20 trang mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc hoặc nhãn hai mặt.

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt*	Khay nạp tài liệu tự động
60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb giấy thô)	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb giấy thô)	60 – 216 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb giấy thô)	60 – 90 g/m <sup>2</sup> (16 – 24 lb giấy thô)	52 – 120 g/m <sup>2</sup> (14 – 32 lb giấy thô)
* Không hỗ trợ giấy bìa, nhãn hoặc phong bì.				

## Máy in và MFP Lexmark C4342, C4352, CS730, CS735, CS737, CX730, CX735, CX737, XC4342, XC4352



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay kép 650 tờ		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt	Máy quét	ADF
	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng 100 tờ <sup>1</sup>				
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ ngang A5<sup>2</sup></b> 210 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ dọc A5<sup>2</sup></b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Biểu ngữ</b> 215,9 x 1320,8 mm (8,5 x 52 inch)	x	✓	x	x	x	x
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	x	✓	x	x	✓	x
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

<sup>2</sup> Được hỗ trợ theo cả hướng dọc và ngang. Khi được nạp theo hướng dọc, A5 được xem là giấy hẹp. Khi được nạp theo hướng ngang, giấy được xem là có chiều rộng thông thường.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp theo hướng dọc.

<sup>5</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Khổ giấy	Khay kép 650 tờ		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt	Máy quét	ADF
	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng 100 tờ <sup>1</sup>				
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng<sup>3, 4</sup></b> 76,2 x 127mm đến 215,9 x 355,6mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	✓	X	X	✓	X
<b>Thông dụng<sup>3, 4</sup></b> 105 x 148mm đến 215,9 x 355,6mm (4,13 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	✓	X	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	X	✓	X	X	✓	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 11</b> 114,3 x 263,525 mm (4,5 x 10,375 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

<sup>2</sup> Được hỗ trợ theo cả hướng dọc và ngang. Khi được nạp theo hướng dọc, A5 được xem là giấy hẹp. Khi được nạp theo hướng ngang, giấy được xem là có chiều rộng thông thường.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp theo hướng dọc.

<sup>5</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Khổ giấy	Khay kép 650 tờ		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt	Máy quét	ADF
	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng 100 tờ <sup>1</sup>				
<b>Phong bì 12</b> 120,65 x 279,4 mm (4,75 x 11 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B6</b> 125 x 176 mm (4,92 x 6,92 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C6</b> 114 x 162 mm (4,48 x 6,37 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X
<b>Monarch</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	✓	X	X	✓	X
<b>Phong bì khác<sup>5</sup></b> 98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,87 x 6,38 inch đến 6,93 x 9,84 inch)	X	✓	X	X	✓	X

<sup>1</sup> Không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

<sup>2</sup> Được hỗ trợ theo cả hướng dọc và ngang. Khi được nạp theo hướng dọc, A5 được xem là giấy hẹp. Khi được nạp theo hướng ngang, giấy được xem là có chiều rộng thông thường.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp theo hướng dọc.

<sup>5</sup> Khi chọn khổ giấy Phong bì khác, trang được định dạng là 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

## Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay kép 650 tờ		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt	Máy quét	ADF
	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng 100 tờ				
Thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓	✓	×
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	×
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	×
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	×	✓	×
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	✓	×	✓	×
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	×	×	×	×	×	×
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	✓	✓	✓	✓	✓

### Lưu ý:

- Nhãn, phong bì và giấy bìa luôn được in với tốc độ được giảm.
- Giấy bìa chỉ được hỗ trợ in hai mặt tối đa 163 g/m<sup>2</sup> (chỉ mục 90 lb). Giấy nặng hơn chỉ được hỗ trợ in một mặt.
- Nhãn vinyl chỉ được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên và phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận. Một số nhãn vinyl có thể nạp đáng tin cậy hơn từ khay nạp giấy đa năng.



## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay kép 650 tờ		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng 100 tờ			
60 – 218 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16 – 58 lb)	60 – 218 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16 – 58 lb)	60 – 218 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16 – 58 lb)	60 – 162 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16 – 43 lb)	52 – 120 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 14 – 32 lb)

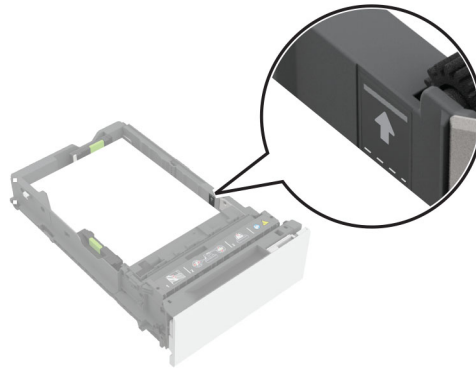
Loại giấy	Trọng lượng giấy
<b>Giấy thường</b>	75 – 90,3 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 20 – 24 lb)
<b>Bóng</b>	88 – 176 g/m <sup>2</sup> (giấy in sách 60 – 120 lb)
	162 – 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy in cover 60 – 65 lb)
<b>Giấy dày</b>	90,3 – 105 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 24,1 – 28 lb)
<b>Giấy bìa</b>	Lên tới 199 g/m <sup>2</sup> thớ dài (chỉ mục 110 lb)
	Lên tới 218 g/m <sup>2</sup> thớ ngắn (giấy in cover 80 lb)
<b>Nhãn (Nhãn giấy)</b>	Lên tới 218 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 58 lb)
<b>Nhãn (Nhãn vinyl)</b>	Lên tới 300 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 79,9 lb)
<b>Phong bì</b>	60–105 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16–28 lb)

### Lưu ý:

- Đối với giấy 60 – 176 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 16 – 47 lb), chúng tôi khuyến nghị sử dụng thớ giấy dài.
- Giấy nhẹ hơn 75 g/m<sup>2</sup> (20-lb giấy thô) phải được in cùng với Loại giấy được cài đặt là Giấy mỏng. Không cài đặt như vậy có thể khiến giấy bị cong quá mức, dẫn đến lỗi nạp giấy, đặc biệt trong môi trường ẩm hơn.
- Hỗ trợ in hai mặt cho trọng lượng giấy từ 60 – 162 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 16 – 43 lb).
- Trọng lượng tối đa của thành phần 100% cotton là 90 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 24 lb).

## Thông tin đường nạp khay

Tùy thuộc vào cấu trúc, đôi khi có thể khó lấy và nạp nhãn giấy và giấy bìa. Có thể cải thiện hiệu suất bằng cách kiểm soát số lượng tờ giấy được nạp vào khay. Có hai đường nạp vào khay. Đường nét liền là chỉ báo nạp giấy tối đa. Không được nạp giấy vào khay quá đường này, nếu không có thể xảy ra kẹt giấy. Đường đứt nét là chỉ báo nạp giấy thay thế. Nên sử dụng đường này nếu ghi nhận bất kỳ vấn đề nào về nạp giấy hoặc độ tin cậy với giấy chuyên dụng, bao gồm nhãn và giấy bìa. Nếu kẹt giấy xảy ra khi nạp đầy khay, chỉ nạp giấy chuyên dụng đến chỉ báo nạp giấy thay thế.



## Giấy bìa được hỗ trợ

Loại giấy	Hướng thớ giấy	Trọng lượng giấy
Giấy Bristol chỉ mục	Thớ dài	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)
	Thớ ngắn	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)
Giấy in thẻ	Thớ dài	163 g/m <sup>2</sup> (100 lb)
	Thớ ngắn	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)
Giấy in cover	Thớ dài	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)
	Thớ ngắn	218 g/m <sup>2</sup> (80 lb)

## Nhãn được hỗ trợ

Loại nhãn	Chiều rộng và chiều dài	Trọng lượng	Độ dày	Độ mịn
Giấy	76 x 216 mm (3 x 8,5 inch) <sup>1</sup>	218 g/m <sup>2</sup> (58 lb)	0,13 – 0,20 mm (0,005 – 0,0008 inch)	50 – 300 Sheffield <sup>2</sup>
Vinyl		300 g/m <sup>2</sup> (79,9 lb)		

<sup>1</sup> Kích thước nhãn tối thiểu được hỗ trợ trong khay nạp giấy đa năng là 76 x 124 mm (3 x 5 inch). Kích thước nhãn tối thiểu được hỗ trợ trong khay tiêu chuẩn và tùy chọn là 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch).

<sup>2</sup> 50 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

**Lưu ý:** Hạn chế in nhãn sử dụng thường xuyên, khoảng 1500 nhãn mỗi tháng.

## Hướng giấy tiêu đề

Nguồn	In	Mặt in	Hướng giấy
Khay	Một mặt	Ngửa lên	Nạp giấy với cạnh trên hướng về phía trước của khay.
	In	Úp xuống	Nạp giấy với cạnh trên hướng về phía sau của khay.
Khay nạp giấy đa năng	Một mặt	Úp xuống	Nạp giấy với cạnh trên đưa vào máy in trước.
	In	Ngửa lên	Nạp giấy với cạnh trên đưa vào máy in sau.

## Máy in và MFP Lexmark B3340, B3442, M1342, MB3442, MS331, MS431, MS439, MX331, MX431, MX432, XM1342, XM3142



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ dọc A5 (SEF)</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	✓	x	✓
<b>Khổ ngang A5 (LEF)<sup>1</sup></b> 210 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch)	✓	✓	✓	x	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài.

<sup>2</sup> Giấy phải có độ rộng ít nhất là 210 mm (8,27 inch) và độ dài ít nhất là 279,4 mm (11 inch) để in hai mặt.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng xác định thông số khác.

Khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	✓	X	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	X	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	X	✓	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng<sup>3</sup></b> 99 x 148 mm đến 215,9 x 359,92 mm (3,9 x 5,83 inch đến 8,5 x 14,17 inch)	✓	✓	✓	✓ <sub>2</sub>	X
<b>Thông dụng<sup>3</sup></b> 105 x 148 mm đến 215,9 x 355,6 mm (4,13 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	X	X	X	✓
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài.

<sup>2</sup> Giấy phải có độ rộng ít nhất là 210 mm (8,27 inch) và độ dài ít nhất là 279,4 mm (11 inch) để in hai mặt.

<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng xác định thông số khác.

Khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	X	X	✓	X	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	X	X	✓	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	X	X	✓	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	X	X	✓	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	X	X	✓	X	X
<b>Phong bì khác</b> 98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,87 x 6,38 inch đến 6,93 x 9,84 inch)	X	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài.  
<sup>2</sup> Giấy phải có độ rộng ít nhất là 210 mm (8,27 inch) và độ dài ít nhất là 279,4 mm (11 inch) để in hai mặt.  
<sup>3</sup> Khi chọn khổ giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng xác định thông số khác.

## Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Giấy thường</b>	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b>	X	X	✓	X	X
<b>Tái chế</b>	✓	✓	✓	✓	X
<b>Nhãn giấy*</b>	✓	✓	✓	X	X
<b>Giấy thô</b>	✓	✓	✓	✓	X
<b>Giấy tiêu đề</b>	✓	✓	✓	✓	X
<b>In sẵn</b>	✓	✓	✓	✓	X

\* Hỗ trợ nhãn giấy một mặt để sử dụng không thường xuyên dưới 20 trang mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc hoặc nhãn hai mặt.

Loại giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	X
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	X
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	X
Phong bì	X	X	✓	X	X
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X

\* Hỗ trợ nhấn giấy một mặt để sử dụng không thường xuyên dưới 20 trang mỗi tháng. Không hỗ trợ nhấn vinyl, nhấn thuốc hoặc nhấn hai mặt.

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Trọng lượng giấy	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb)	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb)	60 – 217 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb)	60 – 90 g/m <sup>2</sup> (16 – 24 lb)	60 – 90 g/m <sup>2</sup> (16 – 24 lb)

## MFP Lexmark MX931, CX930, CX931, XC9325, XC9335



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được khay tiêu chuẩn, MPF, khay phong bì và in hai mặt hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
<b>A3<sup>1</sup></b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	✓	✓	X	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	X	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	X	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	X	✓ <sup>1</sup>	X	X
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	X	✓
<b>Folio<sup>1</sup></b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	X	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	X	✓ <sup>1</sup>	X	X
<b>JIS B4<sup>1</sup></b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	✓	✓	X	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	X	✓
<b>Ledger<sup>1</sup></b> 279,4 x 4431,8 mm (11 x 17 inch)	✓	✓	X	✓
<b>Legal<sup>1</sup></b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	✓

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 181,86 mm (5,5 x 7,16 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 128 x 139,7 mm (5 x 5,5 inch) đến 296,93 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

Khổ giấy	Khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	X	✓
<b>Oficio (Mexico)<sup>1</sup></b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	X	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	X	✓
<b>Thông dụng</b>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>4</sup>	X	✓ <sup>5</sup>
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	✓ <sup>2</sup>	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	X	✓ <sup>2</sup>	✓	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	X	✓ <sup>2</sup>	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	X	✓ <sup>1</sup>	✓	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	X	✓ <sup>2</sup>	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	X	✓ <sup>2</sup>	✓	X
<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn. <sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài. <sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 181,86 mm (5,5 x 7,16 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch). <sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch). <sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 128 x 139,7 mm (5 x 5,5 inch) đến 296,93 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).				

**Lưu ý:**

- ADF hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 85 mm (4,92 x 3,35 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).
- Máy quét phẳng hỗ trợ khổ giấy tối đa 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).



**Khổ giấy được khay tùy chọn hỗ trợ**

Khổ giấy	Khay 520 tờ tùy chọn, khay 520 tờ tùy chọn có tử và 3 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2520 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn
<b>A3<sup>1</sup></b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	✓	✓	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓ <sup>2</sup>
<b>A5<sup>1</sup></b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	X	X	X
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓ <sup>2</sup>
<b>Folio<sup>1</sup></b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	X	X	X
<b>JIS B4<sup>1</sup></b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	✓	✓	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓ <sup>2</sup>
<b>Ledger<sup>1</sup></b> 279,4 x 4431,8 mm (11 x 17 inch)	✓	✓	X
<b>Legal<sup>1</sup></b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 181,86 mm (5,5 x 7,16 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Khay 520 tờ tùy chọn, khay 520 tờ tùy chọn có tử và 3 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2520 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn
<b>Oficio (Mexico)<sup>1</sup></b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	X
<b>Báo cáo<sup>1</sup></b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X
<b>Thông dụng</b>	✓ <sub>3</sub>	✓ <sub>3</sub>	✓ <sub>3</sub>
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	X	X	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	X	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 181,86 mm (5,5 x 7,16 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

**Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Khổ giấy	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy trên
	Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp
<b>A3<sup>1</sup></b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	✓	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	✓
<b>A6<sup>1</sup></b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓
<b>Folio<sup>1</sup></b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓
<b>Hagaki<sup>1</sup></b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	✓	✓
<b>JIS B4<sup>1</sup></b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓
<b>Ledger<sup>1</sup></b> 279,4 x 4431,8 mm (11 x 17 inch)	✓	✓	✓
<b>Legal<sup>1</sup></b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy trên
	Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)<sup>1</sup></b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b>	✓ <sub>3</sub>	✓ <sub>4</sub>	X
<b>Phong bì 7 3/4<sup>2</sup></b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	✓	✓
<b>Phong bì 9<sup>2</sup></b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓	✓	✓
<b>Phong bì 10<sup>2</sup></b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓	✓	✓
<b>Phong bì B5<sup>2</sup></b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓	✓	✓
<b>Phong bì C5<sup>2</sup></b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓	✓	✓
<b>Phong bì DL<sup>2</sup></b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

**Khổ giấy được bộ hoàn thiện hỗ trợ**

Khổ giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ
<b>A3<sup>1</sup></b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	X	✓	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>6</sup>
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	X	X	✓	X	X	X
<b>Biểu ngữ</b> Chiều rộng tối đa: 215,9 mm (8,5 inch) Chiều dài tối đa: 1320,8 mm (52 inch)	✓ <sup>1</sup>	X	X	✓ <sup>1</sup>	X	X	X
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>
<b>Folio<sup>1</sup></b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	X	X	✓	X	X	X
<b>JIS B4<sup>1</sup></b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>7</sup>

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.  
<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).  
<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 190 x 139,7 mm (7,48 x 5,5 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).  
<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 202,9 x 182,03 mm (7,99 x 7,17 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).  
<sup>6</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa 2 lỗ.  
<sup>7</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa 2 lỗ khi nạp theo hướng cạnh ngắn.  
<sup>8</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 320,04 x 1320,8 mm (12,6 x 52 inch).  
<sup>9</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 209,97 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ
<b>Ledger<sup>1</sup></b> 279,4 x 4431,8 mm (11 x 17 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal<sup>1</sup></b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)<sup>1</sup></b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>	X	X	X	X	X
<b>Thông dụng</b>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>4</sup>	✓ <sup>5</sup>	✓ <sup>8</sup>	✓ <sup>9</sup>	✓ <sup>9</sup>	X
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓ <sup>2</sup>	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 190 x 139,7 mm (7,48 x 5,5 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 202,9 x 182,03 mm (7,99 x 7,17 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

<sup>6</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa 2 lỗ.

<sup>7</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa 2 lỗ khi nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>8</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 320,04 x 1320,8 mm (12,6 x 52 inch).

<sup>9</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 209,97 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	√ <sup>1</sup>	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	√	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh ngắn.  
<sup>2</sup> Chỉ nạp theo hướng cạnh dài.  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).  
<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 190 x 139,7 mm (7,48 x 5,5 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).  
<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 202,9 x 182,03 mm (7,99 x 7,17 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).  
<sup>6</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa 2 lỗ.  
<sup>7</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa 2 lỗ khi nạp theo hướng cạnh ngắn.  
<sup>8</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,38 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 320,04 x 1320,8 mm (12,6 x 52 inch).  
<sup>9</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 209,97 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch) đến 296,93 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

## Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy được khay tiêu chuẩn, MPF, khay phong bì và in hai mặt hỗ trợ

Loại giấy	Khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
Giấy thô	√	√	X	√
Giấy bìa	√	√	X	√
Giấy màu	√	√	X	√
Kiểu tùy chỉnh	√	√	X	√
Phong bì	X	√	√	X
Bóng	√	√	X	√
Giấy bóng dày	√	√	X	√
Giấy dày	√	√	X	√
Nhãn	√	√	X	X
Giấy tiêu đề	√	√	X	√
Giấy mỏng	√	√	X	√
Giấy thường	√	√	X	√
In sẵn	√	√	X	√

Loại giấy	Khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
Tái chế	✓	✓	X	✓
Phong bì ráp	X	✓	✓	X
Ráp/cotton	✓	✓	X	✓
Nhãn vinyl	X	X	X	X

**Loại giấy được khay tùy chọn hỗ trợ**

Loại giấy	Khay 520 tờ tùy chọn, khay 520 tờ tùy chọn có tử và 3 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2520 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn
Giấy thô	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	X
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Phong bì ráp	X	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	X	X	X

**Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Loại giấy	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy trên
	Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp
Giấy thô	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓



Loại giấy	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy trên
	Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp
Giấy màu	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	X	X	X

**Loại giấy được bộ hoàn thiện hỗ trợ**

Loại giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	X	X	X	X	X	X
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Giấy dày	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	X	X	X	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Loại giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	X	X	X	X	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Nhãn vinyl	X	X	X	X	X	X	X

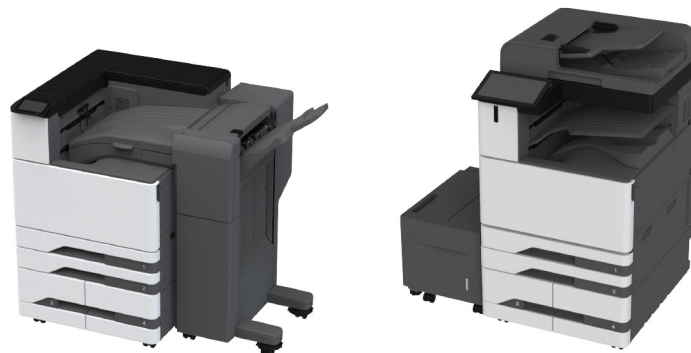
### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 520 tờ, khay 520 tờ có tử, 3 khay 520 tờ và khay song song 2520 tờ	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	Khay 2000 tờ tùy chọn
60 – 256 g/m <sup>2</sup> (12 – 68 lb)	60–216 g/m <sup>2</sup> (12 – 57 lb)	75–90 g/m <sup>2</sup> (20 – 24 lb)	60–216 g/m <sup>2</sup> (12 – 57 lb)

#### Lưu ý:

- Đối với giấy 60 – 176 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 16 – 47 lb), chúng tôi khuyến nghị sử dụng tờ giấy dài.
- Giấy nhẹ hơn 75 g/m<sup>2</sup> (20-lb giấy thô) phải được in cùng với Loại giấy được cài đặt là Giấy mỏng. Không cài đặt như vậy có thể khiến giấy bị cong quá mức, dẫn đến lỗi nạp giấy, đặc biệt trong môi trường ẩm hơn.
- Hỗ trợ in hai mặt cho trọng lượng giấy từ 60 – 162 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 16 – 43 lb).
- Trọng lượng tối đa của thành phần 100% cotton là 90 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 24 lb).

## Máy in và MFP Lexmark CS943, CX942, CX943, CX944, XC9445, XC9455, XC9465



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được khay tiêu chuẩn, MPF, khay phong bì và in hai mặt hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	2 khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	✓	X	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ <sup>4</sup>	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓
<b>Khổ Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 100 x 297 mm (3,94 x 11,69 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,4 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 320,4 x 1320,8 mm (12,61 x 52 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 98,4 mm (3,54 x 3,87 inch) đến 241,3 x 372 mm (9,5 x 14,65 inch).

<sup>4</sup> Chỉ hỗ trợ ở khay 2.

Khổ giấy	Hướng	2 khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 4431,8mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>SRA3 A3+</b> 329 x 483 mm (12,9 x 19,02 in.)	Nạp cạnh ngắn	✓ <sup>4</sup>	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓
<b>Monarch 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	✓	✓	X
<b>Phong bì (Naganata #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 in.)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	✓	✓	X
<b>Phong bì Commercial #10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	✓	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 100 x 297 mm (3,94 x 11,69 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,4 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 320,4 x 1320,8 mm (12,61 x 52 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 98,4 mm (3,54 x 3,87 inch) đến 241,3 x 372 mm (9,5 x 14,65 inch).

<sup>4</sup> Chỉ hỗ trợ ở khay 2.

Khổ giấy	Hướng	2 khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 in.)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	✓	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>3</sup>	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 100 x 297 mm (3,94 x 11,69 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 88,9 x 98,4 mm (3,5 x 3,87 inch) đến 320,4 x 1320,8 mm (12,61 x 52 inch).  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 98,4 mm (3,54 x 3,87 inch) đến 241,3 x 372 mm (9,5 x 14,65 inch).  
<sup>4</sup> Chỉ hỗ trợ ở khay 2.

**Khổ giấy được khay tùy chọn hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	2 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2000 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn	Khay nạp tài liệu tự động
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 85 mm (4,92 x 3,35 inch) đến 297 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

Khổ giấy	Hướng	2 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2000 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Khổ Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 443,18mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>SRA3 A3+</b> 329 x 483 mm (12,9 x 19,02 in.)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓
<b>Monarch 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì (Naganata #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 in.)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 85 mm (4,92 x 3,35 inch) đến 297 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

Khổ giấy	Hướng	2 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2000 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì Commercial #10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 in.)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	X	X	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 85 mm (4,92 x 3,35 inch) đến 297 x 482,6 mm (11,69 x 19 inch).

**Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy kép	
			Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp	Offset
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy kép	
			Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp	Offset
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Biểu ngữ</b> Chiều rộng tối đa: 215,9 mm (8,5 in.) Chiều dài tối đa: 1320,8 mm (52 in.)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Khổ Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓



Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy kép	
			Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp	Offset
<b>Ledger</b> 279,4 x 4431,8mm (11 x 17 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Phong bì (Monarch 7 3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Phong bì (Naganata #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 in.)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy kép	
			Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp	Offset
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 in.)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓

**Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ**

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
			Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
			Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓	X	X	✓ <sup>1</sup>
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓	✓	✓	✓ <sup>1</sup>
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu ngữ</b> Chiều rộng tối đa: 215,9 mm (8,5 in.) Chiều dài tối đa: 1320,8 mm (52 in.)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	X	X	✓	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	✓	X	X	✓ <sup>1</sup>
		Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
			Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ
<b>Ledger</b> 279,4 x 4431,8mm (11 x 17 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	X	X	✓	X	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	X	X	✓	X	X	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	X	X	✓	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	X	X	✓	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
			Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	✓	X	X	✓	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.

**Khổ giấy được bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	✓	✓ <sup>2</sup>	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	✓	✓ <sup>2</sup>	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	✓ <sup>1</sup>	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	✓ <sup>1</sup>	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>Biểu ngữ</b> Chiều rộng tối đa: 215,9 mm (8,5 in.) Chiều dài tối đa: 1320,8 mm (52 in.)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	✓	✓	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi



Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>Khổ Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	✓ <sup>2</sup>	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	✓ <sup>2</sup>	✓	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>Ledger</b> 279,4 x 4431,8mm (11 x 17 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	✓ <sup>2</sup>	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓	✓	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	✓	✓ <sup>2</sup>	✓	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	X	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓	✓	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	✓	✓	✓
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách								
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy		
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X	X	
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
			Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
1		Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2		Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3		Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách							
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy	
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi

Khổ giấy	Ngăn giấy đầu ra	Hướng	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách						
			Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Dập ghim	Dập lỗ	Dập gáy tập sách	Gấp tập sách	Gấp hai tờ giấy
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Ngăn giấy chuẩn	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	✓	X	X	X	X	X	X
	1	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	2	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	3	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ hỗ trợ dập tối đa hai lỗ.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ dập ghim đôi



## Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy được khay tiêu chuẩn, MPF, khay phong bì và in hai mặt hỗ trợ

Loại giấy	2 khay 520 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	In hai mặt
Giấy thô	✓	✓	X	✓
Giấy bìa	✓	✓	X	✓
Giấy màu	✓	✓	X	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	X	✓
Phong bì	X	✓	✓	X
Bóng	✓	✓	X	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	X	✓
Giấy dày	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	X	✓
Giấy mỏng	✓	✓	X	✓
Giấy thường	✓	✓	X	✓
In sẵn	✓	✓	X	✓
Tái chế	✓	✓	X	✓
Phong bì ráp	X	✓	✓	X
Ráp/cotton	✓	✓	X	✓
Giấy trong suốt	X	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X

Loại giấy được khay tùy chọn hỗ trợ

Loại giấy	2 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2000 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn
Giấy thô	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	X
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓

Loại giấy	2 khay 520 tờ tùy chọn	Khay song song 2000 tờ tùy chọn	Khay 2000 tờ tùy chọn
Giấy dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Phong bì ráp	X	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X

**Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Loại giấy	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy kép
	Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp
Giấy thô	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	✓	✓

Loại giấy	Ngăn giấy chuẩn		Ngăn giấy kép
	Ngăn xếp	Offset	Ngăn xếp
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X

**Loại giấy được bộ hoàn thiện dập ghim và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ**

Loại giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	X	X	X	X	X	X
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Giấy dày	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	X	X	X	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	X	X	X	X	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Giấy trong suốt	X	X	X	X	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X	X	X	X

**Loại giấy được bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Loại giấy	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách				
	Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ	Gấp
Giấy thô	✓	X	✓	✓	✓	✓	X

Loại giấy	Bộ hoàn thiện gấp ba/gấp chữ Z		Bộ hoàn thiện tập sách				
	Gấp ba	Gấp chữ Z	Ngăn xếp	Offset	Ghim	Dập lỗ	Gấp
Giấy bìa	X	X	✓	✓	X	✓	X
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	X	X	X	X	X
Bóng	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	X	X	✓	✓	X	✓	X
Giấy dày	X	X	✓	✓	X	✓	X
Nhãn	X	X	X	X	X	X	X
Giấy tiêu đề	X	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	X	✓	X
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì ráp	X	X	X	X	X	X	X
Ráp/cotton	X	X	✓	✓	X	✓	X
Giấy trong suốt	X	X	X	X	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X	X	X	X

**Lưu ý:**

- Nhãn, phong bì và giấy bìa luôn được in với tốc độ được giảm.
- Giấy bìa chỉ được hỗ trợ in hai mặt tối đa 163 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 90 lb). Giấy nặng hơn chỉ được hỗ trợ in một mặt.
- Nhãn vinyl chỉ được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên và phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận. Một số nhãn vinyl có thể nạp đáng tin cậy hơn từ khay nạp giấy đa năng.

**Trọng lượng giấy được hỗ trợ**

2 khay 520 tờ tiêu chuẩn hoặc tùy chọn và khay song song 2000 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	Khay phong bì	Khay 2000 tờ tùy chọn
60 – 256 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 12 – 68 lb)	60–216 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 12 – 57 lb)	75–90 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 20 – 24 lb)	60–216 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 12 – 57 lb)

**Lưu ý:**

- Đối với giấy 60 – 176 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 16 – 47 lb), chúng tôi khuyến nghị sử dụng thứ giấy dài.
- Giấy mỏng hơn 75 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 20 lb) phải được in cùng với Loại giấy được cài đặt là Giấy mỏng. Không cài đặt như vậy có thể khiến giấy bị cong quá mức, dẫn đến lỗi nạp giấy, đặc biệt trong môi trường ẩm hơn.
- Hỗ trợ in hai mặt cho trọng lượng giấy từ 60 – 162 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 16 – 43 lb).
- Trọng lượng tối đa của thành phần 100% cotton là 90 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 24 lb).

## Máy in và MFP Lexmark C2326, CS431, C3426, CS439, CX431, MC3426, XC2326



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5<sup>1</sup></b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	✗	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	✗	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✗	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài. Khi thực hiện nạp cạnh ngắn, A5 được xem là giấy hẹp.

<sup>2</sup> Khi được chọn, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng phần mềm xác định thông số khác.

<sup>3</sup> Nạp giấy hẹp có cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>4</sup> Chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

<sup>5</sup> Khay 250 tờ tiêu chuẩn chỉ hỗ trợ tối đa năm phong bì cùng một lúc. Khay 250 tờ tùy chọn hỗ trợ tối đa 40 phong bì cùng một lúc.

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	✓	X	X	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Điều hành</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Pháp lý</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	X
<b>Khổ hai</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	X
<b>Chung<sup>2, 3</sup></b> 98,4 x 148 mm (3,86 x 5,83 inch) đến 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓ <sup>4</sup>
<b>Chung<sup>2, 3</sup></b> 25,4 x 25,4 mm (1 x 1 inch) đến 215,9 x 297 mm (8,5 x 11,69 inch)	X	X	X	X	✓
<b>Chung<sup>2, 3</sup></b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch) đến 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	X	X	X	✓	X
<b>7 Phong bì 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	✓
<b>9 Phong bì</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	✓
<b>10 Phong bì</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài. Khi thực hiện nạp cạnh ngắn, A5 được xem là giấy hẹp.

<sup>2</sup> Khi được chọn, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng phần mềm xác định thông số khác.

<sup>3</sup> Nạp giấy hẹp có cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>4</sup> Chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

<sup>5</sup> Khay 250 tờ tiêu chuẩn chỉ hỗ trợ tối đa năm phong bì cùng một lúc. Khay 250 tờ tùy chọn hỗ trợ tối đa 40 phong bì cùng một lúc.

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	√ <sup>5</sup>	√	X	X	√
<b>Phong bì khác</b> 98,4 x 162 mm (3,87 x 6,38 inch) đến 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	√ <sup>5</sup>	√	X	X	Không áp dụng

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài. Khi thực hiện nạp cạnh ngắn, A5 được xem là giấy hẹp.  
<sup>2</sup> Khi được chọn, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng phần mềm xác định thông số khác.  
<sup>3</sup> Nạp giấy hẹp có cạnh ngắn đưa vào máy in trước.  
<sup>4</sup> Chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).  
<sup>5</sup> Khay 250 tờ tiêu chuẩn chỉ hỗ trợ tối đa năm phong bì cùng một lúc. Khay 250 tờ tùy chọn hỗ trợ tối đa 40 phong bì cùng một lúc.

## Các loại giấy được hỗ trợ

### Lưu ý:

- Nhân, phong bì và giấy bìa luôn in ở tốc độ thấp.
- Nhân được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên và phải được kiểm tra khả năng chấp nhận.
- ADF chỉ hỗ trợ giấy thường.

Loại giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt
Giấy thường	√	√	√
Giấy bìa	√	√	X
Nhãn	√	√	X
Phong bì	√	√	X

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Lưu ý: ADF hỗ trợ giấy 52–90,3 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 14–24 lb).

Loại giấy và trọng lượng giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc khay tùy chọn 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt
<b>Giấy mỏng</b> Thớ dài 60–74,9 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16–19,9-lb)	√	√	√
<b>Giấy thường</b> Thớ dài 75–90,3 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 20–24-lb)	√	√	√
<b>Giấy dày</b> Thớ dài 90,3–105 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 24,1–28-lb)	√	√	√

Loại giấy và trọng lượng giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc khay tùy chọn 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt
<b>Giấy bì</b> Thớ dài 105,1–162 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 28,1–43-lb)	✓	✓	X
<b>Giấy bì</b> Thớ dài 163–200 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 43,1–53-lb)	X	✓	X
<b>Nhấn giấy</b> 131 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 35-lb)	✓	✓	X
<b>Phong bì</b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16–28-lb)	✓	✓	X

## Máy in và MFP Lexmark CS331, CX331, C3224, C3326, MC3224, MC3326



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5<sup>1</sup></b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài. Khi thực hiện nạp cạnh ngắn, A5 được xem là giấy hẹp.

<sup>2</sup> Nguồn giấy này chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

<sup>3</sup> Khi chọn giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng phần mềm xác định thông số khác.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>5</sup> Chỉ in tối đa năm phong bì cùng một lúc.



Khổ giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	✓	X	X	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 98,4 x 148 mm (3,86 x 5,83 inch) đến 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓ <sub>2</sub>
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 25,4 x 25,4 mm (1 x 1 inch) đến 215,9 x 297 mm (8,5 x 11,69 inch)	X	X	X	X	✓
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch) đến 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	X	X	X	✓	X
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓ <sub>5</sub>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓ <sub>5</sub>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓ <sub>5</sub>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓ <sub>5</sub>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓ <sub>5</sub>	✓	X	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài. Khi thực hiện nạp cạnh ngắn, A5 được xem là giấy hẹp.

<sup>2</sup> Nguồn giấy này chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

<sup>3</sup> Khi chọn giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng phần mềm xác định thông số khác.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>5</sup> Chỉ in tối đa năm phong bì cùng một lúc.

Khổ giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	✓
<b>Phong bì khác<sup>3</sup></b> 98,4 x 162 mm (3,87 x 6,38 inch) đến 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓ <sup>5</sup>	✓	X	X	Không áp dụng

<sup>1</sup> Hỗ trợ mặc định là nạp cạnh dài. Khi thực hiện nạp cạnh ngắn, A5 được xem là giấy hẹp.

<sup>2</sup> Nguồn giấy này chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

<sup>3</sup> Khi chọn giấy Thông dụng, giấy được định dạng là 215,90 x 355,60 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi được ứng dụng phần mềm xác định thông số khác.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đưa vào máy in trước.

<sup>5</sup> Chỉ in tối đa năm phong bì cùng một lúc.

## Loại giấy được hỗ trợ

### Lưu ý:

- Nhãn, phong bì và giấy bìa luôn được in với tốc độ được giảm.
- Nhãn được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên và phải được kiểm tra khả năng chấp nhận.
- ADF chỉ hỗ trợ giấy thường.

Loại giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt
Giấy thường	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	X
Nhãn	✓	✓	X
Phong bì	✓	✓	X

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Lưu ý: ADF hỗ trợ giấy 52–90,3 g/m<sup>2</sup> (giấy thô 14–24 lb).

Loại và trọng lượng giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt
<b>Giấy mỏng</b> 60 – 74,9 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 16 – 19,9 lb)	✓	✓	✓
<b>Giấy thường</b> 75 – 90,3 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 20 – 24 lb)	✓	✓	✓
<b>Giấy dày</b> 90,3 – 105 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 24,1 – 28 lb)	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 105,1 – 162 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 28,1 – 43 lb)	✓	✓	X

Loại và trọng lượng giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt
<b>Giấy bìa</b> 105,1 – 200 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 28,1 – 53 lb)	X	✓	X
<b>Nhãn giấy</b> 131 g/m <sup>2</sup> (35-lb bond)	✓	✓	X
<b>Phong bì</b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	✓	X

## Máy in Lexmark B2236 Printer và MFP MB2236



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

**Lưu ý:**

- Giấy có độ rộng nhỏ hơn 210 mm (8,3 inch) luôn in ở tốc độ giảm.
- Sử dụng khay nạp giấy thủ công khi in trên giấy có độ rộng nhỏ hơn 105 mm (4,1 inch).
- Kích thước giấy tối thiểu được hỗ trợ cho in hai mặt là 210 x 279,4 mm (8,3 x 11 inch).
- Chiều dài giấy tối đa được hỗ trợ bởi kính máy quét là 297 mm (11,7 inch).
- Để in hai mặt trên giấy khổ thư, legal hoặc khổ folio, đảm bảo cài đặt khổ giấy trong bộ đảo mặt được đặt thành Thư.

Khổ giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	Kính máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5 (nạp giấy bằng cạnh ngắn)</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	X	✓	✓

\* Nguồn giấy chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

Khổ giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	Kính máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>A5 (nạp giấy bằng cạnh dài)</b> 210 x 148 mm (8,27 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	X	X	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	X	✓	X	✓	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	X	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	X	✓
<b>Thông dụng</b> 98 x 148 mm (3,9 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	X	✓	X	✓*	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	✓*	✓
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	X	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	X	✓	X	✓	X

\* Nguồn giấy chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).

Khổ giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	Kính máy quét	Khay nạp tài liệu tự động
<b>Phong bì thông dụng</b> 98,4 x 162 mm (3,87 x 6,38 inch) đến 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	X	✓	X	✓	X
* Nguồn giấy chỉ hỗ trợ khổ giấy có kích thước 216 x 297 mm (8,5 x 11,7 inch).					

## Loại giấy được hỗ trợ

Lưu ý: Nhãn, phong bì và giấy bì luôn được in với tốc độ được giảm.

Loại giấy	Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	X	✓	X	X
Nhãn	X	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 250 tờ	Khay nạp giấy thủ công	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	60–200 g/m <sup>2</sup> (16–54-lb bond)	70–105 g/m <sup>2</sup> (18,7–28-lb bond)	60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)

**Máy in và MFP Lexmark C2240, C2325, C2425, C2535, CS421, CS521, CS622, CX421, CX522, CX622, CX625, MC2325, MC2425, MC2535, MC2640, XC2235, XC4240**



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

**Lưu ý:** Kiểu máy in của bạn có thể có khay kép 650 tờ, bao gồm một khay 550 tờ và một khay nạp giấy đa năng 100 tờ tích hợp. Khay 550 tờ trong khay kép 650 tờ hỗ trợ các khổ giấy tương tự như khay 550 tờ tùy chọn. Khay nạp giấy đa năng tích hợp hỗ trợ nhiều khổ, loại và trọng lượng giấy khác nhau.

Kích thước và khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5<sup>1,2</sup></b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X

<sup>1</sup> Nạp khổ giấy này vào khay 1 và khay nạp giấy thủ công với cạnh dài đi vào máy in trước.

<sup>2</sup> Nạp khổ giấy này vào khay 2, khay 3, và khay nạp giấy đa năng với cạnh ngắn đi vào máy in trước.

<sup>3</sup> Khi chọn giấy Thông dụng, trang được định dạng theo cỡ 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đi vào máy in trước.

<sup>5</sup> Khi chọn Phong bì khác, trang được định dạng theo cỡ 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Kích thước và khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 98,4 x 148 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3,87 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 76,2 x 127 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	✓	X	✓	X	X
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 148 x 210 mm đến 215,9 x 355,6 mm (5,83 x 8,27 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X

<sup>1</sup> Nạp khổ giấy này vào khay 1 và khay nạp giấy thủ công với cạnh dài đi vào máy in trước.  
<sup>2</sup> Nạp khổ giấy này vào khay 2, khay 3, và khay nạp giấy đa năng với cạnh ngắn đi vào máy in trước.  
<sup>3</sup> Khi chọn giấy Thông dụng, trang được định dạng theo cỡ 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.  
<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đi vào máy in trước.  
<sup>5</sup> Khi chọn Phong bì khác, trang được định dạng theo cỡ 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

Kích thước và khổ giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>Thông dụng<sup>3,4</sup></b> 210 x 250 mm đến 215,9 x 355,6 mm (8,27 x 9,84 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì 10</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9,01 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Monarch</b> 98,425 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Phong bì khác<sup>5</sup></b> 98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,87 x 6,38 inch đến 6,93 x 9,84 inch)	✓	✓	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Nạp khổ giấy này vào khay 1 và khay nạp giấy thủ công với cạnh dài đi vào máy in trước.

<sup>2</sup> Nạp khổ giấy này vào khay 2, khay 3, và khay nạp giấy đa năng với cạnh ngắn đi vào máy in trước.

<sup>3</sup> Khi chọn giấy Thông dụng, trang được định dạng theo cỡ 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

<sup>4</sup> Nạp giấy hẹp với cạnh ngắn đi vào máy in trước.

<sup>5</sup> Khi chọn Phong bì khác, trang được định dạng theo cỡ 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch) trừ khi khổ giấy được xác định bởi ứng dụng phần mềm.

## Loại giấy được hỗ trợ

### Lưu ý:

- Kiểu máy in của bạn có thể có khay kép 650 tờ, bao gồm một khay 550 tờ và một khay nạp giấy đa năng 100 tờ tích hợp. Khay 550 tờ trong khay kép 650 tờ hỗ trợ các loại giấy tương tự như khay 550 tờ. Khay nạp giấy đa năng tích hợp hỗ trợ nhiều khổ, loại và trọng lượng giấy khác nhau.



- Nhãn, phong bì và giấy bìa luôn được in ở mức 25 trang mỗi phút.
- ADF chỉ hỗ trợ giấy thường.

Loại giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓	✓	X
Phong bì	✓	✓	X	✓	X	X
Nhãn giấy	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	X

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

### Lưu ý:

- Kiểu máy in của bạn có thể có khay kép 650 tờ, bao gồm một khay 550 tờ và một khay nạp giấy đa năng 100 tờ tích hợp. Khay 550 tờ trong khay kép 650 tờ hỗ trợ các loại giấy tương tự như khay 550 tờ. Khay nạp giấy đa năng tích hợp hỗ trợ nhiều khổ, loại và trọng lượng giấy khác nhau.
- Nhãn, phong bì và giấy bìa luôn được in ở mức 25 trang mỗi phút.
- ADF hỗ trợ giấy 52–120 g/m<sup>2</sup> (14–32 lb bond).

Loại và trọng lượng giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>Giấy mỏng<sup>1</sup></b> 60–74,9 g/m <sup>2</sup> thứ dài (16–19,9-lb bond)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy thường</b> 75–90,3 g/m <sup>2</sup> thứ dài (20–24-lb bond)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy dày</b> 90,3–105 g/m <sup>2</sup> thứ dài (24,1–28-lb bond)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 105,1–162 g/m <sup>2</sup> thứ dài (28,1–43-lb bond)	✓	✓	✓	✓	✓	X

<sup>1</sup> Giấy nhẹ hơn 75 g/m<sup>2</sup> (20 lb) phải được in cùng với Loại giấy được cài đặt là Giấy mỏng. Không cài đặt như vậy có thể khiến giấy bị cong quá mức, dẫn đến lỗi nạp giấy, đặc biệt trong môi trường ẩm hơn.

<sup>2</sup> Nhãn và giấy chuyên dụng khác được hỗ trợ để thỉnh thoảng sử dụng và tính khả dụng của chúng phải được kiểm tra.

<sup>3</sup> Nhãn giấy tối đa 105 g/m<sup>2</sup> (28 lb bond) được hỗ trợ.

<sup>4</sup> 100% trọng lượng tối đa của hàm lượng bông là 24 lb bond.

<sup>5</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

Loại và trọng lượng giấy	Khay 250 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy thủ công	Khay kép 650 tờ tùy chọn		Khay 550 tờ tùy chọn	In hai mặt
			Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng		
<b>Giấy bìa</b> 105,1–200 g/m <sup>2</sup> thứ dài (28,1–53-lb bond)	✓	✓	X	X	X	X
<b>Nhãn giấy<sup>2</sup></b> 131 g/m <sup>2</sup> (35-lb bond)	✓	✓	✓	✓	✓	✓ <sup>3</sup>
<b>Nhãn vinyl<sup>2</sup></b> 131 g/m <sup>2</sup> (35-lb bond)	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Phong bì<sup>4,5</sup></b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	✓	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Giấy nhẹ hơn 75 g/m<sup>2</sup> (20 lb) phải được in cùng với Loại giấy được cài đặt là Giấy mỏng. Không cài đặt như vậy có thể khiến giấy bị cong quá mức, dẫn đến lỗi nạp giấy, đặc biệt trong môi trường ẩm hơn.

<sup>2</sup> Nhãn và giấy chuyên dụng khác được hỗ trợ để thỉnh thoảng sử dụng và tính khả dụng của chúng phải được kiểm tra.

<sup>3</sup> Nhãn giấy tối đa 105 g/m<sup>2</sup> (28 lb bond) được hỗ trợ.

<sup>4</sup> 100% trọng lượng tối đa của hàm lượng bông là 24 lb bond.

<sup>5</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

## Máy in Lexmark MS725 Printer và MFP MX725



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được máy in hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 LEF*</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 SEF*</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	X	✓	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	X	✓	✓

\* Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

### Khổ giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện

**Lưu ý:** Các tùy chọn đầu ra và bộ hoàn thiện chỉ được hỗ trợ ở model máy in Lexmark MS725.

Khổ giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ ghim		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>A5 LEF</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>A5 SEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X

## Loại giấy được hỗ trợ

### Loại giấy được máy in hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường</b>	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b>	✓	X	✓	✓
<b>Giấy trong suốt*</b>	✓	X	✓	X

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Nhãn	✓	X	✓	X
Nhãn vinyl	✓	X	✓	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	✓	✓
Giấy mỏng	✓	X	✓	✓
Giấy dày	✓	X	✓	✓
Ráp/cotton	✓	X	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	✓	✓

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

**Loại giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện**

Lưu ý: Các tùy chọn đầu ra và bộ hoàn thiện chỉ được hỗ trợ ở model máy in Lexmark MS725.

Loại giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy trong suốt	✓	X	✓	X	✓	X	X
Nhãn	✓	X	X	X	X	X	X
Nhãn vinyl	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	X	X	X	X	X

Loại giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
Giấy mỏng	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy dày	✓	X	X	X	X	X	X
Ráp/cotton	✓	X	X	X	X	X	X
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	X	X	X	X	X

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

#### Trọng lượng giấy được máy in hỗ trợ

Loại và trọng lượng giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường hoặc giấy thô<sup>1</sup></b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X
<b>Biểu mẫu kết hợp<sup>2</sup></b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	✓	✓
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Thớ ngắn được ưu tiên cho giấy trên 176 g/m<sup>2</sup> (47 lb).  
<sup>2</sup> Vùng nhạy cảm với áp suất phải đưa vào máy in trước.  
<sup>3</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

#### Trọng lượng giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện

**Lưu ý:** Các tùy chọn đầu ra và bộ hoàn thiện chỉ được hỗ trợ ở model máy in Lexmark MS725.

Loại và trọng lượng giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>Giấy thường hoặc giấy thô</b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X

Loại và trọng lượng giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>Giấy thường hoặc giấy thô</b> 60 – 90 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 16 – 24 lb)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 203 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 125 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy bìa</b> 199 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 110 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy bìa</b> 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 65 lb)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Giấy bìa</b> 163 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 90 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Nhãn giấy</b> 180 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 48 lb)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X

## Hướng dẫn về giấy bìa và nhãn

### Hỗ trợ trọng lượng giấy bìa và nhãn

Các model máy in Lexmark MS725 và MX725 *chỉ* hỗ trợ các loại giấy sau.

- Nhãn vinyl và polyester
- Lệnh in theo lô trên giấy hẹp

Bảng sau đây liệt kê trọng lượng tối đa mà các khay và khay nạp đa năng hỗ trợ.

Nguồn giấy	Giấy bìa <sup>1</sup>			Nhãn			
	Giấy Bristol chỉ mục	Giấy in thẻ	Giấy in cover	Giấy	Giấy dual-web	Polyester	Vinyl
<b>Khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn</b>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>	220 g/m <sup>2</sup>	300 g/m <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Vui lòng xem [“Hướng thớ giấy” trên trang 16](#) để biết các khuyến nghị cụ thể.

<sup>2</sup> Do đặc điểm thiết kế nhãn, có thể gặp phải tình trạng nạp giấy không được hỗ trợ từ khay nạp giấy đa năng.

Nguồn giấy	Giấy bìa <sup>1</sup>			Nhãn			
	Giấy Bristol chỉ mực	Giấy in thẻ	Giấy in cover	Giấy	Giấy dual-web	Polyester	Vinyl
<b>Khay nạp giấy đa năng<sup>2</sup></b>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>	220 g/m <sup>2</sup>	260 g/m <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Vui lòng xem [“Hướng thớ giấy” trên trang 16](#) để biết các khuyến nghị cụ thể.  
<sup>2</sup> Do đặc điểm thiết kế nhãn, có thể gặp phải tình trạng nạp giấy không được hỗ trợ từ khay nạp giấy đa năng.

<b>Nhãn</b>	Độ dày	0,102 – 0,305 mm (0,004 – 0,012 inch)
	Độ mịn	100 – 400 điểm Sheffield*

\* 150 – 250 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

Nhãn là một trong những vật liệu in khó khăn nhất cho máy in laser. Sử dụng bộ làm sạch bộ sấy đặc biệt cho các ứng dụng nhãn để tối ưu hóa độ tin cậy khi nạp giấy và ngăn in hai mặt.

Bạn nên lắp bộ làm sạch dầu bộ sấy, P/N 40X8579, khi chạy nhãn. Khi bạn đặt hàng hộp mực mới, hãy đảm bảo hộp mực đó có thanh gạt bộ sấy đúng.

Có thể in hai mặt một số nhãn đã được thiết kế riêng cho ứng dụng này. Để in hai mặt nhãn, hãy tham khảo danh sách bên chuyển đổi Lexmark để xem bên chuyển đổi nào đã phát triển thành công loại nhãn này. Bạn phải lắp cần gạt sáp, P/N 40X8581. Hộp mực được thiết kế để in nhãn hai mặt có hai cần gạt sáp. Thay đổi cần gạt sáp khi sử dụng một nửa hộp mực thông thường để làm sạch thêm và tối ưu hóa hiệu suất. Liên hệ với chuyên gia vật tư và nhãn của bạn để biết thông tin về hộp mực nhãn vinyl sáp và dầu.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cần gạt sáp khi sử dụng nhãn nhựa vinyl.

### Thông tin đường nạp khay

Tùy thuộc vào cấu trúc, đôi khi có thể khó lấy và nạp nhãn và giấy bìa. Có thể cải thiện hiệu suất bằng cách kiểm soát số lượng tờ giấy được nạp vào khay. Có hai đường nạp vào khay. Đường nét liền là chỉ báo nạp giấy tối đa. Không được nạp giấy vào khay quá đường này, nếu không có thể xảy ra kẹt giấy. Đường đứt nét là chỉ báo nạp giấy thay thế và nên sử dụng đường này nếu ghi nhận bất kỳ vấn đề nào về nạp giấy hoặc độ tin cậy với giấy chuyên dụng, bao gồm nhãn và giấy bìa. Nếu kẹt giấy xảy ra khi nạp đầy khay, chỉ nạp giấy chuyên dụng đến chỉ báo nạp giấy thay thế.



Để biết thêm thông tin về các model máy in và nạp các loại giấy khác nhau, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.



Khi in trên nhãn:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với nhãn được nạp vào khay.
- *Không* nạp nhãn cùng với giấy hoặc giấy trong suốt trong cùng một khay. Việc kết hợp các vật liệu in có thể gây ra các sự cố khi nạp.
- Sử dụng các tờ nhãn đầy đủ. Một phần tờ giấy có thể khiến nhãn bị bong ra trong khi in, dẫn đến kẹt giấy. Chất kết dính có thể làm bẩn máy in của bạn. Chất kết dính cũng có thể làm mất hiệu lực bảo hành máy in và hộp mực của bạn.

Trong quá trình in, số lượng nhãn trên mỗi tờ có thể ảnh hưởng đến quá trình đăng ký nhiều hơn trọng lượng cơ bản. Thông thường, càng nhiều nhãn trên mỗi tờ thì đăng ký càng tốt.

Khi in trên giấy bìa:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy bìa được nạp vào khay.
- *Không* sử dụng giấy bìa bị rách. Có thể gây kẹt giấy.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem:

- [“Công nghệ trực nạp giấy” trên trang 10](#)
- [“Hương thơm giấy” trên trang 16](#)
- [“Quy trình bảo trì” trên trang 24](#)
- [“Khắc phục sự cố” trên trang 27](#)
- [“Hướng dẫn thiết kế mẫu đường gân chính để căn chỉnh cạnh tham chiếu” trên trang 25](#)

## Máy in Lexmark B2865, M5255, M5270, MS821, MS822, MS823, MS825, MS826



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được máy in hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 LEF<sup>1</sup></b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 SEF<sup>1</sup></b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	X	✓	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	X	✓	X
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

<sup>2</sup> Phong bì rộng hơn 101,6 mm (4,5 inch) có thể bị nhàu. Loại giấy này phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận.

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Phong bì 10<sup>2</sup></b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì DL<sup>2</sup></b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C5<sup>2</sup></b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B5<sup>2</sup></b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì khác<sup>2</sup></b> 98,4 x 162 mm (3,9 x 6,4 inch) đến 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

<sup>2</sup> Phong bì rộng hơn 101,6 mm (4,5 inch) có thể bị nhàu. Loại giấy này phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận.

### Khổ giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện

Khổ giấy	Bộ mở rộng đầu ra, bộ mở rộng đầu ra công suất cao hoặc ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ ghim		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5 LEF</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>A5 SEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Bộ mở rộng đầu ra, bộ mở rộng đầu ra công suất cao hoặc ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>Thông dụng</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 10</b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì khác</b> 98,4 x 162 mm (3,9 x 6,4 inch) đến 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	X	X	X	X	X

## Loại giấy được hỗ trợ

### Loại giấy được máy in hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	X	✓	✓

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy trong suốt*	✓	X	✓	X
Nhãn	✓	X	✓	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	X	✓	X
Phong bì ráp	✓	X	✓	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	✓	✓
Giấy mỏng	✓	X	✓	✓
Giấy dày	✓	X	✓	✓
Ráp/cotton	✓	X	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	✓	✓

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

**Loại giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện**

Loại giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy trong suốt	✓	X	✓	X	✓	X	X
Nhãn	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì ráp	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Loại giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy mỏng	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy dày	✓	X	X	X	X	X	X
Ráp/cotton	✓	X	X	X	X	X	X
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	X	X	X	X	X

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

### Trọng lượng giấy được máy in hỗ trợ

Loại và trọng lượng giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường hoặc giấy thô<sup>1</sup></b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X
<b>Biểu mẫu kết hợp<sup>2</sup></b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	✓	✓
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	✓	✓
<b>Phong bì<sup>3</sup></b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Thớ ngắn được ưu tiên cho giấy trên 176 g/m<sup>2</sup> (47 lb).

<sup>2</sup> Vùng nhạy cảm với áp suất phải đưa vào máy in trước.

<sup>3</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

**Trọng lượng giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện**

Loại và trọng lượng giấy	Bộ mở rộng đầu ra hoặc bộ mở rộng đầu ra công suất cao	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>Giấy thường hoặc giấy thô</b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy thường hoặc giấy thô</b> 60 – 90 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 16 – 24 lb)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 203 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 125 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy bìa</b> 199 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 110 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy bìa</b> 176 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 65 lb)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Giấy bìa</b> 163 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 90 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thô dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Nhãn giấy</b> 180 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 48 lb)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì</b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X

## Hướng dẫn về giấy bìa và nhãn

### Hỗ trợ trọng lượng giấy bìa và nhãn

Máy in này *không* hỗ trợ các loại giấy sau:

- **Nhãn vinyl và polyester**

Việc in các nhãn này có thể dẫn đến các sự cố về chất lượng bản in và làm hỏng máy in. Đối với các ứng dụng chạy các nhãn này, hãy sử dụng model máy in Lexmark MS725 hoặc MX725.

- **Lệnh in theo lô trên giấy hẹp**

Khi in trên giấy rộng dưới 210 mm (8,3 inch), tốc độ máy in có thể giảm và thông lượng có thể giảm đáng kể. Nếu bạn thường xuyên in các lệnh lớn trên giấy hẹp, hãy sử dụng model máy in Lexmark MS725 hoặc MX725. Model này được thiết kế để in theo lô từ 10 trang trở lên trên giấy hẹp với tốc độ nhanh hơn. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.

**Lưu ý:** Hướng mặc định của giấy A5 là ngang, còn được gọi là LEF và không được xem là giấy hẹp.

Bảng sau đây liệt kê trọng lượng tối đa mà các khay và khay nạp đa năng hỗ trợ:

Nguồn giấy	Giấy bìa <sup>1</sup>			Nhãn	
	Giấy Bristol chỉ mục	Giấy in thẻ	Giấy in cover	Giấy	Giấy dual-web
<b>Khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn</b>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>
<b>Khay nạp giấy đa năng<sup>2</sup></b>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>
<sup>1</sup> Vui lòng xem <a href="#">"Hướng thứ giấy" trên trang 16</a> để biết các khuyến nghị cụ thể.					
<sup>2</sup> Do đặc điểm thiết kế nhãn, có thể gặp phải tình trạng nạp giấy không được hỗ trợ từ khay nạp giấy đa năng.					

Nhãn	Độ dày	0,102 – 0,305 mm (0,004 – 0,012 inch)
	Độ mịn	100 – 400 điểm Sheffield*
* 150 – 250 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.		

### Thông tin đường nạp khay

Tùy thuộc vào cấu trúc, đôi khi có thể khó lấy và nạp nhãn giấy và giấy bìa. Có thể cải thiện hiệu suất bằng cách kiểm soát số lượng tờ giấy được nạp vào khay. Có hai đường nạp vào khay. Đường nét liền là chỉ báo nạp giấy tối đa. Không được nạp giấy vào khay quá đường này, nếu không có thể xảy ra kẹt giấy. Đường đứt nét là chỉ báo nạp giấy thay thế và nên sử dụng đường này nếu ghi nhận bất kỳ vấn đề nào về nạp giấy hoặc độ tin cậy với giấy chuyên dụng, bao gồm nhãn và giấy bìa. Nếu kẹt giấy xảy ra khi nạp đầy khay, chỉ nạp giấy chuyên dụng đến chỉ báo nạp giấy thay thế.





Để biết thêm thông tin về các model máy in và nạp các loại giấy khác nhau, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.

Khi in trên nhãn giấy:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với nhãn được nạp vào khay.
- *Không* nạp nhãn cùng với giấy hoặc giấy trong suốt trong cùng một khay giấy. Việc kết hợp các vật liệu in có thể gây ra các sự cố khi nạp.
- Sử dụng các tờ nhãn đầy đủ. Một phần tờ giấy có thể khiến nhãn bị bong ra trong khi in, dẫn đến kẹt giấy. Chất kết dính có thể làm bẩn máy in của bạn. Chất kết dính cũng có thể làm mất hiệu lực bảo hành máy in và hộp mực của bạn.

Trong quá trình in, số lượng nhãn trên mỗi tờ có thể ảnh hưởng đến quá trình đăng ký nhiều hơn trọng lượng cơ bản. Thông thường, càng nhiều nhãn trên mỗi tờ thì đăng ký càng tốt.

Khi in trên giấy bìa:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy bìa được nạp vào khay.
- *Không* sử dụng giấy bìa bị rách. Có thể gây kẹt giấy.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem:

- [“Công nghệ trực nạp giấy” trên trang 10](#)
- [“Hướng thờ giấy” trên trang 16](#)
- [“Quy trình bảo trì” trên trang 24](#)
- [“Khắc phục sự cố” trên trang 27](#)
- [“Hướng dẫn thiết kế mẫu đường gân chính để căn chỉnh cạnh tham chiếu” trên trang 25](#)

## MFP Lexmark MB2770, MX721, MX722, XM5365, XM5370



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 LEF<sup>1</sup></b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 SEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	x	✓	x
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	x	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	x	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	x	✓	✓
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	x	✓	✓
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

<sup>2</sup> Phong bì rộng hơn 101,6 mm (4,5 inch) có thể bị nhàu. Loại giấy này phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận.

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 10<sup>2</sup></b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì DL<sup>2</sup></b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C5<sup>2</sup></b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B5<sup>2</sup></b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì khác<sup>2</sup></b> 98,4 x 162 mm (3,9 x 6,4 inch) đến 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

<sup>2</sup> Phong bì rộng hơn 101,6 mm (4,5 inch) có thể bị nhàu. Loại giấy này phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận.

## Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường</b>	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bì</b>	✓	X	✓	✓
<b>Giấy trong suốt*</b>	✓	X	✓	X
<b>Nhãn</b>	✓	X	✓	X
<b>Giấy thô</b>	✓	✓	✓	✓
<b>Phong bì</b>	✓	X	✓	X

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Phong bì ráp	✓	X	✓	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	✓	✓
Giấy mỏng	✓	X	✓	✓
Giấy dày	✓	X	✓	✓
Ráp/cotton	✓	X	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	✓	✓

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại và trọng lượng giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường hoặc giấy thô<sup>1</sup></b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 203 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 125 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 199 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 110 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 176 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 65 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thứ dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X
<b>Nhãn giấy</b> 180 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 48 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Biểu mẫu kết hợp<sup>2</sup></b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	✓	✓
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Thứ ngắn được ưu tiên cho giấy trên 176 g/m<sup>2</sup> (47 lb).

<sup>2</sup>Vùng nhạy cảm với áp suất phải đưa vào máy in trước.

<sup>3</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

Loại và trọng lượng giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn, khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Phong bì <sup>3</sup> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Thờ ngắn được ưu tiên cho giấy trên 176 g/m<sup>2</sup> (47 lb).  
<sup>2</sup> Vùng nhạy cảm với áp suất phải đưa vào máy in trước.  
<sup>3</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

## Hướng dẫn về giấy bìa và nhãn

### Hỗ trợ trọng lượng giấy bìa và nhãn

Máy in này không hỗ trợ các loại giấy sau:

- **Nhãn vinyl và polyester**

Việc in các nhãn này có thể dẫn đến các sự cố về chất lượng bản in và làm hỏng máy in. Đối với các ứng dụng chạy các nhãn này, hãy sử dụng model máy in Lexmark MS725 hoặc MX725.

- **Lệnh in theo lô trên giấy hẹp**

Khi in trên giấy rộng dưới 210 mm (8,3 inch), tốc độ máy in có thể giảm và thông lượng có thể giảm đáng kể. Nếu bạn thường xuyên in các lệnh lớn trên giấy hẹp, hãy sử dụng model máy in Lexmark MS725 hoặc MX725. Model này được thiết kế để in theo lô từ 10 trang trở lên trên giấy hẹp với tốc độ nhanh hơn. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.

**Lưu ý:** Hướng mặc định của giấy A5 là ngang, còn được gọi là LEF và không được xem là giấy hẹp.

Bảng sau đây liệt kê trọng lượng tối đa mà các khay và khay nạp đa năng hỗ trợ:

Nguồn giấy	Giấy bìa*			Nhãn	
	Giấy Bristol chỉ mục	Giấy in thẻ	Giấy in cover	Giấy	Giấy dual-web
Khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>
Khay nạp giấy đa năng <sup>2</sup>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>

\* Vui lòng xem [“Hướng thớ giấy” trên trang 16](#) để biết các khuyến nghị cụ thể.  
<sup>2</sup> Do đặc điểm thiết kế nhãn, có thể gặp phải tình trạng nạp giấy không được hỗ trợ từ khay nạp giấy đa năng.

<b>Nhãn</b>	Độ dày	0,102 – 0,305 mm (0,004 – 0,012 inch)
	Độ mịn	100 – 400 điểm Sheffield*

\* 150 – 250 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

### Thông tin đường nạp khay

Tùy thuộc vào cấu trúc, đôi khi có thể khó lấy và nạp nhãn giấy và giấy bìa. Có thể cải thiện hiệu suất bằng cách kiểm soát số lượng tờ giấy được nạp vào khay. Có hai đường nạp vào khay. Đường nét liền là chỉ báo nạp giấy tối đa. Không được nạp giấy vào khay quá đường này, nếu không có thể xảy ra kẹt giấy. Đường đứt nét là chỉ báo nạp giấy thay thế. Nên sử dụng đường này nếu ghi nhận bất kỳ vấn đề nào về nạp giấy hoặc độ tin cậy với giấy chuyên dụng, bao gồm nhãn và giấy bìa. Nếu kẹt giấy xảy ra khi nạp đầy khay, chỉ nạp giấy chuyên dụng đến chỉ báo nạp giấy thay thế.



Để biết thêm thông tin về các model máy in và nạp các loại giấy khác nhau, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.

Khi in trên nhãn giấy:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với nhãn được nạp vào khay.
- Không nạp nhãn cùng với giấy hoặc giấy trong suốt trong cùng một khay giấy. Việc kết hợp các vật liệu in có thể gây ra các sự cố khi nạp.
- Sử dụng các tờ nhãn đầy đủ. Một phần tờ giấy có thể khiến nhãn bị bong ra trong khi in, dẫn đến kẹt giấy. Chất kết dính có thể làm bẩn máy in của bạn. Chất kết dính cũng có thể làm mất hiệu lực bảo hành máy in và hộp mực của bạn.

Trong quá trình in, số lượng nhãn trên mỗi tờ có thể ảnh hưởng đến quá trình đăng ký nhiều hơn trọng lượng cơ bản. Thông thường, càng nhiều nhãn trên mỗi tờ thì đăng ký càng tốt.

Khi in trên giấy bìa:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy bìa được nạp vào khay.
- Không sử dụng giấy bìa bị rách. Có thể gây kẹt giấy.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem:

- [“Công nghệ trực nạp giấy” trên trang 10](#)
- [“Hướng thớ giấy” trên trang 16](#)
- [“Quy trình bảo trì” trên trang 24](#)
- [“Khắc phục sự cố” trên trang 27](#)
- [“Hướng dẫn thiết kế mẫu đường gân chính để căn chỉnh cạnh tham chiếu” trên trang 25](#)

## MFP Lexmark MX822, MX826, XM7355, XM7370



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được máy in hỗ trợ

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 550 tờ	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 LEF<sup>1</sup></b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 SEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	X	✓	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

<sup>2</sup> Phong bì rộng hơn 101,6 mm (4,5 inch) có thể bị nhàu. Loại giấy này phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận.

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 550 tờ	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	X	✓	✓
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì 10<sup>2</sup></b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì DL<sup>2</sup></b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì C5<sup>2</sup></b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì B5<sup>2</sup></b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	✓	X
<b>Phong bì khác<sup>2</sup></b> 98,4 x 162 mm (3,9 x 6,4 inch) đến 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	✓	X

<sup>1</sup> Khuyến nghị nạp giấy A5 bằng cạnh dài (LEF) thay vì nạp giấy A5 bằng cạnh ngắn (SEF).

<sup>2</sup> Phong bì rộng hơn 101,6 mm (4,5 inch) có thể bị nhàu. Loại giấy này phải được kiểm tra về khả năng chấp nhận.

### Khổ giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện

Khổ giấy	Ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5 LEF</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>A5 SEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X



Khổ giấy	Ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	X	X
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	X
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch) đến 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì 10</b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì khác</b> 98,4 x 162 mm (3,9 x 6,4 inch) đến 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	X	X	X	X	X

## Loại giấy được hỗ trợ

### Loại giấy được máy in hỗ trợ

Loại giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 550 tờ	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	X	✓	✓
Giấy trong suốt*	✓	X	✓	X
Nhãn	✓	X	✓	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	X	✓	X
Phong bì ráp	✓	X	✓	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	✓	✓
Giấy mỏng	✓	X	✓	✓
Giấy dày	✓	X	✓	✓
Ráp/cotton	✓	X	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	✓	✓

\* Để ngăn giấy trong suốt dính vào nhau, chỉ in tối đa 20 trang. In các trang tiếp theo sau ba phút.

### Loại giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện

Loại giấy	Ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy trong suốt	✓	X	✓	X	✓	X	X
Nhãn	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Loại giấy	Ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
Phong bì	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì ráp	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy mỏng	✓	X	X	X	X	X	X
Giấy dày	✓	X	X	X	X	X	X
Ráp/cotton	✓	X	X	X	X	X	X
Kiểu tùy chỉnh [x]	✓	X	X	X	X	X	X

## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

### Trọng lượng giấy được máy in hỗ trợ

Loại và trọng lượng giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 550 tờ	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường hoặc giấy thô<sup>1</sup></b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 203 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 125 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 199 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 110 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 65 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X
<b>Nhãn giấy</b> 180 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 48 lb)	✓	X	✓	✓
<b>Biểu mẫu kết hợp<sup>2</sup></b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Thớ ngắn được ưu tiên cho giấy trên 176 g/m<sup>2</sup> (47 lb).

<sup>2</sup> Vùng nhạy cảm với áp suất phải đưa vào máy in trước.

<sup>3</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

Loại và trọng lượng giấy	Khay tiêu chuẩn hoặc tùy chọn 550 tờ	Khay 2100 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	✓	✓
<b>Phong bì<sup>3</sup></b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	X	✓	✓

<sup>1</sup> Thớ ngắn được ưu tiên cho giấy trên 176 g/m<sup>2</sup> (47 lb).  
<sup>2</sup> Vùng nhạy cảm với áp suất phải đưa vào máy in trước.  
<sup>3</sup> Phong bì có định lượng 28 lb bond được giới hạn ở hàm lượng bông là 25%.

**Trọng lượng giấy được hỗ trợ bởi các tùy chọn đầu ra hoặc bộ hoàn thiện**

Loại và trọng lượng giấy	Ngăn xếp offset	Hộp thư 4 ngăn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ		
			Ngăn xếp	Ghim	Ngăn xếp	Ghim	Dập lỗ
<b>Giấy thường hoặc giấy thô</b> 60 – 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 16 – 47 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy thường hoặc giấy thô</b> 60 – 90 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 16 – 24 lb)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b> 203 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 125 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy bìa</b> 199 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 110 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy bìa</b> 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 65 lb)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Giấy bìa</b> 163 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 90 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Giấy trong suốt</b> 138 – 146 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 37 – 39 lb)	✓	X	✓	X	✓	X	X
<b>Nhãn giấy</b> 180 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 48 lb)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 140–175 g/m <sup>2</sup> (37–47-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Biểu mẫu kết hợp</b> 75–135 g/m <sup>2</sup> (20–36-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì</b> 60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28-lb bond)	✓	X	X	X	X	X	X

## Hướng dẫn về giấy bìa và nhãn

### Hỗ trợ trọng lượng giấy bìa và nhãn

Máy in này không hỗ trợ các loại giấy sau:

- **Nhãn vinyl và polyester**

Việc in các nhãn này có thể dẫn đến các sự cố về chất lượng bản in và làm hỏng máy in. Đối với các ứng dụng chạy các nhãn này, hãy sử dụng model máy in Lexmark MS725 hoặc MX725.

- **Lệnh in theo lô trên giấy hẹp**

Khi in trên giấy rộng dưới 210 mm (8,3 inch), tốc độ máy in có thể giảm và thông lượng có thể giảm đáng kể. Nếu bạn thường xuyên in các lệnh lớn trên giấy hẹp hãy sử dụng model máy in Lexmark MS725 hoặc MX725. Model này được thiết kế để in theo lô từ 10 trang trở lên trên giấy hẹp với tốc độ nhanh hơn. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.

**Lưu ý:** Hướng mặc định của giấy A5 là ngang, còn được gọi là LEF và không được xem là giấy hẹp.

Bảng sau đây liệt kê trọng lượng tối đa mà các khay và khay nạp đa năng hỗ trợ:

Nguồn giấy	Giấy bìa <sup>1</sup>			Nhãn	
	Giấy Bristol chỉ mục	Giấy in thẻ	Giấy in cover	Giấy	Giấy dual-web
<b>Khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn<sup>1</sup></b>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>
<b>Khay nạp giấy đa năng<sup>2</sup></b>	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	180 g/m <sup>2</sup>	180 g/m <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Vui lòng xem ["Hướng thứ giấy" trên trang 16](#) để biết các khuyến nghị cụ thể.  
<sup>2</sup> Do đặc điểm thiết kế nhãn, có thể gặp phải tình trạng nạp giấy không được hỗ trợ từ khay nạp giấy đa năng.

Nhãn	Độ dày	0,102 – 0,305 mm (0,004 – 0,012 inch)
	Độ mịn	100 – 400 điểm Sheffield*

\* 150 – 250 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

### Thông tin đường nạp khay

Tùy thuộc vào cấu trúc, đôi khi có thể khó lấy và nạp nhãn giấy và giấy bìa. Có thể cải thiện hiệu suất bằng cách kiểm soát số lượng tờ giấy được nạp vào khay. Có hai đường nạp vào khay. Đường nét liền là chỉ báo nạp giấy tối đa. Không được nạp giấy vào khay quá đường này, nếu không có thể xảy ra kẹt giấy. Đường đứt nét là chỉ báo nạp giấy thay thế và nên sử dụng đường này nếu ghi nhận bất kỳ vấn đề nào về nạp giấy hoặc độ tin cậy với giấy chuyên dụng, bao gồm nhãn và giấy bìa. Nếu kẹt giấy xảy ra khi nạp đầy khay, chỉ nạp giấy chuyên dụng đến chỉ báo nạp giấy thay thế.



Để biết thêm thông tin về các model máy in và nạp các loại giấy khác nhau, hãy liên hệ với đại diện bán hàng Lexmark của bạn.

Khi in trên nhãn giấy:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với nhãn được nạp vào khay.
- Không nạp nhãn cùng với giấy hoặc giấy trong suốt trong cùng một khay giấy. Việc kết hợp các vật liệu in có thể gây ra các sự cố khi nạp.
- Sử dụng các tờ nhãn đầy đủ. Một phần tờ giấy có thể khiến nhãn bị bong ra trong khi in, dẫn đến kẹt giấy. Chất kết dính có thể làm bẩn máy in của bạn. Chất kết dính cũng có thể làm mất hiệu lực bảo hành máy in và hộp mực của bạn.

Trong quá trình in, số lượng nhãn trên mỗi tờ có thể ảnh hưởng đến quá trình đăng ký nhiều hơn trọng lượng cơ bản. Thông thường, càng nhiều nhãn trên mỗi tờ thì đăng ký càng tốt.

Khi in trên giấy bìa:

- Từ bảng điều khiển, đặt khổ giấy, loại, kết cấu và trọng lượng trong menu Giấy để phù hợp với giấy bìa được nạp vào khay.
- Không sử dụng giấy bìa bị rách. Có thể gây kẹt giấy.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem:

- [“Công nghệ trực nạp giấy” trên trang 10](#)
- [“Hướng thờ giấy” trên trang 16](#)
- [“Quy trình bảo trì” trên trang 24](#)
- [“Khắc phục sự cố” trên trang 27](#)
- [“Hướng dẫn thiết kế mẫu đường gân chính để căn chỉnh cạnh tham chiếu” trên trang 25](#)

**Máy in Lexmark B2338, B2442, B2546, B2650, M1242, M1246, M3250, MS321, MS421, MS521, MS621, MS622**



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn 550 tờ	Khay tùy chọn 250 hoặc 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 in.)	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 in.)	✓	✓	✓	X
<b>A5 LEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 in.)	✓	X	✓	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 in.)	✓	X	✓	X
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 in.)	✓	✓	✓	X

Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn 550 tờ	Khay tùy chọn 250 hoặc 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,9 x 5,8 in.)	X	X	✓	X
<b>Danh thiếp</b> 50,8 x 88,9 mm (2 x 3,5 in.)	X	X	X	X
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	X
<b>Khổ executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 in.)	✓	✓	✓	X
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm (3 x 5 in. đến 8,5 x 14 inch)	X	X	✓	X
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm đến 216 x 356 mm (4,13 x 5,83 in. đến 8,5 x 14 inch)	✓	X	X	X
<b>Thông dụng</b> 148 x 210 mm đến 216 x 356 mm (5,83 x 8,27 in. đến 8,5 x 14 inch)	X	✓	X	X
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 in.)	X	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 in.)	X	X	✓	X



Khổ giấy	Khay tiêu chuẩn 550 tờ	Khay tùy chọn 250 hoặc 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Phong bì 10</b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 in.)	X	X	✓	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 in.)	X	X	✓	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 in.)	X	X	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 in.)	X	X	✓	X
<b>Phong bì khác</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm ( 3 x 5 in. đến 8,5 x 14 inch)	X	X	✓	X

### Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay tiêu chuẩn 550 tờ	Khay tùy chọn 250 hoặc 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy thường</b>	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy bìa</b>	X	X	✓	X
<b>Giấy trong suốt</b>	✓	X	✓	X
<b>Tái chế</b>	✓	✓	✓	✓
<b>Nhãn giấy<sup>1</sup></b>	✓	✓	✓	X
<b>Giấy thô<sup>2</sup></b>	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy tiêu đề</b>	✓	✓	✓	✓
<b>In sẵn</b>	✓	✓	✓	✓
<b>Giấy màu</b>	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy thô và Giấy dày được hỗ trợ in hai mặt với trọng lượng giấy tối đa là 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb).

Loại giấy	Khay tiêu chuẩn 550 tờ	Khay tùy chọn 250 hoặc 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày <sup>2</sup>	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	✓	X
Phong bì ráp	X	X	✓	X

<sup>1</sup> Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy thô và Giấy dày được hỗ trợ in hai mặt với trọng lượng giấy tối đa là 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb).

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy thường	60–120 g/m <sup>2</sup> (16–32 lb)	60-216 g/m <sup>2</sup> (16–58 lb)	60–90 g/m <sup>2</sup> (16–24 lb)
Giấy bìa	Không áp dụng	60-216 g/m <sup>2</sup> (16–58 lb)	Không áp dụng
Giấy trong suốt	60–120 g/m <sup>2</sup> (16–32 lb)	60-216 g/m <sup>2</sup> (16–58 lb)	Không áp dụng
Giấy nhãn*	60–120 g/m <sup>2</sup> (16–32 lb)	60-216 g/m <sup>2</sup> (16–58 lb)	Không áp dụng
Phong bì	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

\* Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

## MFP Lexmark MB2338, MB2442, MX321, MX421, XM1242



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ Tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ Tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>A5 LEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	X	✓	X	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	X	✓	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,9 x 5,8 inch)	X	X	✓	X	X	✓

Khổ giấy	Khay 550 tờ Tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ Tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Danh thiếp</b> 50,8 x 88,9 mm (2 x 3,5 inch)	X	X	X	X	X	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Khổ executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Khổ legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	X	✓	X	✓	✓ <sub>2</sub>
<b>Thông dụng</b> 105 x 148 mm đến 216 x 356 mm (4,13 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	X	X	X	✓	✓
<b>Thông dụng</b> 148 x 210 mm đến 216 x 356 mm (5,83 x 8,27 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì 10</b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	X	X	✓	X	X	✓

Khổ giấy	Khay 550 tờ Tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ Tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì khác</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm ( 3 x 5 inch đến 8.5 x 14 inch)	X	X	✓	X	X	✓

### Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ Tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ Tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	X	X	✓	X	X	✓
Giấy trong suốt	✓	X	✓	X	X	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nhãn giấy <sup>1</sup>	✓	✓	✓	X	X	✓
Giấy thô <sup>2</sup>	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày <sup>2</sup>	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy thô và Giấy dày được hỗ trợ in hai mặt với trọng lượng giấy tối đa là 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb).

Loại giấy	Khay 550 tờ Tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ Tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
Phong bì	X	X	✓	X	X	✓
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X	✓

<sup>1</sup> Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy thô và Giấy dày được hỗ trợ in hai mặt với trọng lượng giấy tối đa là 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb).

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay	Khay nạp giấy đa năng	ADF	In hai mặt
Giấy thường	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb)	60 – 216 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb)	Giấy khổ chuẩn: 52 – 120 g/m <sup>2</sup> (14 – 32 lb) Giấy khổ chung: 60 – 90 g/m <sup>2</sup> (16 – 24 lb)	60 – 90 g/m <sup>2</sup> (16 – 24 lb)
Giấy bìa	Không áp dụng	60 – 216 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb)	52 – 120 g/m <sup>2</sup> (14 – 32 lb)	Không áp dụng
Giấy trong suốt	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb)	60 – 216 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng
Giấy nhãn*	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb)	60 – 216 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng
Phong bì	Không áp dụng	Không áp dụng	60 – 216 g/m <sup>2</sup> (16 – 58 lb)	Không áp dụng

\* Nhãn giấy một mặt thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

**MFP Lexmark MB2546, MB2650, MX521, MX522, MX622, XM1242, XM1246, XM3250**



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Các khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 in.)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b> 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 in.)	✓	✓	✓	x	✓	✓
<b>A5 LEF</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 in.)	✓	x	✓	x	✓	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 in.)	✓	x	✓	x	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 in.)	✓	✓	✓	x	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 in.)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,9 x 5,8 in.)	x	x	✓	x	x	✓

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Danh thiếp</b> 50,8 x 88,9 mm (2 x 3,5 in.)	X	X	X	X	X	✓
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 in.)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Điều hành</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 in.)	✓	✓	✓	X	✓	✓
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 in.)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Pháp lý</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 in.)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 in.)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Chung</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm (3 x 5 in. đến 8,5 x 14 in.)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Chung</b> 105 x 148 mm đến 216 x 356 mm (4,13 x 5,83 in. đến 8,5 x 14 in.)	✓	X	X	X	✓	✓
<b>Chung</b> 148 x 210 mm đến 216 x 356 mm (5,83 x 8,27 in. đến 8,5 x 14 in.)	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì 7 3/4 (Monarch)</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 in.)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì 9</b> 98 x 225 mm (3,9 x 8,9 in.)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì 10</b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 in.)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 in.)	X	X	✓	X	X	✓



Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 in.)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 in.)	X	X	✓	X	X	✓
<b>Các loại phong bì khác</b> 76,2 x 127 mm đến 216 x 356 mm ( 3 x 5 in. đến 8,5 x 14 in.)	X	X	✓	X	X	✓

### Các loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	X	X	✓	X	X	✓
Giấy trong suốt	✓	X	✓	X	X	✓
Giấy tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nhãn giấy <sup>1</sup>	✓	✓	✓	X	X	✓
Giấy thô <sup>2</sup>	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy in sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày <sup>2</sup>	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy thô và Giấy dày được hỗ trợ in hai mặt với trọng lượng giấy tối đa là 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb).

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 250 hoặc 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	ADF	Kính máy quét
Phong bì	X	X	✓	X	X	✓
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X	✓

<sup>1</sup> Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy thô và Giấy dày được hỗ trợ in hai mặt với trọng lượng giấy tối đa là 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb).

### Các trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay	Khay nạp giấy đa năng	ADF	In hai mặt
Giấy thường	60-120 g/m <sup>2</sup> (16-32 lb)	60-216 g/m <sup>2</sup> (16-58 lb)	Giấy khổ chuẩn: 52-120 g/m <sup>2</sup> (14-32 lb) Giấy khổ chung: 60-90 g/m <sup>2</sup> (16-24 lb)	60-90 g/m <sup>2</sup> (16-24 lb)
Giấy bìa	Không áp dụng	60-216 g/m <sup>2</sup> (16-58 lb)	52-120 g/m <sup>2</sup> (14-32 lb)	Không áp dụng
Giấy trong suốt	60-120 g/m <sup>2</sup> (16-32 lb)	60-216 g/m <sup>2</sup> (16-58 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng
Giấy nhãn*	60-120 g/m <sup>2</sup> (16-32 lb)	60-216 g/m <sup>2</sup> (16-58 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng
Phong bì	Không áp dụng	Không áp dụng	60-216 g/m <sup>2</sup> (16-58 lb)	Không áp dụng

\* Nhãn giấy một mặt được thiết kế cho máy in laser được hỗ trợ để sử dụng không thường xuyên. Bạn nên in từ 20 trang nhãn giấy trở xuống mỗi tháng. Không hỗ trợ nhãn vinyl, nhãn thuốc và nhãn hai mặt.

**Máy in và MFP Lexmark C9235, CS921, CS923, CS927, CX921, CX922, CX923, CX924, CX927, XC9225, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265**



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được máy in hỗ trợ

Khổ giấy và kích thước	Khay 500 tờ	2 khay 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng <sup>3</sup>	In hai mặt
<b>Phong bì 7 3/4</b> 98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	X	X	X	X	✓	X
<b>Phong bì 9</b> 98,4 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	X	X	X	X	✓	X
<b>Phong bì 10</b> 105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	X	X	X	X	✓	X
<b>11 x 17</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X	X	✓ <sup>1</sup>	✓
<b>12 x 18</b> 305 x 457 mm (12 x 18 inch)	✓ <sup>1,4</sup>	X	X	X	✓ <sup>1</sup>	✓

<sup>1</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Nguồn giấy hỗ trợ khổ giấy *mà không có cảm biến khổ giấy*.

<sup>4</sup> Giấy này không được hỗ trợ ở khay 1.

<sup>5</sup> Chức năng in hai mặt hỗ trợ khổ giấy Thông dụng từ 139,7 x 148 mm đến 320 x 458 mm (5,5 x 5,83 inch đến 12,6 x 18 inch).

Khổ giấy và kích thước	Khay 500 tờ	2 khay 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng <sup>3</sup>	In hai mặt
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	√ <sup>1</sup>	√ <sup>1</sup>	X	X	√ <sup>1</sup>	√
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	√	√	√ <sup>2</sup>	√ <sup>2</sup>	√	√
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	√ <sup>1</sup>	√ <sup>1</sup>	X	X	√	√
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	X	X	X	X	√ <sup>1</sup>	√
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	X	X	X	X	√	X
<b>Phong bì C5</b> 162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	X	X	X	X	√	X
<b>Phong bì DL</b> 110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	X	X	X	X	√	X
<b>Khổ executive</b> 184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	√	√	X	X	√	√
<b>Folio</b> 216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	√	√	X	X	√	√
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	√ <sup>1</sup>	√ <sup>1</sup>	X	X	√ <sup>1</sup>	√
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	√	√	X	X	√	√

<sup>1</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Nguồn giấy hỗ trợ khổ giấy *mà không có cảm biến khổ giấy*.

<sup>4</sup> Giấy này không được hỗ trợ ở khay 1.

<sup>5</sup> Chức năng in hai mặt hỗ trợ khổ giấy Thông dụng từ 139,7 x 148 mm đến 320 x 458 mm (5,5 x 5,83 inch đến 12,6 x 18 inch).

Khổ giấy và kích thước	Khay 500 tờ	2 khay 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng <sup>3</sup>	In hai mặt
<b>Khổ legal</b> 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	√ <sup>1</sup>	√ <sup>1</sup>	X	X	√ <sup>1</sup>	√
<b>Thư</b> 216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	√	√	√ <sup>2</sup>	√ <sup>2</sup>	√	√
<b>Oficio</b> 216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	√	√	X	X	√	√
<b>Phong bì khác</b> Tối đa: 297 x 427,6 mm (11,69 x 16,83 inch)	X	X	X	X	√	X
<b>SRA3</b> 320 x 450 mm (12,6 x 17,7 inch)	√ <sup>1,4</sup>	X	X	X	√ <sup>1</sup>	√
<b>Báo cáo</b> 140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	√ <sup>1</sup>	√ <sup>1</sup>	X	X	√	√
<b>Thông dụng</b> 90 x 139,7 mm đến 320 x 1200 mm (3,5 x 5,5 inch đến 12,6 x 47,24 inch)	√	√	X	X	√	√ <sup>5</sup>

<sup>1</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh dài.

<sup>3</sup> Nguồn giấy hỗ trợ khổ giấy *mà không có cảm biến khổ giấy*.

<sup>4</sup> Giấy này không được hỗ trợ ở khay 1.

<sup>5</sup> Chức năng in hai mặt hỗ trợ khổ giấy Thông dụng từ 139,7 x 148 mm đến 320 x 458 mm (5,5 x 5,83 inch đến 12,6 x 18 inch).

### Khổ giấy được ADF và máy quét hỗ trợ

Khổ giấy	Kích thước	ADF	Máy quét
<b>3 x 5</b>	76,2 x 127 mm (3 x 5 inch)	X	√ <sup>1,2</sup>
<b>4 x 6</b>	101,6 x 152,4 mm (4 x 6 inch)	√ <sup>2</sup>	√ <sup>1,2</sup>
<b>Phong bì 7 3/4</b>	98 x 191 mm (3,9 x 7,5 inch)	X	X

<sup>1</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Nguồn giấy hỗ trợ khổ giấy *mà không có cảm biến khổ giấy*.

Khổ giấy	Kích thước	ADF	Máy quét
Phong bì 9	98 x 225 mm (3,9 x 8,9 inch)	X	X
Phong bì 10	105 x 241 mm (4,1 x 9,5 inch)	X	X
11 x 17	279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	✓	✓
12 x 18	305 x 457 mm (12 x 18 inch)	X	X
A3	297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	✓	✓
A4	210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓
A5	148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	✓ <sup>2</sup>
A6	105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓ <sup>1,2</sup>	✓ <sup>1,2</sup>
Phong bì B5	176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	X	X
Phong bì C5	162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	X	X
Phong bì DL	110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	X	X
Danh thiếp	Không áp dụng	X	✓ <sup>1,2</sup>
Kích thước quét tùy chỉnh [x]	Không áp dụng	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>
Hagaki	100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	✓	✓
Khổ executive	184 x 267 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓
Folio	216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓
JIS B4	257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	✓	✓
JIS B5	182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓
Thư	216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓

<sup>1</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh ngắn.

<sup>2</sup> Nguồn giấy hỗ trợ khổ giấy mà không có cảm biến khổ giấy.

Khổ giấy	Kích thước	ADF	Máy quét
<b>Khổ legal</b>	216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓
<b>Oficio</b>	216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>
<b>Phong bì khác</b>	98 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,9 x 6,3 inch đến 6,9 x 9,8 inch)	X	X
<b>SRA3</b>	320 x 450 mm (12,6 x 17,7 inch)	X	X
<b>Báo cáo</b>	140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓
<b>Thông dụng</b>	89 x 98,4 mm đến 297 x 431,8 mm (3,50 x 3,87 inch đến 11,69 x 17,00 inch)	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Giấy này chỉ được nạp theo hướng cạnh ngắn.  
<sup>2</sup> Nguồn giấy hỗ trợ khổ giấy *mà không có cảm biến khổ giấy*.

### Khổ giấy được bộ hoàn thiện hỗ trợ

**Lưu ý:** Khi lắp đặt bộ hoàn thiện, ngăn giấy bộ hoàn thiện tiêu chuẩn sẽ trở thành ngăn giấy mặc định ngay cả đối với các lệnh in không yêu cầu hoàn thiện.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim	Ngăn giấy bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 1	Ngăn giấy bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 2	Bộ hoàn thiện tập sách
<b>11 x 17</b>	✓	✓	✓	✓
<b>12 x 18</b>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>5</sup>	✓
<b>A3</b>	X	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>5</sup>	✓
<b>A4</b>	✓	✓	✓	✓
<b>A5</b>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>4</sup>	X
<b>A6</b>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X	X
<b>Khổ executive</b>	✓	✓	✓	X
<b>Folio</b>	✓ <sup>1</sup>	✓	✓	X
<b>JIS B5</b>	✓	✓	✓	X

<sup>1</sup> Giấy được hỗ trợ nhưng bộ hoàn thiện không xếp chồng, dập ghim hoặc dập lỗ trên đó.  
<sup>2</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu bộ hoàn thiện xếp chồng và dập lỗ trên giấy nhưng không ghim giấy.  
<sup>3</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu khổ giấy là 210 x 279,4 mm đến 320 x 457,2 mm (8,27 x 11 inch đến 12,6 x 18 inch).  
<sup>4</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu bộ hoàn thiện xếp chồng và ghim giấy nhưng không dập lỗ trên đó.  
<sup>5</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu bộ hoàn thiện xếp chồng giấy nhưng không dập ghim hoặc dập lỗ trên đó.  
<sup>6</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ cho dập hai lỗ.

Khổ giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim	Ngăn giấy bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 1	Ngăn giấy bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 2	Bộ hoàn thiện tập sách
JIS B4	✓	✓	✓	✓
Khổ legal	✓	✓ <sup>6</sup>	✓	✓
Thư	✓	✓	✓	✓
Oficio	✓ <sup>1</sup>	✓	✓	X
SRA3	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓
Báo cáo	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X
Thông dụng	✓	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>5</sup>	✓ <sup>3</sup>

<sup>1</sup> Giấy được hỗ trợ nhưng bộ hoàn thiện không xếp chồng, dập ghim hoặc dập lỗ trên đó.  
<sup>2</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu bộ hoàn thiện xếp chồng và dập lỗ trên giấy nhưng không ghim giấy.  
<sup>3</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu khổ giấy là 210 x 279,4 mm đến 320 x 457,2 mm (8,27 x 11 inch đến 12,6 x 18 inch).  
<sup>4</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu bộ hoàn thiện xếp chồng và ghim giấy nhưng không dập lỗ trên đó.  
<sup>5</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ nếu bộ hoàn thiện xếp chồng giấy nhưng không dập ghim hoặc dập lỗ trên đó.  
<sup>6</sup> Giấy chỉ được hỗ trợ cho dập hai lỗ.

## Loại giấy được hỗ trợ

### Loại giấy được máy in hỗ trợ

Lưu ý: Nhãn, giấy trong suốt, phong bì và giấy bìa luôn được in ở tốc độ giảm.

Loại giấy	2 khay x 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	X	✓	X
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓
Nhãn	X	X	X	✓	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ in theo lô tối đa 20 tờ để ngăn giấy dính vào nhau.



Loại giấy	2 khay x 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì ráp	X	X	X	✓	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy trong suốt <sup>1</sup>	X	X	X	✓	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ in theo lô tối đa 20 tờ để ngăn giấy dính vào nhau.

Loại giấy	ADF	Máy quét
Giấy thô	✓	✓
Phong bì	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓
Giấy màu	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓
Bóng	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓
Giấy dày	✓	✓
Nhãn	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓
Giấy thường	✓	✓
In sẵn	✓	✓
Tái chế	✓	✓
Phong bì ráp	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓
Giấy trong suốt <sup>1</sup>	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ in theo lô tối đa 20 tờ để ngăn giấy dính vào nhau.

Loại giấy	ADF	Máy quét
Nhãn vinyl	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ in theo lô tối đa 20 tờ để ngăn giấy dính vào nhau.

### Loại giấy được bộ hoàn thiện hỗ trợ

Loại giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim		Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ hoàn thiện tập sách
	Không hoàn thiện	Ghim	Không hoàn thiện	Ghim	Dập lỗ	
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	X	✓	X	✓	X
Bóng	✓	X	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	X	✓	X	✓	X
Nhãn	✓	X	✓	X	X	X
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy trong suốt <sup>1</sup>	✓	X	✓	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X	X	X
Phong bì	✓	X	✓	X	X	X
Phong bì ráp	✓	X	✓	X	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	X	✓	X	X	X
Ráp/cotton	✓	X	✓	X	X	X
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ in theo lô tối đa 20 tờ để ngăn giấy dính vào nhau.

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	2 khay 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng
Giấy thường	60 – 256 g/m <sup>2</sup> (16 – 68 lb)				
Bóng	60 – 256 g/m <sup>2</sup> (16 – 68 lb)				

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	2 khay 500 tờ	Khay 2500 tờ	Khay 3000 tờ	Khay nạp giấy đa năng
<b>Giấy bì</b>	60 – 256 g/m <sup>2</sup> (16 – 68 lb)				
<b>Nhãn</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	60 – 256 g/m <sup>2</sup> (16 – 68 lb)
<b>Phong bì</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	75 – 256 g/m <sup>2</sup> (20 – 68 lb)

## Máy in và MFP Lexmark C6160, CS820, CS827, CX820, CX825, CX827, CX860, XC6152, XC6153, XC8155, XC8160, XC8163



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

#### Khổ giấy đầu vào được hỗ trợ

Khổ giấy	Kích thước	Khay 550 tờ	Khay 2200 tờ	Khay Phong bì	Khay nạp giấy đa năng <sup>1</sup>	In in	ADF
<b>3 x 5</b>	76,2 x 127 mm (3 x 5 inch)	X	X	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Nguồn giấy này không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

<sup>2</sup> Khổ đọc A5 là khổ giấy Thông dụng trong các khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn.

Khổ giấy	Kích thước	Khay 550 tờ	Khay 2200 tờ	Khay Phong bì	Khay nạp giấy đa năng <sup>1</sup>	In in	ADF
<b>4 x 6</b>	101,6 x 152,4 mm (4 x 6 inch)	X	X	X	✓	X	X
<b>A4</b>	210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Khổ ngang A5</b>	210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	X	✓	✓	X
<b>Khổ dọc A5<sup>2</sup></b>	148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	X	X	✓	✓	✓
<b>A6</b>	105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	X	X	X	✓	✓	✓
<b>Biểu ngữ</b>	Chiều rộng tối đa: 215,9 mm (8,5 inch) Chiều dài tối đa: 1320,8 mm (52 inch)	X	X	X	✓	X	X
<b>Executive</b>	184,2 x 266,7 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	X	X	✓	✓	✓
<b>Folio</b>	215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b>	182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	X	X	✓	✓	✓
<b>Legal</b>	215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Thư</b>	215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Oficio</b>	216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b>	139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	X	X	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b>	139,7 x 148 mm đến 215,9 x 355,6 mm (5,5 x 5,8 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	X	X	✓	X	X
<b>Thông dụng</b>	76,2 x 127 mm đến 229 x 359,9 mm (3 x 5 inch đến 9 x 14,2 inch)	✓	X	X	✓	✓	X
<b>Thông dụng</b>	98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,9 x 6,4 inch đến 6,9 x 9,8 inch)	X	X	✓	X	X	X
<b>Thông dụng</b>	210 x 215,9 mm đến 210 x 1321 mm (8,27 x 8,5 inch đến 8,27 x 52 inch)	X	X	X	✓	X	X
<b>Phong bì 7 3/4</b>	98 x 190,5 mm (3,9 x 7,5 inch)	X	X	✓	✓	X	X

<sup>1</sup> Nguồn giấy này không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

<sup>2</sup> Khổ dọc A5 là khổ giấy Thông dụng trong các khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn.

Khổ giấy	Kích thước	Khay 550 tờ	Khay 2200 tờ	Khay Phong bì	Khay nạp giấy đa năng <sup>1</sup>	In in	ADF
Phong bì 9	98,4 x 225,4 mm (3,86 x 8,9 inch)	X	X	✓	✓	X	X
Phong bì 10	104,8 x 241,3 mm (4,1 x 9,5 inch)	X	X	✓	✓	X	X
Phong bì B5	176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	X	X	✓	✓	X	X
Phong bì C4	229 x 324 mm (9 x 13 inch)	X	X	X	✓	X	X
Phong bì C5	162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	X	X	✓	✓	X	X
Phong bì DL	110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	X	X	✓	✓	X	X
Phong bì khác	98,4 x 162 mm đến 229 x 359,9 mm (3,9 x 6,4 inch đến 9 x 14,2 inch)	X	X	X	✓	X	X

<sup>1</sup> Nguồn giấy này không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

<sup>2</sup> Khổ dọc A5 là khổ giấy Thông dụng trong các khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn.

### Khổ giấy đầu ra được hỗ trợ

Khổ giấy	Kích thước	Khay chuẩn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Ghim đa vị trí, bộ hoàn thiện dập lỗ <sup>1</sup>			
			Offset	Ghim	Offset	Ghim	Dập lỗ	Hộp thư 2 ngăn
3 x 5	76,2 x 127 mm (3 x 5 inch)	✓	X	X	✓	X	X	✓
4 x 6	101,6 x 152,4 mm (4 x 6 inch)	✓	X	X	✓	X	X	✓
A4	210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Khổ ngang A5	210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	X	✓	✓	X	✓
Khổ dọc A5 <sup>2</sup>	148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	X	X	✓	X	✓	✓
A6	105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	X	X	✓	X	X	X
Executive	184,2 x 266,7 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Tùy chọn này chỉ hỗ trợ các model CX825, CX860 và XC8100 Series.

<sup>2</sup> Khổ dọc A5 là khổ giấy Thông dụng trong các khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn.

Khổ giấy	Kích thước	Khay chuẩn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Ghim đa vị trí, bộ hoàn thiện dập lỗ <sup>1</sup>			
			Offset	Ghim	Offset	Ghim	Dập lỗ	Hộp thư 2 ngăn
Folio	215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B5	182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓	X	✓	✓	✓	✓
Legal	215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Thư	215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Oficio	216 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Báo cáo	139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	X	X	✓	X	✓	✓
Thông dụng	139,7 x 148 mm đến 215,9 x 359,9 mm (5,5 x 5,8 inch đến 8,5 x 14,2 inch)	✓	X	X	✓	X	X	X
Thông dụng	76,2 x 127 mm đến 229 x 359,9 mm (3 x 5 inch đến 9 x 14,2 inch)	✓	X	✓	✓	X	X	X
Thông dụng	98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,9 x 6,4 inch đến 6,9 x 9,8 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Thông dụng	210 x 215,9 mm đến 210 x 1321 mm (8,27 x 8,5 inch đến 8,27 x 52 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì 7 3/4	98 x 190,5 mm (3,9 x 7,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì 9	98,4 x 225,4 mm (3,86 x 8,9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì 10	104,8 x 241,3 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì B5	176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì C4	229 x 324 mm (9 x 13 inch)	✓	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Tùy chọn này chỉ hỗ trợ các model CX825, CX860 và XC8100 Series.

<sup>2</sup> Khổ dọc A5 là khổ giấy Thông dụng trong các khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn.

Khổ giấy	Kích thước	Khay chuẩn	Bộ hoàn thiện dập ghim		Ghim đa vị trí, bộ hoàn thiện dập lỗ <sup>1</sup>			
			Offset	Ghim	Offset	Ghim	Dập lỗ	Hộp thư 2 ngăn
Phong bì C5	162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì DL	110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	X	X	X	X	X	X
Phong bì khác	98,4 x 162 mm đến 229 x 359,9 mm (3,9 x 6,4 inch đến 9 x 14,2 inch)	✓	X	X	X	X	X	X

<sup>1</sup> Tùy chọn này chỉ hỗ trợ các model CX825, CX860 và XC8100 Series.

<sup>2</sup> Khổ dọc A5 là khổ giấy Thông dụng trong các khay 550 tờ tiêu chuẩn và tùy chọn.

## Loại giấy được hỗ trợ

### Loại đầu vào được hỗ trợ

Lưu ý: Nhãn, phong bì và giấy bìa luôn được in với tốc độ được giảm.

Loại giấy	Khay 550 tờ	Khay 2200 tờ	Khay phong bì	Khay nạp giấy đa năng	In in	ADF
Giấy thường	✓	✓	X	✓	✓	✓
Giấy bìa <sup>2</sup>	✓ <sub>1</sub>	X	X	✓ <sub>1</sub>	✓	X
Tái chế	✓	✓	X	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	X	✓	✓	X
Giấy bóng dày	✓	✓	X	✓	✓	X
Nhãn	✓	X	X	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	X	X	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	X	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	✓	✓	X	X
Phong bì ráp	X	X	✓	✓	X	X
Giấy trong suốt	X	X	X	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	X	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	X	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Nguồn giấy này hỗ trợ trọng lượng giấy bìa lên tới 176 g/m<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Giấy bìa nặng hơn 176 g/m<sup>2</sup> chỉ được hỗ trợ in một mặt bằng khay 550 tờ tiêu chuẩn.

Loại giấy	Khay 550 tờ	Khay 2200 tờ	Khay phong bì	Khay nạp giấy đa năng	In in	ADF
Giấy màu	✓	✓	X	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	X	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	X	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	X	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Nguồn giấy này hỗ trợ trọng lượng giấy bìa lên tới 176 g/m<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Giấy bìa nặng hơn 176 g/m<sup>2</sup> chỉ được hỗ trợ in một mặt bằng khay 550 tờ tiêu chuẩn.

### Loại đầu ra được hỗ trợ

Loại giấy	Bộ hoàn thiện dập ghim			Ghim đa vị trí, bộ hoàn thiện dập lỗ*		
	Không hoàn thiện	Offset	Ghim	Ngăn giấy chuẩn (Xếp chồng bình thường và offset)	Hộp thư 2 ngăn	Ghim và đục lỗ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	X	✓	X	X
Giấy trong suốt	✓	X	X	✓	X	X
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	X	✓	✓	X
Giấy bóng dày	✓	✓	X	✓	✓	X
Nhãn	✓	X	X	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	X	X	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	X	✓	X	X
Phong bì ráp	✓	✓	X	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	✓

\* Tùy chọn này chỉ hỗ trợ các model máy in CX825, CX860 và XC8100.



## Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay 2200 tờ	Khay phong bì	Khay nạp giấy đa năng
<b>Giấy thường</b> <sup>1,2</sup>	60 – 176 g/m <sup>2</sup> (16 – 47 lb) <sup>3</sup>	60 – 120 g/m <sup>2</sup> (16 – 32 lb)	Không áp dụng	60 – 176 g/m <sup>2</sup> (16 – 47 lb)
<b>Giấy biểu ngữ</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	90 – 105 g/m <sup>2</sup> (24 – 28 lb)
<b>Bóng</b>	88 – 176 g/m <sup>2</sup> (60 – 120 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng	88 – 176 g/m <sup>2</sup> (60 – 120 lb)
<b>Giấy bì</b>	88 – 300 g/m <sup>2</sup> (60 – 192 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng	163 – 176 g/m <sup>2</sup> (90 – 120 lb)
<b>Nhấn</b>	88 – 300 g/m <sup>2</sup> (60 – 192 lb)	Không áp dụng	Không áp dụng	199 – 220 g/m <sup>2</sup> (53 – 59 lb)
<b>Phong bì</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	60 – 105 g/m <sup>2</sup> (16–28 lb) <sup>4, 5</sup>	60–105 g/m <sup>2</sup> (16–28 lb)

<sup>1</sup> Giấy thờ ngắn có trọng lượng tối thiểu 90 g/m<sup>2</sup> (24 lb) được hỗ trợ in hai mặt.

<sup>2</sup> Giấy tái chế có trọng lượng 75 – 120 g/m<sup>2</sup> (20 – 32 lb) được hỗ trợ in hai mặt.

<sup>3</sup> Trọng lượng giấy cũng được hỗ trợ in hai mặt.

<sup>4</sup> Giấy có trọng lượng tối đa hàm lượng 100% cotton là giấy thô 24 lb.

<sup>5</sup> Phong bì giấy thô 28 lb được giới hạn ở hàm lượng cotton là 25%.

## Giấy bì được hỗ trợ

Loại giấy	Hướng thờ giấy	Trọng lượng giấy			
		Khay tiêu chuẩn	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Giấy Bristol chỉ mục</b>	Thờ dài	300 g/m <sup>2</sup> (166 lb)	163 g/m <sup>2</sup> (90 lb)	163 g/m <sup>2</sup> (90 lb)	163 g/m <sup>2</sup> (90 lb)
	Thờ ngắn	300 g/m <sup>2</sup> (166 lb)	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)
<b>Giấy in thẻ</b>	Thờ dài	300 g/m <sup>2</sup> (184 lb)	163 g/m <sup>2</sup> (100 lb)	163 g/m <sup>2</sup> (100 lb)	163 g/m <sup>2</sup> (100 lb)
	Thờ ngắn	300 g/m <sup>2</sup> (184 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)
<b>Giấy in cover</b>	Thờ dài	300 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)
	Thờ ngắn	300 g/m <sup>2</sup> (110 lb)	218 g/m <sup>2</sup> (80 lb)	218 g/m <sup>2</sup> (80 lb)	218 g/m <sup>2</sup> (80 lb)

## Nhãn được hỗ trợ

Loại nhãn	Chiều rộng và chiều dài	Trọng lượng	Độ dày	Độ mịn
Giấy	76 x 216 mm (3 x 8,5 inch) <sup>a</sup>	Lên tới 180 g/m <sup>2</sup> (48 lb)	0,13 – 0,20 mm (0,005 – 0,0008 inch)	50 – 300 Sheffield <sup>b</sup>
Dual web		Lên tới 180 g/m <sup>2</sup> (48 lb)		
Polyester		Lên tới 220 g/m <sup>2</sup> (59 lb)		
Vinyl		Lên tới 300 g/m <sup>2</sup> (92 lb)		
<b>Biểu mẫu kết hợp</b>	Không áp dụng	Lên tới 175 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>c</sup>	Không áp dụng	Không áp dụng

<sup>a</sup> Kích thước nhãn tối thiểu được hỗ trợ trong khay nạp giấy đa năng là 76 x 124 mm (3 x 5 inch). Kích thước nhãn tối thiểu được hỗ trợ trong khay tiêu chuẩn và tùy chọn là 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch).

<sup>b</sup> 50 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

<sup>c</sup> Trọng lượng chỉ được hỗ trợ in hai dòng.

## Hướng giấy tiêu đề

Nguồn	In	Mặt in	Hướng giấy
Khay	Một mặt	Ngửa lên	Nạp giấy với cạnh trên hướng về phía bên trái của khay.
	In	Úp xuống	Nạp giấy với cạnh trên hướng về phía bên phải của khay.
Khay nạp giấy đa năng	Một mặt	Úp xuống	Nạp giấy với cạnh trên đưa vào máy in trước.
	In	Ngửa lên	Nạp giấy với cạnh trên đưa vào máy in sau.

### Lưu ý:

- Đối với các lệnh in một mặt cần hoàn thiện, hãy nạp giấy úp xuống với cạnh trên hướng về phía bên phải của khay. Đối với khay nạp giấy đa năng, hãy nạp giấy ngửa lên với cạnh trên đưa vào máy in sau.
- Đối với các lệnh in hai mặt cần hoàn thiện, hãy nạp giấy ngửa lên với cạnh trên hướng về phía bên trái của khay. Đối với khay nạp giấy đa năng, hãy nạp giấy úp xuống với cạnh trên đưa vào máy in trước.

**Máy in và MFP Lexmark C4150, CS720, CS725, CS727, CS728, CX725, CX727, XC4140, XC4143, XC4150, XC4153**



Các bảng sau đây cung cấp thông tin về nguồn giấy tiêu chuẩn và tùy chọn cũng như khổ, loại và trọng lượng của giấy mà máy in hỗ trợ.

**Lưu ý:** Đối với khổ giấy không được liệt kê, hãy chọn khổ được liệt kê *lớn hơn* gần nhất.

### Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy	Kích thước	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng*	In in	ADF
<b>A4</b>	210 x 297 mm (8,3 x 11,7 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A5 cạnh dài</b>	210 x 148 mm (8,3 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✗
<b>A5 cạnh ngắn</b>	148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>A6</b>	105 x 148 mm (4,1 x 5,8 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Biểu ngữ</b>	Chiều rộng tối đa: 215,9 mm (8,5 inch) Chiều dài tối đa: 1320,8 mm (52 inch)	✗	✓	✗	✗
<b>Executive</b>	184,2 x 266,7 mm (7,3 x 10,5 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b>	215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b>	182 x 257 mm (7,2 x 10,1 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b>	215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	✓

\* Nguồn giấy này không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

Khổ giấy	Kích thước	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng*	In in	ADF
<b>Thư</b>	215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio</b>	215,9 x 340 mm (8,5 x 13,4 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b>	139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	✓	✓	✓	✓
<b>Thông dụng</b>	105 x 148 mm đến 215,9 x 355,6 mm (4,13 x 5,83 inch đến 8,5 x 14 inch)	✓	✓	✓	X
<b>Thông dụng</b>	76,2 x 127 mm đến 215,9 x 355,6 mm (3 x 5 inch đến 8,5 x 14 inch)	X	✓	X	X
<b>Phong bì 7 3/4</b>	98,4 x 190,5 mm (3,9 x 7,5 inch)	X	✓	X	X
<b>Phong bì 9</b>	98,4 x 225,4 mm (3,86 x 8,9 inch)	X	✓	X	X
<b>Phong bì 10</b>	104,8 x 241,3 mm (4,1 x 9,5 inch)	✓	✓	X	X
<b>Phong bì B5</b>	176 x 250 mm (6,9 x 9,8 inch)	✓	✓	X	X
<b>Phong bì C5</b>	162 x 229 mm (6,4 x 9 inch)	✓	✓	X	X
<b>Phong bì DL</b>	110 x 220 mm (4,3 x 8,7 inch)	✓	✓	X	X
<b>Monarch</b>	98,4 x 190,5 mm (3,9 x 7,5 inch)	X	✓	X	X
<b>Phong bì khác</b>	98,4 x 162 mm đến 176 x 250 mm (3,87 x 6,38 inch đến 6,93 x 9,84 inch)	X	✓	X	X

\* Nguồn giấy này không hỗ trợ cảm biến khổ giấy tự động.

## Loại giấy được hỗ trợ

**Lưu ý:** Nhãn, phong bì và giấy bì luôn được in với tốc độ được giảm.

Loại giấy	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	ADF
<b>Giấy thường</b>	✓	✓	✓
<b>Giấy bì</b>	✓	✓	X
<b>Tái chế</b>	✓	✓	✓
<b>Bóng</b>	✓	✓	X

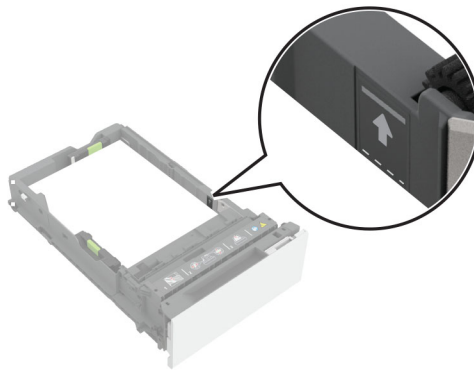
Loại giấy	Khay 550 tờ	Khay nạp giấy đa năng	ADF
Giấy bóng dày	✓	✓	X
Nhãn	✓	✓	X
Nhãn vinyl	✓	✓	X
Giấy thô	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	X
Phong bì ráp	✓	✓	X
Giấy trong suốt	X	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Trọng lượng giấy
Giấy thường	75 – 90,3 g/m <sup>2</sup> (20 – 24 lb)
Bóng	88 – 176 g/m <sup>2</sup> (giấy in sách 60 – 120 lb)
	162 – 176 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy in cover 60 – 65 lb)
Giấy dày	90,3 – 105 g/m <sup>2</sup> thớ dài (giấy thô 24,1 – 28 lb)
Giấy bìa	Lên tới 199 g/m <sup>2</sup> thớ dài (110 lb)
	Lên tới 218 g/m <sup>2</sup> thớ ngắn (80 lb)
Nhãn (Nhãn giấy)	218 g/m <sup>2</sup> (58 lb)
Nhãn (Nhãn vinyl)	300 g/m <sup>2</sup> (79,9 lb)
Phong bì	60 – 105 g/m <sup>2</sup> (giấy thô 16–28 lb)

## Thông tin đường nạp khay

Tùy thuộc vào cấu trúc, đôi khi có thể khó lấy và nạp nhãn giấy và giấy bìa. Có thể cải thiện hiệu suất bằng cách kiểm soát số lượng tờ giấy được nạp vào khay. Có hai đường nạp vào khay. Đường nét liền là chỉ báo nạp giấy tối đa. Không được nạp giấy vào khay quá đường này, nếu không có thể xảy ra kẹt giấy. Đường đứt nét là chỉ báo nạp giấy thay thế. Nên sử dụng đường này nếu ghi nhận bất kỳ vấn đề nào về nạp giấy hoặc độ tin cậy với giấy chuyên dụng, bao gồm nhãn và giấy bìa. Nếu kẹt giấy xảy ra khi nạp đầy khay, chỉ nạp giấy chuyên dụng đến chỉ báo nạp giấy thay thế.



## Giấy bìa được hỗ trợ

Loại giấy	Hướng thớ giấy	Trọng lượng giấy
Giấy Bristol chỉ mục	Thớ dài	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)
	Thớ ngắn	199 g/m <sup>2</sup> (110 lb)
Giấy in thẻ	Thớ dài	163 g/m <sup>2</sup> (100 lb)
	Thớ ngắn	203 g/m <sup>2</sup> (125 lb)
Giấy in cover	Thớ dài	176 g/m <sup>2</sup> (65 lb)
	Thớ ngắn	218 g/m <sup>2</sup> (80 lb)

## Nhãn được hỗ trợ

Loại nhãn	Chiều rộng và chiều dài	Trọng lượng	Độ dày	Độ mịn
Giấy	76 x 216 mm (3 x 8,5 inch)*	218 g/m <sup>2</sup> (58 lb)	0,13 – 0,20 mm (0,005 – 0,0008 inch)	50 – 300 Sheffield†
Vinyl		300 g/m <sup>2</sup> (79,9 lb)		

\* Kích thước nhãn tối thiểu được hỗ trợ trong khay nạp giấy đa năng là 76 x 124 mm (3 x 5 inch). Kích thước nhãn tối thiểu được hỗ trợ trong khay tiêu chuẩn và tùy chọn là 148 x 210 mm (5,8 x 8,3 inch).

† 50 điểm Sheffield là tối ưu. Sử dụng giấy trên 300 điểm Sheffield có thể làm giảm chất lượng bản in.

**Lưu ý:** Hạn chế in nhãn sử dụng thường xuyên, khoảng 1500 nhãn mỗi tháng.

## Letterhead orientation

Source	Printing	Printed side	Paper orientation
Trays	One-sided	Faceup	Load paper with the top edge toward the front of the tray.
	Two-sided	Facedown	Load paper with the top edge toward the back of the tray.
Multipurpose feeder	One-sided	Facedown	Load paper with the top edge entering the printer first.
	Two-sided	Faceup	Load paper with the top edge entering the printer last.

## Bảng thuật ngữ

<b>Bán lỏng</b>	Có đặc tính của cả chất lỏng và chất rắn.
<b>Bên chuyển đổi</b>	Nhà cung cấp vật liệu in lấy vật liệu cơ bản từ nhà sản xuất và chuyển đổi thành các sản phẩm giấy rời.
<b>Bắn keo dính</b>	Việc di chuyển keo dính ra khỏi nhãn có thể làm bắn máy in. Còn được gọi là bắn keo.
<b>Bản tung toé</b>	Sự xuất hiện của các đốm đen xung quanh hình ảnh được in. Thường liên quan đến quá trình in trên vật liệu quá dày hoặc có bề mặt thấm mực.
<b>Bột in offset</b>	Một loại bột được sử dụng trong một số quy trình in để giúp làm khô mực.
<b>Cán láng</b>	Quá trình di chuyển giấy qua các cuộn kim loại trong quá trình sản xuất để làm nhẵn và đánh bóng bề mặt giấy.
<b>Chuyển đổi</b>	Quy trình biến vật liệu cơ bản thành các sản phẩm cắt sẵn được thiết kế cho các ứng dụng cụ thể. Quá trình chuyển đổi bao gồm cắt vật liệu cơ bản theo kích thước, đục lỗ, cắt theo khuôn, bôi mực và sơn phủ.
<b>Chảy dầu</b>	Di chuyển vật liệu từ lớp nền hoặc keo dính ra bề mặt. Điều này thường xảy ra ở các vật liệu cũ hoặc vật liệu tiếp xúc với sự thay đổi nhiệt độ khắc nghiệt. Còn được gọi là độ thấm, thấm qua và phai màu.
<b>Chấn góc</b>	Mẫu kim loại ở góc của khay giấy giúp máy in tách một tờ giấy khỏi tập giấy trong quá trình chọn.
<b>Cạnh trình điều khiển</b>	Đối với các máy in sử dụng tham chiếu cố định để nạp giấy qua đường dẫn giấy (trái ngược với máy in đặt giấy ở giữa đường dẫn), cạnh của vật liệu in được định vị bên cạnh tham chiếu phần cứng và được điều khiển bởi các trục trong máy in. Đối với hầu hết các máy in Lexmark, cạnh trình điều khiển là cạnh trái của trang đọc.
<b>Cạnh trước</b>	Cạnh của vật liệu in đưa vào đường dẫn giấy của máy in trước.
<b>Cắt theo khuôn</b>	Nhãn: Cắt vật liệu (vật liệu bề mặt) để tạo thành các nhãn riêng lẻ trên tờ giấy. Vết cắt không xuyên qua lớp lót. Giấy bìa: Vết cắt được thực hiện bằng khuôn để tạo ra các hình dạng mong muốn trên vật liệu. Vết cắt có thể hoặc không thể đi hoàn toàn qua vật liệu. Vui lòng xem thêm <a href="#">“Dây buộc” trên trang 204</a> .
<b>Cụm trục nạp giấy</b>	Cần gấp dẫn động bằng bánh răng được treo bằng lò xo đối trọng cho phép máy in tự động điều chỉnh lực gấp cần thiết cho các loại vật liệu in khác nhau.
<b>Dây buộc</b>	Các khu vực nhỏ dọc theo các lỗ hoặc vết cắt theo khuôn trên bề mặt của nhãn (vật liệu nhạy cảm với áp suất) hoặc trên giấy bìa không được cắt xuyên qua. Dây buộc giúp định hình và ngăn rách ở các lỗ và vết cắt theo khuôn.
<b>Dập chìm</b>	Quá trình ép một hình ảnh xuống bề mặt của nhãn hoặc giấy bìa. Vui lòng xem thêm <a href="#">“Dập nổi” trên trang 204</a> .
<b>Dập nổi</b>	Quá trình nâng cao bề mặt của vật liệu cơ bản bằng cách dập hình ảnh hoặc thiết kế bằng máy dập nổi. Máy có cuộn với hình ảnh nổi trên bề mặt. Khi vật liệu in đi qua máy, hình ảnh được ép vào vật liệu. Vui lòng xem thêm <a href="#">“Dập chìm” trên trang 204</a> .



<b>Giấy rời</b>	Một mảnh (trang) giấy hoặc vật liệu in nhãn.
<b>Gấp giấy</b>	Hành động cơ học mà máy in thực hiện để gấp một tờ vật liệu ra khỏi khay.
<b>Hàm lượng sợi</b>	Vật liệu được dùng để sản xuất giấy. Hầu hết giấy in mực tĩnh điện chất lượng cao được làm từ 100% bột gỗ đã qua xử lý hóa học. Hàm lượng này giúp cho giấy có độ ổn định cao ít phát sinh sự cố nạp giấy hơn và chất lượng bản in tốt hơn. Giấy chứa các sợi như cotton có các đặc điểm có thể dẫn đến giảm nạp giấy.
<b>Hộp mực</b>	Vật liệu dính vào giấy hoặc vật liệu in để tạo ra hình ảnh in.
<b>Làm bẩn mực</b>	Quá trình chuyển mực từ biểu mẫu sang cơ chế lấy mực của máy in hoặc cụm bộ sấy có thể làm bẩn máy in.
<b>Lồng vào nhau</b>	Để vừa khít với nhau; lồng vào nhau; dính với nhau.
<b>Lỗ</b>	Dòng lỗ hoặc khe rất nhỏ được đục lỗ để giúp quá trình xé. Vui lòng xem thêm <a href="#">“Lỗ laser” trên trang 205</a> .
<b>Lỗ laser</b>	Các lỗ nhỏ (20 đến 30 lỗ trên mỗi inch) tạo ra ít bụi giấy và mảnh vụn và thường không gây ra hiện tượng lồng vào nhau. Còn được gọi là lỗ siêu nhỏ hoặc lỗ dữ liệu.
<b>Lỗ siêu nhỏ</b>	Vui lòng xem <a href="#">“Lỗ laser” trên trang 205</a> .
<b>Lớp hoàn thiện vellum</b>	Lớp hoàn thiện có bề mặt nhám tương tự như lớp hoàn thiện bằng vỏ trứng và kiểu cũ. Lớp hoàn thiện vellum tương đối thấm hút tốt, giúp thấm mực tốt.
<b>Lớp phủ vùng</b>	Chỉ dán keo ở những khu vực đã chọn. Cho phép không có vùng dính dọc theo mép nhãn. Còn được gọi là keo dính có hoa văn, lớp phủ có hoa văn, lớp phủ khô, dải phân tách và lớp phủ dải.
<b>Lực kéo</b>	Cường độ tối đa, hoặc lực giữ, mà nhãn có được trước khi được tách ra khỏi lớp lót.
<b>Ma trận</b>	Các phần vật liệu cắt theo khuôn không cần thiết xung quanh nhãn. Ma trận bị tước là ma trận được loại bỏ để giúp bóc nhãn khỏi lớp lót dễ dàng hơn.
<b>Ma trận cạnh tước</b>	Đã loại bỏ các nhãn có một phần diện tích xung quanh mép ngoài của giấy rời.
<b>Nạp giấy</b>	Cách vật liệu di chuyển ra khỏi khay giấy và qua máy in.
<b>Nếp gấp</b>	Nếp gấp của vật liệu đục lỗ khi được uốn cong.
<b>Phương pháp đo nhiệt</b>	Một quy trình in nâng hình ảnh hoặc thiết kế bằng mực lên trên bề mặt của vật liệu cơ bản. Còn được gọi là ghi nhiệt điện.
<b>Quản</b>	Độ gợn sóng hoặc độ cong ở cạnh của vật liệu thường liên quan đến độ ẩm.
<b>Quấn</b>	Cong mép giấy trong quá trình chuyển đổi do dao cắt bị cùn.
<b>Rò rỉ</b>	Việc di chuyển keo dính ra khỏi nhãn có thể làm bẩn máy in.
<b>Siêu cán láng</b>	Quy trình trong đó giấy đi qua thép được làm nóng, đánh bóng và các cuộn cotton nén để “ủ” vật liệu nhằm đạt được lớp hoàn thiện có độ bóng cao, được đánh bóng.
<b>Tách lớp</b>	Quá trình bóc nhãn ra khỏi mặt sau trong quá trình in.
<b>Tháo rời</b>	Khả năng của keo dính chống bong tróc nhãn trong quá trình in.

<b>Thấm mực</b>	Quá trình máy in làm tan mực và bám chặt vào vật liệu in.
<b>Thớ giấy</b>	Hướng của các sợi trong vật liệu in. Thớ ngắn cho biết các sợi chạy theo chiều rộng của giấy. Thớ dài cho biết các sợi chạy dọc theo chiều dài của giấy.
<b>Trọng lượng cơ bản</b>	Trọng lượng tính bằng pound của số tờ giấy hoặc vật liệu cụ thể ở kích thước tiêu chuẩn cho vật liệu cụ thể đó.
<b>Trục nạp giấy</b>	Trục hỗ trợ lấy một tờ vật liệu từ khay.
<b>Tổng ma trận tước</b>	Nhãn có phần vật liệu cắt theo khuôn không cần thiết xung quanh nhãn, bao gồm cả phần giữa các nhãn, được loại bỏ để giúp tách nhãn khỏi lớp lót dễ dàng hơn.
<b>Vết cắt giáp mối</b>	Cắt phẳng với nhau, không có diện tích thừa ở giữa. Vết cắt này không đi qua lớp lót. Nhãn cắt giáp mối có thể có hoặc không loại bỏ ma trận cạnh.
<b>Vết cắt xuyên</b>	Các vết cắt xuyên qua vật liệu bề mặt và lớp lót của nhãn.
<b>Vết keo dính</b>	Các vết keo dính nhỏ được tìm thấy trên bề mặt vật liệu nhạy cảm với áp suất tại khu vực cắt theo khuôn và đục lỗ. Vết keo dính là dấu hiệu của lưỡi cùn và có liên quan đến độ bền cắt của keo dính.
<b>Xếp chồng</b>	Giấy xếp vào ngăn giấy đầu ra tốt như thế nào.
<b>Đường cắt sau</b>	Còn được gọi là khe phía sau hoặc vết cắt lót. Cắt qua mặt sau của lớp lót. Các khe phía sau làm tăng khả năng bắn keo dính.
<b>Định cỡ</b>	Các chất phụ gia cho giấy (bên trong hoặc bên ngoài) giúp cải thiện chất lượng in offset và khả năng chống lại chất lỏng.
<b>Độ bền cắt</b>	Cường độ kết dính của keo dính.
<b>Độ bền uốn</b>	Còn được gọi là độ bền cột. Là khả năng vật liệu có thể tự hỗ trợ, giữ phẳng và thẳng trong quá trình in.
<b>Độ lệch</b>	Độ nghiêng của các đường in so với mép giấy do giấy di chuyển qua máy in theo một đường khác không phải đường thẳng.
<b>Độ mịn</b>	Mức độ mịn của vật liệu in. Nếu giấy quá thô, mực không thấm vào giấy đúng cách, dẫn đến chất lượng bản in kém. Nếu giấy quá mịn thì có thể gây ra sự cố nạp giấy trong máy in. Độ mịn được đo bằng điểm Sheffield; giá trị thấp hơn cho thấy giấy mịn hơn.
<b>Độ thấm mực</b>	Phép đo định tính độ bám dính của mực in lên tờ giấy in.
<b>Độ ẩm</b>	Độ ẩm trên giấy ảnh hưởng đến cả chất lượng bản in và nạp giấy. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng. Làm như vậy sẽ hạn chế giấy tiếp xúc với những thay đổi về độ ẩm có thể làm hỏng giấy.